

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

**NGÀNH: HỘ SINH
MÃ NGÀNH: 6720303**

ĐỒNG THÁP – NĂM 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-CĐYT ngày 18 tháng 02 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

Tên ngành, nghề: HỘ SINH

Mã ngành, nghề: 6720303

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Hộ sinh trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai, thực hiện đỡ đẻ an toàn; tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi; khám một số tình trạng bệnh lý phụ khoa thông thường; tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn và thực hiện phá thai an toàn với tuổi thai dưới 7 tuần; chăm sóc sức khỏe trẻ em; tiêm chủng mở rộng..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc của nghề hộ sinh được thực hiện chủ yếu ở các bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi; khoa Sản các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến huyện; trung tâm y tế tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường và cộng đồng. Cường độ làm việc của người hộ sinh tương đối cao, đòi hỏi sự tập trung và tinh thần trách nhiệm cao để đạt được sự hài lòng của người bệnh. Để đảm bảo công việc của nghề hộ sinh được tốt thì cần có môi trường làm việc đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị y tế và các nội quy, quy định nơi làm việc của hộ sinh.

Để hành nghề, người hộ sinh cần có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên môn nghề đáp ứng với vị trí việc làm. Ngoài ra, người hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;

- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định..

1.2.2. Về kỹ năng:

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.

- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;

- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;

- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;

- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;

- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm..

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.

- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ;

- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;

- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Hộ sinh trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian toàn khoá học:

- Số lượng môn học: **53** (có 01 môn học tự chọn)

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: **100** tín chỉ (**2705** giờ).

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: **585** giờ

- Khối lượng các học phần chuyên môn: **2120** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **1044** giờ (**38,6%**); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1578** giờ (**58,3%**), kiểm tra: **83** giờ (**3,1%**).

3. Nội dung chương trình:

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Kiểm tra
	I	Các môn học chung, đại cương	27	585	272	284	29
1	MH6201	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	MH6202	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
3	MH6203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	MH6204	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	6
5	MH6205	Tiếng Anh chuyên ngành Y	2	40	39	0	1
6	MH6206	Tin học	3	75	15	58	2
7	MH6207	Pháp luật	2	30	18	10	2
8	MH6208	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
9	MH6209	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
10	MH6210	Hóa học	1	20	19	0	1
11	MH6211	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1
	II	Các môn học chuyên môn	73	2120	772	1294	54
	II.1	Môn học cơ sở	27	620	365	233	22
12	MH6212	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	50	19	29	2
13	MH6213	Giải phẫu - Sinh lý	3	70	39	29	2
14	MH6214	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
15	MH6215	Hoá sinh	1	20	19	0	1
16	MH6216	Dược lý	2	50	19	29	2
17	MH6217	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Kiểm tra
18	MH6218	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
19	MH6219	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	1
20	MH6220	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	20	19	0	1
21	MH6221	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1
22	MH6222	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	4	100	39	59	2
23	MH6223	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	2
24	MH6224	Không chế nhiễm khuẩn	2	50	19	29	2
25	MH6225	Tổ chức và quản lý y tế	2	40	39		1
26	MH6226	Nghiên cứu khoa học	1	20	19		1
	II.2	Môn học chuyên môn	44	1460	368	1061	31
27	MH6227	Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành & Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	3	70	39	29	2
28	MH6228	Chăm sóc thai nghén	2	40	39	0	1
29	MH6229	THBV chăm sóc thai nghén	2	90	0	88	2
30	MH6230	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	3	70	39	29	2
31	MH6231	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	2	90	0	88	2
32	MH6232	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	2	40	39	0	1
33	MH6233	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	1	45	0	44	1

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Kiểm tra
34	MH6234	Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	2	40	39	0	1
35	MH6235	THBV Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	2	90	0	88	2
36	MH6236	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	1	20	19	0	1
37	MH6237	THBV chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	1	45		44	1
38	MH6238	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	2	40	39	0	1
39	MH6239	THBV Chăm sóc hộ sinh nâng cao	1	45	0	44	1
40	MH6240	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	20	19		1
41	MH6241	TH chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	45		44	1
42	MH6242	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	70	39	29	2
43	MH6243	TH Dân số - KHH gia đình	1	45		44	1
44	MH6244	Thực tập tốt nghiệp	3	135		135	0
45	MH6245	Thực hành Sản phụ 1&2 - Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ	2	90	0	88	2
46	MH6246	Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	1	20	19	0	1
47	MH6247	TTBV Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	1	45	0	44	1
48	MH6248	Các bệnh lây truyền qua	1	20	19	0	1

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Kiểm tra
		đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén					
49	MH6249	TTBV Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	1	45	0	44	1
50	MH6250	Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	1	20	19	0	1
51	MH6251	TTBV Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	1	45	0	44	1
52	MH6252	Báo cáo tốt nghiệp	3	135		135	
	II.3	Môn học tự chọn	2	40	39	0	1
53	MH6253	Quản lý hộ sinh - TH hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học	2	40	39	0	1
54	MH6254	Giới thiệu ngành Hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế	2	40	39	0	1
		TỔNG CHUNG	100	2705	1044	1578	83

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Theo kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học, Đoàn thanh niên phối hợp với Phòng Công tác sinh viên xây dựng nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa tùy theo tình hình thực tế và công bố cho sinh viên vào đầu khóa học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định sau khi hoàn thành chương trình môn học và đã có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

4.5. Các chú ý khác (nếu có): hướng dẫn gợi ý thứ tự thực hiện các môn học theo thời gian học kỳ .

Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Khác
Học kỳ I						
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	05
2	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	06
3	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	Sinh học và Di truyền	1	20	19	0	1
5	Giáo dục thể chất ^(*)	2	60	4	52	04
6	Giáo dục Quốc phòng ^(*)	3	75	36	35	04
Tổng cộng		18	380	160	198	22
Học kỳ II						
1	Tin học	3	75	15	58	2
2	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
3	Vật lý đại cương và Lý sinh	1	20	19	0	1
4	Giải phẫu - Sinh lý	3	70	39	29	2
5	Khống chế nhiễm khuẩn	2	50	19	29	2
6	Hóa học	1	20	19	0	01
7	Hoá sinh	1	20	19	0	1

8	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	4	100	39	59	2
Tổng cộng		17	405	188	204	13
Học kỳ III						
1	Sinh lý bệnh	1	20	19	0	1
2	Đạo đức hành nghề y dược	1	20	19	0	1
3	Tiếng Anh chuyên ngành	2	40	39	0	1
4	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	40	39	0	1
5	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	50	19	29	2
6	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	2	50	19	29	2
7	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	20	19	0	1
8	Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành & Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	3	70	39	29	2
9	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	1	20	19	0	1
10	Chăm sóc thai nghén	2	40	39	0	1
Tổng cộng		17	370	270	87	13
Học kỳ IV						
1	Nghiên cứu khoa học	1	20	19	0	1
2	Tổ chức quản lý y tế	2	40	39	0	1
3	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe	2	50	19	29	2
4	Dược lý	2	50	19	29	2
5	THBV chăm sóc thai nghén	2	90	0	88	2
6	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	3	70	39	29	2
7	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	2	90	0	88	2

8	Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	2	40	39	0	1
Tổng cộng		16	450	174	263	13
Học kỳ V						
1	THBV Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	2	90	0	88	2
2	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	1	20	19	0	1
3	THBV chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	1	45	0	44	1
4	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	2	40	39	0	1
5	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	1	45	0	44	1
6	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	2	40	39	0	1
7	THBV Chăm sóc hộ sinh nâng cao	1	45	0	44	1
8	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	3	70	39	29	2
9	TH Dân số - KHH gia đình	1	45	0	44	1
10	Thực hành Sản phụ 1&2 - Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ	2	90	0	88	2
Tổng cộng		16	530	136	381	13
Học kỳ VI						
1	Giới thiệu ngành Hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế (**)	2	40	39	0	1
2	Quản lý hộ sinh - TH hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học (**)	2	40	39	0	1
3	Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	1	20	19		1
4	THBV Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị	1	45	0	44	1

	thành niên					
5	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	1	20	19		1
6	THBV Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	1	45	0	44	1
7	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	20	19		1
8	TH chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	1	45		44	1
9	Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	1	20	19	0	1
10	THBV Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	1	45	0	44	1
11	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	135	0
12	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	0
Tổng cộng		16	570	115	446	9

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Mã môn học: MH6201

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 41 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 5 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện ở HKI.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		

2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
- 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay
 - 2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh
 - 2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

- 2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam
 - 2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
- 2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
 - 2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
 - 2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh
 - 2.1.2. Do nhân dân làm chủ
 - 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
 - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5: PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
 - 2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
 - 2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phấn đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
21. Giáo trình môn học Giáo dục chính trị của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
 - Các tài liệu liên quan khác...

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành: 72 giờ; Kiểm tra: 6 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện ở HKI.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày

và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation	4	2		2

	& test)				
11	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
12	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
13	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
14	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
15	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
	Tổng cộng	120	42	72	6

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RẪNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
- 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
- 2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
- 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A letter;
- 2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Sở thích;
- 2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các thiết bị công nghệ;
- 2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;
- 2.2.2. Cấu trúc How long...?;
- 2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;
- 2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có

thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

9. Giáo trình môn học Tiếng anh cơ bản của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện ở HKI.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
	Cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

- 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
- 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
- 2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
- 2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
 - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
 - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
 - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
 - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình
- 2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

- 2.3.1. Nhảy cao
 - 2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao
 - 2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao
- 2.3.2. Nhảy xa
 - 2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa
 - 2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỢI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
 - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
 - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
 - 2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng
 - 2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
 - 2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
 - 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
 - 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
 - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng
 - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
 - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
 - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
 - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.
2. Trang thiết bị
 - 2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.
21. Giáo trình môn học Giáo dục thể chất của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng, được thực hiện ở HKI.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;

- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;

- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1

8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hoà bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hoà bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- 2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
 - 2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
 - 2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh
 - 2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt
 - 2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
 - 2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
 - 2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới
- 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
 - 2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
 - 2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới
- 2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
 - 2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn càn 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Chăm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc chăm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp chăm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LDT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;

- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biên tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.

9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biên Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biên pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.

30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.
32. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

Tên môn học: HÓA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ;

Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.
2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.
3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học
4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

- Về kỹ năng:

5. Vận dụng các kiến thức môn Hóa học để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

6. Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm.
7. Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học	13			

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	1. Cấu tạo chất		4		
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Dung dịch		3		
	4. Phức chất		3		
Chương II: Hóa học vô cơ		3			
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố		1		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		
Chương III: Hóa học hữu cơ		4			
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học		3		1
TỔNG CỘNG		20	19		1

2. Nội dung chi tiết:

Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học giờ

Thời gian: 13

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.
- Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.
- Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
- Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
- Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
- Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Cấu tạo chất Thời gian: 04 giờ
- 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
- 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
- 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
- 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
- 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
- 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học
- 2.2. Nhiệt động hoá học Thời gian: 03 giờ
- 2.2.1. Một số khái niệm
- 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.2.3. Nhiệt hóa học
- 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
- 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.3. Dung dịch Thời gian: 03 giờ
- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch
- 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất
- 2.4. Phức chất Thời gian: 03 giờ
- 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất
- 2.5.2. Phân loại phức chất
- 2.5.3. Danh pháp phức chất
- 2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

Chương II: Hóa học vô cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
- Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố Thời gian: 01 giờ
- 2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản
- 2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)
- 2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)
- 2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B) Thời gian: 02 giờ
- 2.2.1. Nguyên tố nhóm A
- 2.2.2. Nguyên tố nhóm B

Chương III: Hóa học hữu cơ

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

2. Nội dung chương:

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học
Thời gian: 03 giờ

- 2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn:* Phòng thực hành hóa phân tích.
- *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học
- + Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

Kỹ năng: vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa Đại cương vô cơ được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Điều dưỡng, Hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được

học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

4. Tài liệu tham khảo:

- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 1,2, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.

- Giáo trình môn học Hóa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1 TC, HK I, 20 giờ (LT: 19, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ I.

- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.

+ Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.

+ Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.

+ Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào

+ Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế

+ Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
	Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử				
1	Hệ thống tế bào	2	2		

2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		
3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
	Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền				
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
	Cộng	20	19		2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào
- 1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

2. Nội dung chương

2.1. Hệ thống tế bào.

- 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
- 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
- 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
- 2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống

2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.

- 2.2.1. Hình dạng tế bào
- 2.2.2. Kích thước tế bào
- 2.2.3. Số lượng tế bào
- 2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương

2.3. Sự phân chia tế bào.

- 2.3.1. Sự phân bào trực phân
- 2.3.2. Sự phân bào gián phân
- 2.3.3. Phân bào giảm nhiễm
- 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.
 - 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục
 - 2.4.2. Sự phát triển giao tử
 - 2.4.3. Nguồn gốc các giao tử
 - 2.4.4. Quá trình tạo giao tử
- 2.5. Sinh học phát triển.
 - 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
 - 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
 - 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
 - 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
 - 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành
 - 2.5.6. Giai đoạn già lão
 - 2.5.7. Giai đoạn tử vong
- 2.6. Các qui luật di truyền.
 - 2.6.1. Quy luật Mendel
 - 2.6.2. Quy luật Mendel – Quy luật phân ly độc lập
 - 2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen
 - 2.6.4. Liên kết gen
 - 2.6.5. Hoán vị gen
 - 2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân
 - 2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.
- 1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền

2. Nội dung:

- 2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
 - 2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người
 - 2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người
 - 2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người
 - 2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường
 - 2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính

- 2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.
 - 2.2.1. Lịch sử của di truyền học
 - 2.2.2. Nội dung của di truyền học người
 - 2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen
 - 2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu
 - 2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người
- 2.3. Sinh học phân tử.
 - 2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA
 - 2.3.2. RNA, quá trình phiên mã
 - 2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein
 - 2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein
- 2.4. Sinh thái học.
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Đối tượng sinh thái học
 - 2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thái học với các môn học khác
 - 2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học
 - 2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học
 - 2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, máy chiếu Video
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.
- Về kỹ năng: đánh giá bằng thi thực hành chạy trạm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, nhận định mẫu trên lam kính, trên kính hiển vi, tình huống qua chiếu video).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập..

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu học tập/ tham khảo:

- Giáo trình học phần Sinh học đại cương và di truyền do nhà trường biên soạn

- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.

- Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.

- Giáo trình môn học Sinh học và di truyền của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: Toán – Tin – Hóa – Sinh – Ngoại ngữ thuộc khoa khoa học cơ bản

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK II, 40giờ (LT: 39, TH: 0, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:

Môn học thực hiện học kỳ II, trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về ngữ pháp, vốn từ vựng chuyên ngành, nâng cao kỹ năng viết, đọc, nghe và biên dịch các tài liệu về chuyên môn. Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu các tài liệu tiếng Anh về chuyên môn.

Tính chất:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

- Đọc hiểu và dịch các tài liệu chuyên môn đơn giản.
- Đọc được tiếng Anh và sử dụng được thuật ngữ Y học
- Sử dụng được một số từ trong Y học.

II. Mục tiêu của môn học:

Kiến thức:

- Đọc, dịch được các bài khóa, nghe, nói, viết được bằng tiếng Anh các từ ngữ liên quan chuyên môn.

Kỹ năng:

- Áp dụng các từ ngữ các cấu trúc ngữ pháp trong chương trình học để đọc, viết, nói và giao tiếp với người nước ngoài.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện ý thức sử dụng tiếng Anh phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
	Chương 1: The contents related to hospital and work in the hospital	13	13		
1	Bài 1. The hospital team	4	4		
2	Bài 2. In and around the hospital	2	2		
3	Bài 3. Hospital admission	2	2		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	Kiểm tra
4	Bài 4. Accident and emergencies	2	2		
5	Bài 5. Pain	3	3		
	Chương 2: Symptoms related to disease, care and nutrition	13	13		
6	Bài 6. Symptoms	4	4		
7	Bài 7. Caring for the elderly	2	2		
8	Bài 8. Nutrition and obesity	2	2		
9	Bài 9. Blood	2	2		
10	Bài 10. Death and dying	3	3		
	Chương 3: Content related care and disease management	14	14		
11	Bài 11. Hygiene	4	4		
12	Bài 12. Mental health nursing	2	2		
13	Bài 13. Monitoring the patient	2	2		
14	Bài 14. Medication	2	2		
15	Bài 15. Alternative treatments.	4	4		1
	Tổng	40	39		1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Các nội dung liên quan bệnh viện và công việc trong bệnh viện (The contents related to hospital and work in the hospital). **13 tiết**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan đến bệnh viện và công việc trong bệnh viện.

2. Nội dung chương:

2.1. The hospital team

2.1.1. Read vocabulary

2.1.2. Basic grammatical structure

- 2.1.3. Read and translate the lesson
- 2.2. In and around the hospital
 - 2.2.1. Read vocabulary
 - 2.2.2. Basic grammatical structure
 - 2.2.3. Read and translate the lesson
- 2.3. Hospital admission
 - 2.3.1. Read vocabulary
 - 2.3.2. Basic grammatical structure
 - 2.3.3. Read and translate the lesson
- 2.4. Accident and emergencies
 - 2.4.1. Read vocabulary
 - 2.4.2. Basic grammatical structure
 - 2.4.3. Read and translate the lesson
- 2.5. Pain
 - 2.5.1. Read vocabulary
 - 2.5.2. Basic grammatical structure
 - 2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 2: Các nội dung liên quan triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng (Symptoms related to disease, care and nutrition). **13 tiết**

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan các triệu chứng bệnh, chăm sóc và dinh dưỡng.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Symptoms
 - 2.1.1. Read vocabulary
 - 2.1.2. Basic grammatical structure
 - 2.1.3. Read and translate the lesson
- 2.2. Caring for the elderly
 - 2.2.1. Read vocabulary
 - 2.2.2. Basic grammatical structure
 - 2.2.3. Read and translate the lesson
- 2.3. Nutrition and obesity
 - 2.3.1. Read vocabulary
 - 2.3.2. Basic grammatical structure

2.3.3. Read and translate the lesson

2.4. Blood

2.4.1. Read vocabulary

2.4.2. Basic grammatical structure

2.4.3. Read and translate the lesson

2.5. Death and dying

2.5.1. Read vocabulary

2.5.2. Basic grammatical structure

2.5.3. Read and translate the lesson

Chương 3: 14 tiết

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh.

2. Nội dung chương: Các nội dung liên quan chăm sóc và quản lý bệnh.

(Content related care and disease management)

2.1. Hygiene

2.1.1. Read vocabulary

2.1.2. Basic grammatical structure

2.1.3. Read and translate the lesson

2.2. Mental health nursing

2.2.1. Read vocabulary

2.2.2. Basic grammatical structure

2.2.3. Read and translate the lesson

2.3. Monitoring the patient

2.3.1. Read vocabulary

2.3.2. Basic grammatical structure

2.3.3. Read and translate the lesson

2.4. Medication

2.4.1. Read vocabulary

2.4.2. Basic grammatical structure

2.4.3. Read and translate the lesson

2.5. Alternative treatments.

2.5.1. Read vocabulary

2.5.2. Basic grammatical structure

2.5.3. Read and translate the lesson

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thực hành tại lớp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

Nursing 1 – Student’s book, Tony Grice, Oxford English for Careers;

Giáo trình môn học Tiếng anh chuyên ngành của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

Tên môn học: TIN HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 58 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng, được thực hiện ở HKII.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết như sau:

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Băng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

- 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới
- 2.2.2.3. Lưu tập tin
- 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
 - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xoá dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

- 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
- 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
- 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
- 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
 - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

- 2.7.1. Tạo biểu đồ
- 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

- 2.8.1. Trình bày trang tính để in
- 2.8.2. Kiểm tra và in
- 2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

- 2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình
- 2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

- 2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản
 - 2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

- 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
- 2.2.1.3. Các thao tác trên slide
- 2.2.1.4. Chèn Picture
- 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox
- 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
- 2.2.1.7. Chèn Audio, Video
- 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
- 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
- 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
- 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
- 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
- 2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
 - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
 - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
 - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
 - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016
12. Giáo trình môn học Tin học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (LT: 19 giờ; TH: 29 giờ, KT: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.
2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	Chương 2: Các định lý xác suất	4	2	2	
3	Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4	Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	Chương 6: Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.				
	Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	
8	Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui				
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

2. Nội dung chương:

2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

2.1.1. Phép thử và biến cố

2.1.2. Xác suất của biến cố

2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

Chương 2: Các định lý xác suất

1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Hiểu được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung chương:

2.1. Các định lý xác suất

2.1.1. Định lý nhân xác suất.

2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

- 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.
- 2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.
- 2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.
 - 1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.
 - 1.3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.
 - 1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục
 - 2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.
 - 2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
 - 2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương
 - 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;
 - 1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;
 - 1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;
 - 1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu
 - 2.1.1. Khái niệm cơ bản.
 - 2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.
 - 2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.
 - 2.1.4. Thống kê.
 - 2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

Chương 6: Ước lượng tham số

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;
 - 1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
 - 1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.

- 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
- 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
- 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.

2. Nội dung chương:

2.1. Thống kê, phân phối và biến số

Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

2. Nội dung chương:

2.1. Ước lượng

2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ

2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R

2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R

2.5. Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R

2.6. Tương quan hồi quy

2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên)
trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.
2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.
3. Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác suất. Nhà xuất bản giáo dục
4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.
5. Giáo trình môn học Xác suất và thống kê y học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK I, 20 giờ (LT: 19, TH: 0 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí:

Môn học thực hiện học kỳ II, sau môn học sinh học và di truyền.

Tính chất:

Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết vật lý-lý sinh, vận dụng được các kiến thức môn học vào các học phần khác.

Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

- + Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh lý y học.
- + Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học
- + Trình bày được cơ chế vật lý của các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể con người.
- + Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác
 - Về kỹ năng
- + Áp dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc bệnh nhân một cách khoa học.
- + Trình bày một số phương pháp vật lý cơ bản được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hiện nay.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
- + Vận dụng được các kiến thức trên vào việc học tập và nghiên cứu các môn Y học cơ sở và y học lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Tên chương	Thời gian			
		Tổng	Lý	Thực hành	Kiểm

		số	thuyết		tra
	Chương 1: Vật lý đại cương				
1	Sự phân cực của chất điện môi	2	2		
2	Tương tác từ của dòng điện	2	2		
3	Bản chất của dòng điện	2	2		
4	Dòng điện và sự sống	2	2		
5	Quang sinh học	2	2		
6	Phóng xạ sinh học	2	2		
	Chương 2: Lý sinh trong Y học				
7	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	2	2		
8	Lý sinh một số cơ quan cảm giác	2	2		
9	Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học	2	2		
10	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	2	1		1
	Cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Vật lý đại cương

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.

2. Nội dung chương

2.1. Sự phân cực của chất điện môi

2.1.1 Hiện tượng phân cực điện môi

2.1.2. Phân tử phân cực và phân tử không phân cực

2.1.3. Giải thích hiện tượng phân cực điện môi

2.2. Tương tác từ của dòng điện

2.2.1. Thí nghiệm về tương tác của dòng điện

2.2.2. Định luật Ampère về tương tác từ của dòng điện

2.3. Bản chất của dòng điện

2.3.1. Định nghĩa dòng điện

- 2.3.2. Bản chất của dòng điện
- 2.3.3. Tác dụng của dòng điện
- 2.4. Dòng điện và sự sống
- 2.4.1 Hiện tượng định sinh vật
- 2.4.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị
- 2.5. Quang sinh học
- 2.5.1. Đại cương về tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống
- 2.5.2. Một số quá trình quang sinh
- 2.6. Phóng xạ sinh học.
- 2.6.1. Bức xạ ion hóa
- 2.6.2. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

Chương 2: Lý sinh trong y học

1. Mục tiêu:

- Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.
- Thực hiện được một số phương pháp lý sinh dùng trong y học.
- Thực hiện phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Lý sinh tuần hoàn và hô hấp
- 2.1.1. Sơ lược về tính chất vật lý của hệ tuần hoàn
- 2.1.2. Sự thay đổi áp suất và tốc độ chảy của máu trong các động mạch
- 2.1.3. Hoạt động hô hấp
- 2.1.4. Sự vận chuyển khí trong cơ thể
- 2.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí
- 2.2. Lý sinh một số cơ quan cảm giác
- 2.2.1. Thị giác
- 2.2.1.1. Quang hình học của mắt
- 2.2.1.2. Khả năng điều tiết của mắt
- 2.2.1.3. Khả năng phân ly của mắt
- 2.2.2. Thính giác
- 2.2.2.1. Sơ lược cấu tạo cơ quan thính giác
- 2.2.2.2. Cơ chế quá trình nghe
- 2.3. Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học
- 2.3.1. Ứng dụng của siêu âm trong y học
- 2.3.2. Ứng dụng của laser trong y học
- 2.4. Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm

2.4.1. Sai số

2.4.2. Phân tích đồ thị các số liệu thực nghiệm

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên phòng thực hành lý sinh

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, tài liệu phát tay); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học.

- Kỹ năng: vận dụng một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học vật lý đại cương và lý sinh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, áp dụng phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực hành: Tại phòng thí nghiệm của trường. thực hành trên sinh vật thí nghiệm (ếch, chó...)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học,

tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học, một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Thiện, Vật lý đại cương, Đại học Y khoa Hà Nội 1994.
- Nguyễn Văn Thiện, Bài giảng lý sinh y học 1998.
- Giáo trình Lý sinh y học, Giáo trình giảng dạy cho cử nhân y tế công cộng, của trường Đại học y tế công cộng (NXB Y học 2004).
- Lương Duyên Bình, Vật lý đại cương (tập 1), NXB Giáo dục 2003.
- Phan Sỹ An và cộng sự, Lý sinh y học, NXB Y học 1998.
- Giáo trình môn học Vật lý đại cương và lý sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: khoa cơ bản cơ sở chịu trách nhiệm giảng dạy.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: VI SINH VẬT – KÝ SINH TRÙNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.
- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng.

+ Trình bày được đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh vật - Ký sinh trùng.

+ Nêu được các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.

- Về kỹ năng:

+ Quan sát và nhận định được hình thể vi khuẩn, giun sán, đơn bào dưới Kính hiển vi.

+ Vận dụng các kiến thức môn vi sinh – ký sinh trùng vào học tập các môn liên quan khác trong chương trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Rèn luyện tính tỉ mỉ và trung thực trong môn học và ngành học

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	Chương 1: Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch	3	3		
	Chương 2: Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp	4	4		
	Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	5	4		1
	Chương 4: Các loại giun tròn, sán gây	4	4		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	bệnh thường gặp				
	Chương 5: Các loại virus gây bệnh thường gặp	4	4		
	Chương 6: Thực hành				
	1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm- Quan sát hình thể vi khuẩn	30		4	
	2. Kỹ thuật xét nghiệm phân			2	
	3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (-) và Gram (+)			4	
	4. Kỹ thuật nhuộm Zielh-Neelsen và quan sát trực khuẩn kháng acid			4	
	5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét			8	
	6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào			7	1
	TỔNG CỘNG	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu các khái niệm cơ bản dùng trong khoa học vi sinh vật, ký sinh trùng
- Trình bày 4 đặc điểm của ký sinh trùng: đặc điểm hình thể, cấu tạo cơ quan, sinh sản và sinh tồn
- Phân tích các ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và cơ thể vật chủ

2. Nội dung chương:

2.1. Vi khuẩn

2.1.1. Hình thể của vi khuẩn

2.1.2. Cấu trúc của vi khuẩn

2.1.3. Sinh lý của vi khuẩn

2.2. Ký sinh trùng

2.2.1. Các khái niệm cơ bản của ngành kí sinh trùng

2.2.1.1. Hiện tượng kí sinh

2.2.1.2. Kí sinh trùng

2.2.1.3. Vật chủ

2.2.1.4. Chu kì

2.2.2. Đặc điểm của kí sinh trùng

2.2.2.1. Hình thể kích thước

2.2.2.2. Đặc điểm sinh sản

2.2.3. Phân loại kí sinh trùng

2.3. Đại cương miễn dịch

2.4. Vaccin

2.5. Huyết thanh miễn dịch

Chương 2: Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp *Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:

- Trình bày 3 phương pháp phòng và điều trị amip
- Trình bày được hình thể, tính chất gây bệnh, cách phòng và điều trị đối với trùng roi gây bệnh ở đường tiêu hóa và âm đạo
- Mô tả được hình thể của 4 loại ký sinh trùng sốt rét
- Phân tích được 4 yếu tố ảnh hưởng đến dịch tễ học bệnh sốt rét

2. Nội dung chương:

2.1. Amip

2.1.1. Amip ký sinh ở miệng

2.1.2. Amip ký sinh ở đường ruột

2.2. Trùng roi

2.2.1. Trùng roi âm đạo

2.2.2. Trùng roi đường tiêu hóa

2.3. Trùng lông

2.3.1 Hình thể

2.3.2. Đặc điểm sinh học

2.3.3. Chẩn đoán và điều trị

2.4. Ký sinh trùng sốt rét

2.4.1. Hình thể

2.4.2. Chu kỳ

2.4.3. Chẩn đoán và điều trị

Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại xoắn khuẩn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại trực khuẩn gây bệnh thường gặp

2. Nội dung chương:

2.1. Các loại cầu khuẩn

2.1.1. Tụ cầu vàng

2.1.2. Liên cầu

2.1.3. Phế cầu

2.1.4. Lậu cầu

2.1.5. Não mô cầu

2.2. Các loại xoắn khuẩn

2.2.1. Xoắn khuẩn giang mai

2.3. Các loại trực khuẩn

2.3.1 Trực khuẩn đường ruột

2.3.1.1. Trực khuẩn E.coli

2.3.1.2. Trực khuẩn Samonella

2.3.1.3. Trực khuẩn Shigella

2.3.2. Trực khuẩn lao

2.3.3. Trực khuẩn mũ xanh

2.3.4. Phẩy khuẩn tả

Chương 4: Các loại giun tròn, sán gây bệnh thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các loại giun tròn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại sán gây bệnh thường gặp

2. Nội dung chương:

2.1. Các loại giun tròn

2.1.1. Giun đũa

2.1.2. Giun tóc

2.1.3. Giun móc

2.1.4. Giun kim

2.1.5. Giun chỉ

2.2. Các loại sán

2.2.1. Sán lá

2.2.2. Sán dây

Chương 5: Các loại virus gây bệnh thường gặp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được các loại virus gây bệnh thường gặp
- 1.2. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của virus, các giai đoạn nhân lên của virus.

2. Nội dung chương

- 2.1. Virus Dengue
- 2.2. Virus HIV
- 2.3. Các virus viêm gan
- 2.4. Virus cúm
- 2.5. Virus dại

Chương 6: Thực hành

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các phương pháp lấy bệnh phẩm
- Thực hiện được các kỹ thuật: nhuộm Gram, nhuộm Zielhneelsen, xét nghiệm máu, xét nghiệm phân.
- Quan sát được hình thể vi khuẩn, hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào dưới kính hiển vi

2. Nội dung chương:

- 2.1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm - quan sát hình thể vi khuẩn
- 2.2. Kỹ thuật xét nghiệm phân
- 2.3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (-) và Gram (+)
- 2.4. Kỹ thuật nhuộm Zielh-Neelsen và quan sát trực khuẩn kháng acid
- 2.5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét
- 2.6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- **Phòng học chuyên môn:** Phòng học thực hành vi sinh – ký sinh trùng.
- **Dụng cụ và trang bị:** Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, mẫu ký sinh trùng, kính hiển vi
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong.
- **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng

+ Phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi

- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành vi sinh – ký sinh trùng

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (02 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 02), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết + thực hành)/2, trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Vi sinh vật – Ký sinh trùng xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Dược, Phục hồi chức năng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế - Vụ khoa học công nghệ (2006), *Vi sinh – Ký sinh trùng*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y Tế (2007), *Vi sinh – Ký sinh trùng (TH)*, NXB Y học, Hà Nội.

- Giáo trình môn học Vi sinh vật – ký sinh trùng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

Tên môn học: GIẢI PHẪU - SINH LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý Thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ II.

- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối môn học cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các học phần khác.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Mô tả được vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người.

2. Trình bày được các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- Về kỹ năng:

1. Chỉ được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình sẵn có và trên người.

2. Vận dụng giải phẫu vào các học phần khác theo nhiệm vụ chức năng khám và chăm sóc người bệnh của mình.

3. Vận dụng các kiến thức môn sinh lý học vào học tập các môn Y học lâm sàng, Y học dự phòng và các mối liên quan khác trong chương trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học hiểu được vai trò giải phẫu và sinh lý trong y học lâm sàng cũng như y học dự phòng.

2. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số	Tên chương, mục	Thời gian học tập
----	-----------------	-------------------

TT		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý	08	06	02	00
1.1	Tế bào và các mô	02	02	00	00
1.2	Đại cương giải phẫu và hệ xương	06	04	02	00
2	Chương 2: Các hệ cơ quan	50	30	19	01
2.1	Hệ cơ	07	04	03	00
2.2	Hệ thần kinh	05	03	02	00
2.3	Hệ tuần hoàn	07	04	03	00
2.4	Hệ hô hấp	07	04	03	00
2.5	Hệ tiêu hoá	07	04	03	00
2.6	Hệ tiết niệu	06	04	02	00
2.7	Hệ nội tiết	03	02	01	00
2.8	Hệ sinh dục	05	03	02	00
2.9	Các giác quan	03	02	00	01
3	Chương 3: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm	12	03	08	01
3.1	Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt	05	03	01	01
3.2	Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu Kỹ thuật đếm số lượng bạch cầu	01	00	01	00
3.3	Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu	01	00	01	00
3.4	Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu	02	00	02	00
3.5	Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu	01	00	01	00
3.6	Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra	02	00	02	00

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
Tổng cộng		60	39	29	02

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tế bào và đại cương về giải phẫu sinh lý

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả được cấu trúc của tế bào: cấu trúc của màng tế bào, cấu trúc của bào tương và các bào quan, cấu trúc của nhân.
- 1.2. Trình bày được các chức năng cơ bản của tế bào.
- 1.3. Giải thích được các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
- 1.4. Trình bày được các mức cấu trúc của cơ thể người.
- 1.5. Trình bày được các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- 1.6. Nhận biết được các xương chính của bộ xương trục và xương treo.

2. Nội dung:

- 2.1. Cấu trúc, chức năng của tế bào và sự vận chuyển vật chất qua màng tế bào.
 - 2.1.1. Những đặc điểm cơ bản của tế bào cơ thể người.
 - 2.1.2. Đại cương cấu trúc và chức năng của tế bào.
 - 2.1.3. Bào tương và các bào quan.
 - 2.1.4. Nhân tế bào.
 - 2.1.5. Hệ thống chức năng của tế bào.
 - 2.1.6. Sự tiêu hoá chất trong tế bào.
 - 2.1.7. Sự vận chuyển các chất qua màng tế bào.
- 2.2. Đại cương về giải phẫu sinh lý.
 - 2.2.1. Các mức cấu trúc của cơ thể người.
 - 2.2.2. Môi trường bên trong và sự hằng định nội môi.
 - 2.2.3. Các nhu cầu sinh tồn của cơ thể.
- 2.3. Bộ xương.
 - 2.3.1. Bộ xương trục.
 - 2.3.2. Bộ xương treo.

Chương 2: Các hệ cơ quan

Thời gian: 50 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Mô tả cấu trúc và chức năng của các loại mô.
- 1.2. Trình bày được cá giới hạn của bốn khoang cơ thể.

- 1.3. Kể được các thành phần chứa trong các khoang cơ thể .
- 1.4. Mô tả cấu trúc và chức năng của động mạch, tĩnh mạch và mao mạch.
- 1.5. Mô tả được cấu tạo, vị trí, hình thể của tim.
- 1.6. Trình bày được giải phẫu bộ máy hô hấp.
- 1.7. Trình bày được các cơ chế điều hoà hô hấp.
- 1.8. Mô tả được các đặc điểm giải phẫu của hệ tiêu hoá.
- 1.9. Trình bày được các hoạt động cơ học của hệ tiêu hoá.
- 1.10. Mô tả được vị trí, hình thể, cấu tạo các cơ quan của hệ tiết niệu, hệ sinh dục.
- 1.11. Trình bày được chức năng của thận, hệ sinh dục.
- 1.12. Trình bày cấu tạo và chức năng của hệ thần kinh.

2. Nội dung:

- 2.1. Hệ cơ .
 - 2.1.1. Đại cương về hệ cơ.
 - 2.1.1.1. Cơ bám xương.
 - 2.1.1.2. Cơ trơn.
 - 2.1.1.3. Cơ tim.
 - 2.1.2. Các khoang trong cơ thể.
 - 2.1.2.1. Họng sọ.
 - 2.1.2.2. Lồng ngực.
 - 2.1.2.3. Ổ bụng.
 - 2.1.2.4. Khoang chậu hông.
- 2.2. Hệ thần kinh .
 - 2.2.1. Cấu trúc và chức năng của noron.
 - 2.2.2. Hệ thần kinh ngoại vi.
 - 2.2.3. Phân tự chủ của thần kinh ngoại vi.
 - 2.2.4. Chức năng cảm giác của hệ thần kinh.
 - 2.2.5. Chức năng vận động của thần kinh.
- 2.3. Hệ tuần hoàn.
 - 2.3.1. Đại cương về hệ tim mạch.
 - 2.3.2. Cấu tạo các mạch máu.
 - 2.3.3. Chức năng của động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.
 - 2.3.4. Giải phẫu tim.
 - 2.3.5. Các đặc tính sinh lý của tim.
 - 2.3.6. Chu kỳ hoạt động của tim.
 - 2.3.7. Lưu lượng tim.

- 2.4. Hệ hô hấp.
 - 2.4.1. Giải phẫu hệ hô hấp.
 - 2.4.2. Chức năng hệ hô hấp.
 - 2.4.3. Phê nang và màng hô hấp.
 - 2.4.4. Lồng ngực.
 - 2.4.5. Màng phổi.
 - 2.4.6. Các động tác hô hấp.
 - 2.4.7. Các thể tích hô hấp.
- 2.5. Hệ tiêu hoá.
 - 2.5.1. Đại cương.
 - 2.5.2. Miệng.
 - 2.5.3. Dạ dày.
 - 2.5.4. Ruột non và các tuyến tiêu hoá lớn.
- 2.6. Hệ tiết niệu.
 - 2.6.1. Thận.
 - 2.6.2. Chức năng thận.
 - 2.6.3. Quá trình tạo nước tiểu.
 - 2.6.4. Quá trình tái hấp thu và bài tiết ở ống thận.
 - 2.6.5. Chức năng nội tiết của thận.
 - 2.6.6. Niệu quản.
 - 2.6.7. Bàng quan.
- 2.7. Hệ nội tiết.
- 2.8. Hệ sinh dục.
 - 2.8.1. Hệ sinh dục nam.
 - 2.8.2. Hệ sinh dục nữ.
- 2.9. Các giác quan.

Chương 3: Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt, sinh lý máu và kỹ thuật xét nghiệm

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các dạng, vai trò và nhu cầu của protid, lipid, glucid.
- 1.2. Trình bày được các dạng năng lượng, nguyên nhân tiêu hao năng lượng, điều hoà chuyển hoá năng lượng.
- 1.3. Trình bày nguyên tắc đếm số lượng hồng cầu bạch cầu và các chỉ số bình thường.
- 1.4. Thực hiện đúng quy trình đếm số lượng hồng cầu bạch cầu.

1.5. Trình bày nguyên tắc xác định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp huyết thanh mẫu.

1.6. Thực hiện được kỹ thuật xác định nhóm máu, tốc độ lắng máu, thời gian máu chảy, thời gian máu đông, phản ứng chéo.

2. Nội dung:

2.1. Sinh lý chuyển hoá, điều hoà thân nhiệt.

2.1.1. Chuyển hoá glucid.

2.1.2. Chuyển hoá protid.

2.1.3. Chuyển hoá lipid.

2.1.4. Chuyển hoá năng lượng.

2.1.5. Các nguyên nhân tiêu hao năng lượng.

2.2. Kỹ thuật đếm số lượng hồng cầu, bạch cầu.

2.3. Kỹ thuật lấy máu làm tiêu bản máu.

2.4. Kỹ thuật định lượng Hb theo phương pháp Shahli. Định nhóm máu hệ ABO, hệ Rh theo phương pháp dùng huyết thanh mẫu.

2.5. Tốc độ lắng máu, xác định thời gian đông máu, chảy máu.

2.6. Kỹ thuật làm phản ứng chéo và kiểm tra.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: Laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành (tranh vẽ, mô hình giải phẫu, kính hiển vi,...).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: đánh giá qua bài trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn các nội dung về đặc điểm giải phẫu, sinh lý các hệ cơ quan: vị trí, cấu tạo, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người; các chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài.

- Về kỹ năng: đánh giá qua việc sinh viên xác định được các mốc chủ yếu của các cơ quan trên tranh, mô hình và trên người.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết (TLT):

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH) / 2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Giải phẫu – sinh lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Tại phòng thực tập Giải phẫu - Sinh lý của Nhà trường. Sử dụng mô hình, tranh, băng hình.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp cho sinh viên cao đẳng các kiến thức cơ bản về những đặc điểm giải phẫu, sinh lý của hệ thống các bộ phận và cơ quan trong cơ thể con người; liên hệ được trên cơ thể sống và áp dụng được những kiến thức về giải phẫu, sinh lý vào các môn học khác.

4. Tài liệu tham khảo

- Atlas giải phẫu người, NXB Y học 2009
- Bài giảng giải phẫu tập I - II của Trường Đại học Y Dược TP.HCM.
- Đại học Y Hà Nội: Giải phẫu, NXB Y học năm 2006
- Đại học Y Hà Nội: Giáo trình Sinh lý, NXB Y học năm 2006
- Đại học Y Hà Nội, Bộ môn giải phẫu, Y học, 2007.
- Sinh lý học, Bộ Y tế, NXB Giáo dục 2009.
- Giáo trình môn học Giải phẫu sinh lý của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

Tên môn học: HÓA SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện trong học kỳ II , thực hiện sau môn học: Hóa học.
- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc, tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, enzyme,...
- Nêu được tầm quan trọng của sự chuyển hóa muối nước và sự thăng bằng acid – base trong cơ thể.
- Trình bày được vai trò của gan, thận đối với cơ thể.

- Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

- Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Chương 1: Hóa học	6			
	1. Hóa học glucid		1		
	2. Hóa học lipid		1		
	3. Hóa học Protid		1		
	4. Enzyme và xúc tác sinh học		2		1
	Chương 2: Chuyển hóa các chất				
	1. Chuyển hóa glucid		2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	2. Chuyển hóa lipid	9	2		
	3. Chuyển hóa Protid		2		
	4. Chuyển hóa muối nước – Thăng bằng acid- base		3		
4	Chương 3: Hóa sinh các cơ quan				
	1. Hóa sinh gan	4	1		
	2. Hóa sinh thận và nước tiểu		2		
	3. Hóa sinh máu		1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Thời gian: 1 giờ

Chương 1: Hóa học

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được tính chất và vai trò của các glucid, lipid quan trọng trong cấu tạo tế bào

- Giải thích được cơ chế xúc tác và nêu được vai trò của các loại enzym

2. Nội dung chương:

2.1. Hóa học glucid

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Monosaccarid

2.1.3. Disaccarid

2.1.4. Polysaccarid

2.2. Hóa học lipid

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Acid béo

2.2.3. Lipid đơn giản

2.2.4. Lipid phức tạp

2.3. Hóa học Protid

2.3.1. Cấu trúc protein

- 2.3.2. Chức năng protein
- 2.4. Enzyme và xúc tác sinh học
 - 2.4.1. Cấu tạo của enzyme
 - 2.4.2. Cơ chế hoạt động của enzyme
 - 2.4.3. Điều hòa enzym
 - 2.4.4. Các chất xúc tác sinh học khác (Hormon, Vitamin)

Chương 2: Chuyển hóa

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid
- Trình bày được các quá trình tổng hợp acid béo, triglycerid và phosphatid
- Phân tích vai trò chính và những liên quan của chuyển hóa protid với các chuyển hóa khác.
- Trình bày được vai trò của muối nước đối với cơ thể
- Trình bày được các thông số đánh giá thăng bằng acid – base trong cơ thể.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Chuyển hóa glucid
 - 2.1.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid
 - 2.1.2. Thoái hóa glucid
 - 2.1.3. Tổng hợp glucid
 - 2.1.4. Điều hòa chuyển hóa glucid
- 2.2. Chuyển hóa lipid
 - 2.2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid
 - 2.2.2. Thoái hóa lipid
 - 2.2.3. Tổng hợp lipid
 - 2.2.4. Điều hòa chuyển hóa lipid
- 2.3. Chuyển hóa Protid
 - 2.3.1. Tiêu hóa và hấp thu Protein
 - 2.3.2. Chuyển hóa acid amin
 - 2.3.3. Sinh tổng hợp protein đặc hiệu
- 2.4. Chuyển hóa muối nước- Thăng bằng acid-base
 - 2.4.1. Chuyển hóa muối nước
 - 2.4.2. Thăng bằng acid- base

Chương 3: Hóa sinh các cơ quan trong cơ thể

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Nêu được vai trò và tính chất lý hóa của máu.
- Giải thích được vai trò điều hòa đường huyết của gan và nêu được các nghiệm pháp thăm dò chức năng gan.
- Nêu được vai trò tạo nước tiểu của thận và biết được các bất thường trong nước tiểu

2. Nội dung chương

2.1. Hóa sinh gan

- 2.1.1. Thành phần hóa học của nhu mô gan
- 2.1.2. Các chức năng hóa sinh của gan
- 2.1.3. Thăm dò hóa sinh hệ thống gan mật

2.2. Hóa sinh thận và nước tiểu

- 2.2.1. Chức năng nội tiết và chuyển hóa của thận
- 2.2.2. Chức năng lọc và bài tiết của thận
- 2.2.3. Các chất bình thường và bất thường trong nước tiểu
- 2.2.4. Thử nghiệm thăm dò chức năng thận

2.3. Hóa sinh máu

- 2.3.1. Tính chất vật lý của máu
- 2.3.2. Thành phần hóa học của máu

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- **Phòng học chuyên môn:** Phòng học thực hành hóa sinh.
- **Dụng cụ và trang bị:** Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, bảng, phấn.
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- **Kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, hemoglobin.

+ Chức năng của các cơ quan bên trong cơ thể như gan, thận,.. và các thăm dò hóa sinh các cơ quan

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành.

- **Kỹ năng:** Liên hệ được môn học với những môn học khác

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** : Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm)
- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết): trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học Hóa sinh xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, chủ động trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Vai trò của glucid, lipid, protid và chức năng chuyển hóa của gan, thận, máu.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Bộ Y Tế (2009), *Hóa sinh học*, NXB Giáo dục
- Giáo trình môn học Hóa sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK V, 50 giờ (LT: 19, TH: 29, Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II.

Tính chất: Sức khỏe - Môi trường là một ngành khoa học ứng dụng nghiên cứu những tác động qua lại hữu cơ giữa môi trường với sức khỏe trong thực tiễn cuộc sống

của con người, đề xuất những giải pháp hoặc biện pháp can thiệp về pháp luật, quản lý, khoa học công nghệ trong các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội khác nhau để giải quyết những tác động nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến sức khỏe. Trên cơ sở đó sinh viên có thể phân tích được tác hại của các yếu tố môi trường (môi trường sống và môi trường lao động) đối với con người và vận dụng những kiến thức đã học vào việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.
- Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý thuyết	TH,	Kiểm tra
	Chương 1: Sức khỏe môi trường				
1	Môi trường và sức khỏe	7	3	4	
	Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh				
2	Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở	10	2	8	
3	Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng	8	2	6	
4	Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí	10	4	5	1
5	Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại	4	4		

	nghề nghiệp				
6	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	3	2		1
7	Tư vấn sức khỏe	8	2	6	
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Môi trường và sức khỏe

1. Mục tiêu

- Nêu được định nghĩa về môi trường và sức khỏe
- Trình bày được phân loại môi trường
- Kể được các tác hại của ô nhiễm môi trường và biện pháp đề phòng

2. Nội dung chương:

2.1. Môi trường và sức khỏe

2.1.1. Định nghĩa về môi trường và sức khỏe

2.1.2. Phân loại môi trường

2.1.3. Tác hại của ô nhiễm môi trường và biện pháp đề phòng

Chương 2: Vệ sinh phòng bệnh

1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa, nội dung, cách giữ gìn vệ sinh cá nhân và các biện pháp phòng chống của vệ sinh cá nhân đối với sức khỏe
- Nêu được định nghĩa, các yếu tố, cơ chế và phân loại và các biện pháp phòng chống của quá trình dịch
- Nêu được định nghĩa, các yếu tố ô nhiễm, một số biện pháp phòng chống về môi trường đất, nước, không khí
- Nêu được vai trò, biến đổi sinh lý, cách phòng chống của vệ sinh lao động
- Trình bày định nghĩa, 10 nội dung và các chương trình y tế trong chăm sóc sức khỏe ban đầu
- Trình bày được khái niệm và mục đích, 6 nguyên tắc, 5 bước của tư vấn sức khỏe

2. Nội dung chương:

2.1. Vệ sinh cá nhân, trường học, nhà ở

2.1.1. Ý nghĩa của vệ sinh cá nhân

2.1.2. Nội dung cơ bản của vệ sinh cá nhân

2.1.3. Cách giữ gìn vệ sinh thân thể và trong ăn uống

2.1.4. Tiêu chuẩn vệ sinh trường học, lớp học và nhà ở và biện pháp phòng tránh các bệnh học đường

2.2. Phòng dịch và bao vây dập tắt một vụ dịch tại cộng đồng

2.2.1. Định nghĩa quá trình dịch

2.2.2. Yếu tố của quá trình dịch

2.2.3. Cơ chế và phân loại bệnh truyền nhiễm

2.2.4. Các biện pháp phòng chống dịch

2.2.5. Cách điều tra một vụ dịch

2.2.6. Các giai đoạn điều tra và xử lý một vụ dịch ở cộng đồng

2.3. Vệ sinh môi trường đất, nước, không khí

2.3.1. Định nghĩa về môi trường đất, nước, không khí

2.3.2. Các yếu tố ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

2.3.3. Một số biện pháp bảo vệ môi trường đất, nước, không khí

2.4. Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp – Những nguyên tắc dự phòng các tác hại nghề nghiệp

2.4.1. Vai trò của vệ sinh lao động

2.4.2. Biến đổi sinh lý trong quá trình lao động

2.4.3. Những yếu tố vi khí hậu trong lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân

2.4.4. Một số yếu tố trong môi trường lao động sản xuất ảnh hưởng đến sức khỏe người công nhân (mệt mỏi, ồn, rung chuyển)

2.4.5. Một số bệnh bụi phổi thường gặp

2.4.6. Định nghĩa, mục tiêu và lợi ích của Ergonomi trong lao động sản xuất

2.5. Chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.1. Định nghĩa sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.2. Mục đích nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu

2.5.3. Các chương trình y tế quan trọng

2.6. Tư vấn sức khỏe

2.6.1. Khái niệm và mục đích của tư vấn sức khỏe

2.6.2. Sáu nguyên tắc trong tư vấn sức khỏe

2.6.3. Năm bước của tư vấn

2.6.4. Các kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện tư vấn sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn, tranh ảnh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tranh ảnh, bảng phấn, tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức:

- Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các yếu tố xã hội, tự nhiên trong quá trình phát triển dịch bệnh.
- Trình bày được mối quan hệ sức khỏe, bệnh tật với môi trường.

Kỹ năng:

- Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào môn học.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản y học Hà Nội, 2006
- Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường, NXB Y học, 1995.
- Đào Ngọc Phong (Chủ biên), Vệ sinh môi trường- Dịch tễ, tập I,II NXB Y học, 2001.

- Bộ môn Sức khỏe môi trường, sách giáo khoa sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội, 2006.
- Nguyễn Văn Thương, Giáo trình Sức khỏe môi trường. Nhà xuất bản, Hà Nội, 1999.
- Bộ Y tế, Sức khỏe môi trường- sách dùng đào tạo Cử nhân Y tế Công cộng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Hội Y tế công cộng Hoa, Sổ tay kiểm soát các bệnh truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, 1997.
- Nguyễn Văn Mạn. Giáo trình Sức khỏe Môi trường. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2006.
- Bộ Y tế, Bảng tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống, Hà Nội, tháng 5 năm 2002.
- Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh, Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững. Nhà xuất bản ĐHQGHN, 2000
- Nguyễn Võ Kỳ Anh, Giáo dục sức khỏe sinh viên (sách dùng cho sinh viên cử nhân sư phạm), Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.
- Giáo trình môn học Sức khỏe môi trường và vệ sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

Tên môn học: DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** thực hiện học kỳ II.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức khoa học cơ bản về dinh dưỡng như giá trị của các chất dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm. Sau khi học xong phần này sinh viên có khả năng áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm.

2. Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị.

3. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Về kỹ năng

Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng	5	5		
1.1	Dinh dưỡng sức khỏe và bệnh tật	1	1		
1.2	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng	2	2		
1.3	Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi	1	1		

1.4	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm	1	1		
2	Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị	12	11		1
2.1	Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng	2	2		
2.2	Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính	2	2		
2.3	Tổ chức ăn uống trong bệnh viện và một số chế độ ăn thường gặp	2	2		
2.4	Chế độ ăn điều trị trong một số bệnh	4	3		1
3	Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm	3	3		
3.1	Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm	2	2		
3.2	Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh bảo quản và chế biến một số thực phẩm	1	1		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về dinh dưỡng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được vai trò, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm và nhu cầu dinh dưỡng đối với cơ thể.
2. Mô tả được dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi
3. Trình bày được nhu cầu năng lượng, giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm và phương pháp xây dựng khẩu phần ăn hợp lý.

2. Nội dung

- 2.1. Dinh dưỡng sức khỏe và bệnh tật.
 - 2.1.1. Các chất dinh dưỡng là các chất hóa học thiết yếu cho sức khỏe người và động vật.
 - 2.1.2. Quan hệ tương hỗ giữa các chất dinh dưỡng trong cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng
 - 2.1.3. Mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật
- 2.2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng

- 2.2.1. Vai trò và nhu cầu về năng lượng của cơ thể.
- 2.2.2. Vai trò và nhu cầu các chất sinh năng lượng
- 2.2.3. Vai trò và nhu cầu vitamin, chất khoáng
- 2.3. Dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi
 - 2.3.1. Dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú
 - 2.3.2. Dinh dưỡng cho trẻ em
 - 2.3.3. Dinh dưỡng cho người trưởng thành
 - 2.3.4. Dinh dưỡng cho người cao tuổi
- 2.4. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm
 - 2.4.1. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của protein, lipid, glucid, vitamin và muối khoáng

Chương 2: Dinh dưỡng trong điều trị

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu

1. Xác định được nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng, phương pháp đánh giá tình trạng thiếu và dinh dưỡng và biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng.
2. Nêu mối liên quan giữa chế độ ăn và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng và nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
3. Xác định được tầm quan trọng của dinh dưỡng điều trị, các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị, những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị
4. Xây dựng được chế độ ăn điều trị trong một số bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Các bệnh thiếu dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng
 - 2.1.1. Liệt kê các bệnh thiếu dinh dưỡng đang gặp ở Việt Nam.
 - 2.1.2. Ý nghĩa sức khỏe cộng đồng của các bệnh thiếu dinh dưỡng tại cộng đồng.
 - 2.1.3. Nguyên nhân các bệnh thiếu dinh dưỡng.
 - 2.1.4. Phương pháp đánh giá tình trạng thiếu và dinh dưỡng.
 - 2.1.5. Trình bày các biện pháp phòng chống các bệnh thiếu dinh dưỡng.
- 2.2. Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
 - 2.2.1. Mối liên quan giữa chế độ ăn và các bệnh mãn tính liên quan đến dinh dưỡng
 - 2.2.2. Những hiểu biết mới về vai trò của thực phẩm và chế độ ăn có tác dụng phòng ngừa các bệnh mạn tính liên quan đến dinh dưỡng
 - 2.2.3. Nguyên tắc dinh dưỡng dự phòng các bệnh mãn tính
- 2.3. Tổ chức ăn uống trong bệnh viện và một số chế độ ăn thường gặp
 - 2.3.1. Tầm quan trọng của dinh dưỡng điều trị
 - 2.3.2. Các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị

- 2.3.3. Chỉ định các chế độ ăn trong một số bệnh thường gặp
- 2.3.4. Những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng điều trị
- 2.3.5. Tổ chức khoa dinh dưỡng trong bệnh viện
- 2.4. Chế độ ăn điều trị trong một số bệnh
 - 2.4.1. Chế độ ăn phòng và điều trị bệnh tăng huyết áp
 - 2.4.2. Chế độ ăn phòng và điều trị bệnh đái tháo đường
 - 2.4.3. Hướng dẫn chế độ ăn phục hồi suy dinh dưỡng
 - 2.4.4. Chế độ ăn bệnh viêm loét dạ dày tá tràng

Chương 3: Vệ sinh an toàn thực phẩm

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm, các bệnh do thực phẩm và một số ngộ độc thực phẩm thường gặp
2. Trình bày yêu cầu về vệ sinh đối với thực phẩm, vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm và giám sát kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm

2. Nội dung

- 2.1. Các bệnh do thực phẩm và ngộ độc thực phẩm
 - 2.1.1. Tầm quan trọng của vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.1.2. Các bệnh do thực phẩm
 - 2.1.3. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp
- 2.2. Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh bảo quản và chế biến một số thực phẩm
 - 2.2.1. Khái niệm về vệ sinh ăn uống và vệ sinh an toàn thực phẩm
 - 2.2.2. Vệ sinh ăn uống công cộng
 - 2.2.3. Yêu cầu về vệ sinh đối với thực phẩm, vệ sinh trong quá trình chế biến, bảo quản thực phẩm
 - 2.2.4. Giám sát kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** Lý thuyết, phòng thực hành điều dưỡng cơ bản.
- 2. Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- **Về kiến thức:** Trình bày được vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng trong thực phẩm đối với đời sống của con người và cách phòng chống ngộ độc thực phẩm. Trình bày nguyên tắc và những yếu tố quyết định thành công của dinh dưỡng trong điều trị.

Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- **Về kỹ năng:** Áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực tập bệnh viện: Sinh viên thực tập tại khoa lâm sàng của bệnh viện Tỉnh. Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng dưới sự hướng dẫn, giám sát, giúp đỡ của giáo viên Điều dưỡng và các giáo viên kiêm nhiệm của khoa lâm sàng bệnh viện.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện kỹ năng

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức về dinh dưỡng; áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Bộ Y tế, Giáo dục 2008.
- 2 Bộ Y tế (2005), Giáo trình dinh dưỡng, Nhà xuất bản y học.
3. Bộ Y Tế (2008), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, NXB Giáo dục.
4. Bộ Y Tế (2008), Dinh dưỡng cộng đồng và an toàn vệ sinh thực phẩm, NXB Giáo dục.
5. Giáo trình môn học Dinh dưỡng – tiết chế của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

Tên môn học: PHÁP LUẬT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, được thực hiện ở HKIII.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý	Thảo luận/	Kiểm

		số	thuyết	bài tập	tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động
 - 2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động
 - 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
 - 2.3.3. Hợp đồng lao động
 - 2.3.4. Tiền lương
 - 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
 - 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
 - 2.3.7. Kỳ luật lao động
 - 2.3.8. Tranh chấp lao động
 - 2.3.9. Công đoàn

Bài 5: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.2.1. Tội phạm
 - 2.2.2. Hình phạt

Bài 7: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;

- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;

- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.

21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.
25. Giáo trình môn học Pháp luật của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y – DƯỢC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 1TC, HK III, 20 giờ (LT: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.

- Tính chất: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức ngành Hộ sinh trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người Hộ sinh trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức về ngành Hộ sinh, những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người Hộ sinh Việt Nam.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người Hộ sinh

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Lịch sử y học	8	8		

	-Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) -Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) -Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) -Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại) -Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)				
2	Chương 2: Y Đức	4	4		
	- Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học				
3	Chương 3: Đạo đức Người Hộ sinh	8	7		1
3.1	Đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh.				
3.2	Y đức người cán bộ y tế.				
3.3	Đại cương về quản lý y tế				
	Tổng cộng	20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Lịch sử y học

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 1.2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
- 1.3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 1.4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 1.5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

2. Nội dung chương:

- 2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon
 - 2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại

- 2.2.3. Thời Ân độ cổ đại
- 2.2.4. Thời Hy Lạp cổ đại
- 2.2.5. Thời La Mã cổ đại
- 2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
 - 2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN
 - 2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

Chương 2: Y Đức

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.
- 1.2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.
- 1.3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
- 2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo
- 2.3. Lịch sử đạo đức y học
 - 2.3.1. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
 - 2.3.2. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
 - 2.3.3. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
 - 2.3.4. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

Chương 3: Đạo đức Người Hộ sinh

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh.
- 1.2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.
- 1.3. Trình bày khái niệm về quản lý y tế

2. Nội dung chương:

- 2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Hộ sinh
- 2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh
- 2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.
- 2.4. Khái niệm về quản lý y tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy môn y đức
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Kiến thức:

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

Kỹ năng:

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

2. Phương pháp đánh giá

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
- Trường Đại học y tế công cộng (2003), Đạo đức trong thực hành y tế công cộng, NXB Hà Nội.
- Giáo trình môn học Đạo đức hành nghề y - dược của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

Tên môn học: SINH LÝ BỆNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc phần cơ sở ngành, sau môn Giải phẫu – sinh lý.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
 2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
 3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến
- Về kỹ năng:
 1. Vận dụng được vào việc học tập các học phần khác và công tác chăm sóc người bệnh.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 1. Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	00	00
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	00	00
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	00	00
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	00	00
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	00	00
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	00	00
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	00	00

Số TT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	00	00
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	00	00
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	00	00
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	00	00
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	00	00
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	00	00
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	00	00
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	00	01
	Tổng cộng	20	19	00	01

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học sinh lý bệnh trong y học.
- 1.2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.
- 1.3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.
- 1.4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học
 - 2.2.1. Vị trí.
 - 2.2.2. Tính chất và vai trò.
- 2.3. Khái niệm về bệnh
 - 2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.
 - 2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay
- 2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.
 - 2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên

2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.

2.5.1. Đại cương.

2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.

2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.

1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.

1.4. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.

1.5. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.

2.1.3. Chuyển hóa.

2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.

2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.

2.2.1. Rối loạn glucose máu

2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.

1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.

1.3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.

2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.

2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.

- 2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng
- 2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.
- 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.
- 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.
- 1.4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Tiêu hóa hấp thu
 - 2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.
 - 2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)
 - 2.1.4. Dự trữ mỡ.
 - 2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid
 - 2.2.1. Tăng lipid máu
 - 2.2.2. Rối loạn lipo-protein.
 - 2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol
 - 2.2.4. Béo phì.
 - 2.2.5. Gầy.
 - 2.2.6. Xơ vữa động mạch

Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Kể được ba cách phân loại mất nước.
- 1.2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.
- 1.3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.
 - 2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.

- 2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.
- 2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể
- 2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
 - 2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.
 - 2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.
- 1.2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.
- 2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.
 - 2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.
 - 2.2.2. Vai trò hô hấp.
 - 2.2.3. Vai trò của thận.
- 2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm
 - 2.3.1. Nhiễm toan.
 - 2.3.2. Nhiễm kiềm.
- 2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
- 1.2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.
- 1.3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.
- 1.4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.
 - 2.1.3. Phân loại viêm.
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.
 - 2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.

- 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.
- 2.2.3. Tổn thương mô.
- 2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
- 2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.
- 2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.
- 2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt
giờ

Thời gian: 01

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.
- 1.4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.
- 1.5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Điều hòa thân nhiệt.
 - 2.1.1. Biên nhiệt và ổn nhiệt.
 - 2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.
- 2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.
 - 2.2.1. Giảm thân nhiệt.
 - 2.2.2. Tăng thân nhiệt.
- 2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.
 - 2.3.1. Định nghĩa.
 - 2.3.2. Chất gây sốt.
 - 2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.
 - 2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.
 - 2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.
 - 2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.
 - 2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

Bài 9: Sinh lý bệnh tạo máu

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.

1.3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

2. Nội dung chương:

2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.

2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.

2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.

2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.

2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.

2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.

2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.

2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.

2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.

2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.

2.3.1. Tình trạng tăng đông.

2.3.2. Tình trạng giảm đông.

Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.

1.2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.

1.3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

2. Nội dung chương:

2.1. Suy tim

2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.

2.1.2. Suy tim

2.2. Bệnh lý ở mạch.

2.2.1. Xơ vữa động mạch.

2.2.2. Cao huyết áp.

2.2.3. Hạ huyết áp.

Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.

1.3. Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương chức năng hô hấp.
- 2.2. Rối loạn thông khí.
 - 2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thờ.
 - 2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.
- 2.3. Rối loạn khuếch tán.
 - 2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.
 - 2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.
 - 2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.
- 2.4. Suy hô hấp.
 - 2.4.1. Định nghĩa.
 - 2.4.2. Phân loại.
 - 2.4.3. Biểu hiện của suy hô hấp.
 - 2.4.4. Thách nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.
 - 2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày
 - 2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.
 - 2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.
 - 2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.
 - 2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.
- 2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.
 - 2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.
 - 2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.
 - 2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiếu năng tiêu hóa.

Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.

1.2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương.

2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.

2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.

2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.

2.3. Rối loạn chức năng của gan.

2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.

2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.

2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.

2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.

2.4. Suy gan.

2.4.1. Suy gan cấp tính.

2.4.2. Suy gan mạn tính.

2.4.3. Hôn mê gan.

Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.

1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về chức năng thận

2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận

2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.

2.2.2. Đặc điểm chức năng.

2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.

2.3.1. Nước tiểu.

2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.

2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.

2.4.1. Viêm cầu thận cấp.

2.4.2. Viêm cầu thận mạn.

2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.

2.4.4. Viêm ống thận cấp.

2.5. Suy thận

2.5.1. Suy thận cấp.

2.5.2. Suy thận mạn.

Bài 15: Miễn dịch bệnh lý

Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.

1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.

1.3. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.

1.4. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiếu năng miễn dịch do nhiễm HIV.

1.5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2. Nội dung chương:

2.1. Quá mẫn

2.1.1. Đại cương.

2.1.2. Quá mẫn type I.

2.1.3. Quá mẫn type II.

2.1.4. Quá mẫn type III.

2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)

2.2. Thiếu năng miễn dịch

2.2.1. Đại cương.

2.2.2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.

2.2.3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải.

2.3. Bệnh tự miễn

2.3.1. Đại cương.

2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.

2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.

2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.

2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

Về kiến thức:

- Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
- Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
- Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

Về kỹ năng:

- Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

- **Điểm môn học (MH):**

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (tính theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho công tác thực tế khi ra trường.

- Góp phần kiến tạo cho người cán Bộ Y tế trong tương lai có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phân tích tổng hợp trên cơ sở hiểu biết các yếu tố chi phối sức khỏe con người, quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh lý bệnh, 1990.
- Đại học Y tế công cộng, Sinh lý bệnh miễn dịch học, 2003.
- Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Điều dưỡng Nam Định: Giáo trình Sinh lý bệnh.
- Giáo trình môn học Sinh lý bệnh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: Không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

Tên môn học: DỊCH TỄ HỌC VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 120 giờ; (LT: 30 giờ, THBV: 90).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học này được thực hiện vào cuối học kỳ III.
- Tính chất: là môn học bắt buộc, cung cấp kiến thức thuộc khối ngành và ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.

2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh.

3. Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thành thạo trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	THBV	Kiểm tra
	Chương 1. Dịch tễ học				
1	Dịch tễ học đại cương	4	4	0	
3	Giám sát dịch tễ học	12	4	8	
3	Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm	12	2	10	
4	Quá trình dịch	2	2	0	
	Chương 2. Bệnh truyền nhiễm				
5	Đại cương về bệnh truyền nhiễm	2	2	0	
6	Bệnh thương hàn, bệnh tả, bệnh lỵ và	18	2	16	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	THBV	Kiểm tra
	chăm sóc				
7	Viêm màng não mủ và chăm sóc	10	2	8	
8	Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván	10	2	8	
9	Quai bị và chăm sóc	10	2	8	
10	Viêm gan virus và chăm sóc	10	2	8	
11	Dengue xuất huyết và chăm sóc	18	2	16	
13	Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc	6	2	4	
15	Nhiễm Rubella và chăm sóc	6	2	4	
Tổng số		120	30	90	

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Dịch tễ học

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm, nội, phương pháp và giám sát về dịch tễ học

1.2. Trình bày được các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm, quá trình dịch

1.3. Trình bày được cách phân loại bệnh truyền nhiễm, các tác hại nghề nghiệp do yếu tố sinh học

1.4. Nêu được cảm nhiễm và miễn dịch, phòng và diệt côn trùng truyền bệnh

2. Nội dung:

2.1. Dịch tễ học đại cương:

2.1.1. Định nghĩa về dịch tễ học

2.1.2. Lịch sử ngành dịch tễ học

2.1.3. Phân loại các nghiên cứu dịch tễ học

2.2. Giám sát dịch tễ học:

2.2.1. Định nghĩa giám sát

2.2.2. Phân loại giám sát

2.2.3. Tầm quan trọng giám sát

2.3.4. Các bước thiết lập hệ thống giám sát

2.3.5. Hệ thống báo cáo, qui định báo cáo

2.4. Các giai đoạn của quá trình truyền nhiễm:

- 2.4.1. Khái niệm bệnh truyền nhiễm
- 2.4.2. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm
- 2.4.3. Các giai đoạn bệnh truyền nhiễm (thời kỳ nung bệnh, thời kỳ khởi phát, thời kỳ toàn phát, thời kỳ lui bệnh, thời kỳ phục hồi).
- 2.4.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm
- 2.4.5. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị
- 2.5. Quá trình dịch:
 - 2.5.1. Định nghĩa quá trình dịch
 - 2.5.2. Các yếu tố liên quan đến quá trình dịch
 - 2.5.3. Các hình thái và mức độ dịch
 - 2.5.4. Các biện pháp phòng chống dịch

Chương 2: Bệnh Truyền nhiễm Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm, đặc điểm, phân loại bệnh truyền nhiễm
- 1.2. Trình bày được, dịch tễ học, cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý, lâm sàng, chẩn đoán, điều trị - Dự phòng, chăm sóc bệnh thương hàn, lỵ trực khuẩn, amíp, bệnh tả, viêm màng não mủ, uốn ván, quai bị, viêm gan virus, sốt xuất huyết, Leptospira, HIV-AIDS, sốt rét.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về bệnh truyền nhiễm
 - 2.1.1. Vị trí và tầm quan trọng của môn học.
 - 2.1.2. Sơ lược lịch sử nghiên cứu.
 - 2.1.3. Những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm.
 - 2.1.4. Phân loại bệnh truyền nhiễm.
 - 2.1.5. Một vài quan niệm khác.
 - 2.1.6. Căn cứ chẩn đoán và phương hướng điều trị.
- 2.2. Bệnh thương hàn và chăm sóc
 - 2.2.1. Dịch tễ học
 - 2.2.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.2.3. Lâm sàng
 - 2.2.4. Chẩn đoán
 - 2.2.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.2.6. Chăm sóc.
- 2.3. Bệnh lỵ trực khuẩn, amíp và chăm sóc
 - 2.3.1. Dịch tễ học

- 2.3.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.3.3. Lâm sàng
- 2.3.4. Chẩn đoán
- 2.3.5. Điều trị - Dự phòng
- 2.3.6. Chăm sóc.
- 2.4. Chăm sóc Bệnh tả và chăm sóc
 - 2.4.1. Dịch tễ học
 - 2.4.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.4.3. Lâm sàng
 - 2.4.4. Chẩn đoán
 - 2.4.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.4.6. Chăm sóc.
- 2.5. Viêm màng não mủ và chăm sóc
 - 2.5.1. Dịch tễ học
 - 2.5.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.5.3. Lâm sàng
 - 2.5.4. Chẩn đoán
 - 2.5.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.5.6. Chăm sóc.
- 2.6. Uốn ván và chăm sóc người bệnh uốn ván
 - 2.6.1. Dịch tễ học
 - 2.6.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.6.3. Lâm sàng
 - 2.6.4. Chẩn đoán
 - 2.6.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.6.6. Chăm sóc.
- 2.7. Quai bị và chăm sóc
 - 2.7.1. Dịch tễ học
 - 2.7.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
 - 2.7.3. Lâm sàng
 - 2.7.4. Chẩn đoán
 - 2.7.5. Điều trị - Dự phòng
 - 2.7.6. Chăm sóc.
- 2.8. Viêm gan virus và chăm sóc
 - 2.8.1. Dịch tễ học

- 2.8.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.8.3. Lâm sàng
- 2.8.4. Chẩn đoán
- 2.8.5. Điều trị - Dự phòng
- 2.8.6. Chăm sóc.
- 2.9. Dengue xuất huyết và chăm sóc
- 2.9.1. Dịch tễ học
- 2.9.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.9.3. Lâm sàng
- 2.9.4. Chẩn đoán
- 2.9.5. Điều trị - Dự phòng
- 2.9.6. Chăm sóc.
- 2.10. Nhiễm HIV-AIDS và chăm sóc
- 2.10.1. Dịch tễ học
- 2.10.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.10.3. Lâm sàng
- 2.10.4. Chẩn đoán
- 2.10.5. Điều trị - Dự phòng
- 2.10.6. Chăm sóc.
- 2.11. Nhiễm Rubella và chăm sóc
- 2.11.1. Dịch tễ học
- 2.11.2. Cơ chế bệnh sinh và giải phẫu bệnh lý.
- 2.11.3. Lâm sàng
- 2.11.4. Chẩn đoán
- 2.11.5. Điều trị - Dự phòng
- 2.11.6. Chăm sóc.

Thực hành bệnh viện Thời gian: 90 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, phòng khám và khoa truyền nhiễm bệnh đa khoa tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Phân tích được những đặc điểm của bệnh truyền nhiễm. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, cách thức lây truyền, triệu chứng và biến chứng của bệnh. Trình bày được nguyên lý dịch tễ học các bệnh nhiễm trùng và nguyên lý phòng chống dịch.

- Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức và kỹ năng của học phần vào công tác bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho mọi người.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thành thạo trong công tác chăm sóc và phục hồi chức năng. Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng về chăm sóc, phòng chống bệnh lây lan.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng được sử dụng để giảng dạy hộ sinh trình độ cao đẳng trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực hành bệnh viện:

Sinh viên thực tập tại các Khoa Truyền nhiễm và Phòng khám của Bệnh viện tỉnh.

Sinh viên thực hiện các kỹ thuật chăm sóc trên người bệnh có kèm cặp giám sát của giảng viên Nhà trường và giảng viên kiêm nhiệm.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên phải được học xong các học phần: Vi sinh vật - Ký sinh trùng, Sức khỏe - Môi trường và vệ sinh.

Học phần này cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng hộ sinh các kiến thức cơ bản về những nội dung và nguyên tắc chính của dịch tễ và ứng dụng được các nguyên tắc này trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, mô tả và phân tích được tình trạng sức khỏe của một cộng đồng dân cư, những yếu tố quyết định một hiện tượng sức khỏe và tác động của những yếu tố đó trên một cộng đồng: Nguyên tắc điều tra và kiểm soát một vụ dịch. Phân tích được đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe. Sử dụng được cách đánh giá tính tin cậy và giá trị của các xét nghiệm và vai trò của các xét nghiệm trong phát hiện bệnh sớm. Hình thành và rèn luyện được thái độ đúng đắn, khẩn trương, nghiêm túc đối với công tác phòng chống dịch.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bài giảng dịch tễ học và bệnh truyền, giáo trình do giảng viên nhà trường biên soạn.
- Bùi Đại. 2002. Bệnh học truyền nhiễm. NXB Y học, Hà Nội.
- Điều dưỡng truyền nhiễm thần kinh tâm thần, Bộ Y tế, NXB Y học, 2005.
- Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, NXB Y học Hà Nội - 2004.
- Trường Đại học Y Dược Huế, Bệnh truyền nhiễm, Bộ môn truyền nhiễm 2008.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học đại cương. NXB Y học, 1993.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Dịch tễ học y học. NXB Y học, 1993.
- Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội. Thực hành Dịch tễ học. Tái bản lần thứ nhất. NXB Y học, 1996.
- Giáo trình môn học Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. **Vị trí:** Thực hiện trong học kỳ III.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp hiệu quả khi tiếp xúc với người bệnh, gia đình và các nhân viên y tế khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hiểu biết về nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng, khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân, biết các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng giao tiếp cần thiết để thiết lập mối quan hệ giữa người bệnh và nhân viên y tế, lấy người bệnh là trung tâm khi phát triển các mối quan hệ giao tiếp. Từ đó tự hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn
5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

- Về kỹ năng:

Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Kỹ năng giao tiếp	17	4	13	
1.1	Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp	7	2	5	
1.2	Tư vấn giáo dục sức khỏe	10	2	8	
2	Chương 2: Tâm lý y học – Giáo dục sức khỏe	33	15	16	
2.1	Đại cương về tâm lý và tâm lý y học	2	2		
2.2	Nhân cách – nhu cầu – động cơ	3	2		1
2.3	Tâm lý người bệnh	2	2		
2.4	Giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh	18	5	12	1
2.5	Liệu pháp tâm lý	8	4	4	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Kỹ năng giao tiếp

Thời gian: 17 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành của người điều dưỡng.
- 2.2. Các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp không lời và có lời.
- 2.3. Vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong truyền thông.
- 2.4. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng cũng như các bước để thay đổi hành vi.

Chương 2: Tâm lý y học

Thời gian: 33 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
2. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
3. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
4. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
5. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
6. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.
- 2.2. Bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
- 2.3. Nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
- 2.4. Khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
- 2.5. Các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- 1. Phòng học:** lý thuyết.
- 2. Trang thiết bị:** máy chiếu, máy tính.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Về kiến thức

1. Trình bày khái niệm giao tiếp, tầm quan trọng của giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của người điều dưỡng.
2. Trình bày các yếu tố và các kỹ năng chính trong giao tiếp giáo dục sức khỏe.
3. Trình bày vai trò và ý nghĩa của giao tiếp trong thực hành điều dưỡng.
4. Nêu được khái niệm tư vấn, nguyên tắc tư vấn và các bước của quá trình tư vấn
5. Trình bày được khái niệm về tâm lý, tâm lý học và tâm lý y học.

6. Trình bày được bản chất tâm lý và phương pháp nghiên cứu tâm lý người bệnh.
7. Mô tả được nhu cầu cơ bản của con người theo phân cấp của Maslow và sự liên quan giữa nhu cầu và điều dưỡng.
8. Trình bày được khái niệm tâm lý bệnh nhân, biểu hiện tâm lý thường gặp ở bệnh nhân và các phản ứng tâm lý của bệnh nhân
9. Trình bày được các quy tắc cơ bản trong giao tiếp với người bệnh.
10. Trình bày khái niệm liệu pháp tâm lý và các loại liệu pháp tâm lý đối với người bệnh

- **Về kỹ năng:** Vận dụng truyền thông giao tiếp trong thực hành giáo dục sức khỏe của điều dưỡng.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Người học rèn luyện các kỹ năng giao tiếp chính trong quá trình giao tiếp với người bệnh để thực hiện tốt quy tắc ứng xử, thực hành giáo dục sức khỏe trong bệnh viện.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- **Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.**

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, ...

3. **Những trọng tâm cần chú ý:** kỹ năng giao tiếp và giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt, tâm lý người bệnh cần được điều dưỡng hiểu rõ để thực hiện đúng trong quy trình điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Mạn (2005), Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học

2. Vụ khoa học và đào tạo - Bộ Y tế (2013), Tâm lý học – Y học – Y đức, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3. Nguyễn Văn Nhận (2006), Tâm lý học Y học, Nhà xuất bản Y học Hà Nội

4. Nguyễn Ngọc Lâm, Khoa học giao tiếp, Ban XB Đại học mở Bán công TP Hồ Chí Minh, 1998.

5. Bộ Y tế (1997), Các kỹ năng cơ bản của giáo dục y học, Vụ khoa học - Đào tạo.

6. Bộ Y tế (1996), Tài liệu giáo dục liên tục, Nhà xuất bản Y học, Vụ khoa học - Đào tạo.

7. Bộ Y tế (1993), Các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe.
8. Giáo trình môn học Giao tiếp và giáo dục sức khỏe của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN, CẤP CỨU BAN ĐẦU

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 100 giờ; (LT: 39 giờ; TH: 59 giờ; KT: 2).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần cơ sở.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 1. Trình bày được nhu cầu cơ bản của con người
 2. Trình bày được mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh
 3. Trình bày được các tai biến và cách xử trí tai biến trong quá trình chăm sóc người bệnh
- Về kỹ năng:
 1. Tiến hành được các kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình giả định
 2. Vận dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc thực hiện qui trình chăm sóc người bệnh cụ thể
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 1. Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian(giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Giới thiệu lịch sử ngành điều dưỡng – Hộ sinh	2	2	0	
2	Chức năng, nhiệm vụ của ngành điều dưỡng – Hộ sinh	2	2	0	

TT	Tên chương, mục	Thời gian(giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
3	Nhu cầu cơ bản của con người	2	2	0	
4	Qui trình điều dưỡng	6	2	4	
5	Hồ sơ người bệnh và cách ghi chép	3	1	2	
6	Rửa tay, mặc áo, mang găng	5	2	3	
7	Dụng cụ thường dùng ở bệnh viện và cách bảo quản	5	2	3	
8	Tiếp nhận người bệnh đến khám, vào viện, chuyển viện, ra viện	4	2	2	
9	Cách nhận định và theo dõi dấu hiệu sinh tồn	8	2	6	
10	Chăm sóc hàng ngày và vệ sinh cho người bệnh	4	2	2	
11	Kỹ thuật đưa chất dinh dưỡng vào cơ thể	6	2	4	
12	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc, bôi thuốc, đặt thuốc, nhỏ mắt, mũi, tai	6	2	4	
13	Kỹ thuật dùng thuốc theo đường tiêm, truyền	12	4	7	1
14	Chuẩn bị giường bệnh và thay trải giường cho người bệnh	3	1	2	
15	Cho người bệnh thở oxy	3	1	2	
16	Kỹ thuật thụt tháo, thông tiểu	8	3	4	1
17	Chườm nóng, chườm lạnh, chườm ấm	4	2	2	
18	Các phương pháp vận chuyển người bệnh, sản phụ	3	1	2	
19	Garô cầm máu	3	1	2	
20	Sơ cứu gãy xương	5	1	4	
21	Cấp cứu nạn nhân ngừng hô hấp,	6	2	4	

TT	Tên chương, mục	Thời gian(giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	ngừng tuần hoàn				
Tổng số		100	39	59	2

2. Nội dung chi tiết

Lịch sử điều dưỡng- Định hướng ngành điều dưỡng

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
- 1.2. Trình bày được những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
- 1.3. Trình bày được những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
- 1.4. Nêu được định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
- 1.5. Nêu được các nguyên lý trong thực hành điều dưỡng.
- 1.6. Trình bày được chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Sơ lược lịch sử phát triển Ngành điều dưỡng Việt Nam và thế giới.
- 2.2. Những thành tựu, những tồn tại cơ bản của Ngành Điều dưỡng trong thời gian qua.
- 2.3. Những định hướng cơ bản phát triển của Ngành Điều dưỡng.
- 2.4. Định nghĩa, các định hướng của nghề điều dưỡng
- 2.5. Các nguyên lý trong thực hành điều dưỡng.
- 2.6. Chức năng của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

Quy trình chăm sóc người bệnh

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.
- 1.2. Trình bày được nội dung các bước của quy trình điều dưỡng
- 1.3. Lập được bảng kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.
- 1.4. Trình bày được quy trình tiếp nhận người bệnh ở khoa khám bệnh, điều trị khi người bệnh vào viện, chuyển viện, xuất viện.
- 1.5. Nêu được tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh và những quy định về lập, ghi và bảo quản hồ sơ người bệnh.

1.6. Trình bày được tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh, các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh. Chuẩn bị được các loại giường bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

1.7. Trình bày được một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường và quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.

1.8. Trình bày được những khái niệm chung về dấu hiệu sinh tồn, những chỉ số bình thường và bất thường và các yếu tố gây ra sự thay đổi đó.

2. Nội dung chương:

2.1. Các nhu cầu cơ bản của con người theo Maslow, Virginia Henderson.

2.2. Nội dung các bước của quy trình điều dưỡng

2.3. Lập kế hoạch chăm sóc cho người bệnh.

2.4. Quy trình tiếp nhận người bệnh ở khoa khám bệnh, điều trị khi người bệnh vào viện, chuyển viện, xuất viện.

2.5. Tầm quan trọng của hồ sơ người bệnh và những quy định về lập, ghi và bảo quản hồ sơ người bệnh.

2.6. Tầm quan trọng của việc chuẩn bị giường bệnh, các phương tiện cần thiết cho việc chuẩn bị giường bệnh. Chuẩn bị được các loại giường bệnh theo đúng quy trình kỹ thuật.

2.7. Một số tư thế nghỉ ngơi trị liệu thông thường và quy trình kỹ thuật đặt người bệnh ở các tư thế nghỉ ngơi trị liệu thích hợp.

2.8. Khái niệm chung về dấu hiệu sinh tồn, những chỉ số bình thường và bất thường và các yếu tố gây ra sự thay đổi đó.

Chăm sóc tiêu hóa và bài tiết

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của con người về chất lượng, vai trò, tác dụng của các chất sử dụng làm thức ăn.

1.2. Kể được các yếu tố ảnh hưởng, rối loạn đến chức năng tiêu hóa.

1.3. Liệt kê được mục đích và chỉ định trong việc giúp người bệnh ăn, rửa dạ dày, thụt tháo, thông tiểu, rửa bàng quang.

1.4. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật giúp người bệnh ăn qua ống thông, rửa dạ dày, thụt tháo, thông tiểu, rửa bàng quang.

2. Nội dung chương:

2.1. Nhu cầu về dinh dưỡng-Khẩu phần ăn-Điều dưỡng các rối loạn về chức năng tiêu hóa.

2.2.1. Nhu cầu dinh dưỡng.

2.2.2. Khẩu phần ăn.

2.2.3. Yêu cầu ăn ngon miệng.

2.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiêu hóa.

2.2.5. Các rối loạn tiêu hóa thường gặp.

- 2.2.6. Quy trình điều dưỡng đối với các rối loạn tiêu hóa.
- 2.2. Các phương pháp đưa thức ăn vào cơ thể người bệnh, hút dịch vị-tá tràng
 - 2.2.1. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.2. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.3. Kỹ thuật rửa dạ dày
 - 2.2.1. Định nghĩa.
 - 2.2.2. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.3. Chống chỉ định.
 - 2.2.4. Quy trình chăm sóc người bệnh rửa dạ dày.
 - 2.2.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.6. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.4. Quản lý người bệnh thụt tháo
 - 2.2.1. Mục đích
 - 2.2.2. Chỉ định- Chống chỉ định.
 - 2.2.3. Nhận định người bệnh.
 - 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.5. Chăm sóc người bệnh thông tiểu dẫn lưu nước tiểu, rửa bàng quang
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự bài tiết nước tiểu.
 - 2.2.3. Một số định nghĩa về sự bài tiết bất thường qua đường niệu
 - 2.2.4. Định nghĩa-Mục đích
 - 2.2.5. Chỉ định- Chống chỉ định.
 - 2.2.6. Các phương pháp dẫn lưu nước tiểu
 - 2.2.7. Các tai biến, biến chứng, nguyên nhân, cách xử trí và phòng ngừa.
 - 2.2.8. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.9. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.6. Theo dõi dịch vào ra.
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Thay đổi cơ thể khi mất cân bằng dịch.
 - 2.2.3. Chỉ định theo dõi dịch vào ra.
 - 2.2.4. Quy trình điều dưỡng.

Điều trị-Điều dưỡng hộ sinh

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các yêu cầu chuẩn bị người bệnh trước khi làm xét nghiệm, từng loại xét nghiệm.

1.2. Trình bày được tác dụng chườm nóng-chườm lạnh.

1.3. Kể được mục đích và chỉ định khi cho người bệnh thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, tiêm thuốc, truyền dịch và truyền máu.

1.4. Liệt kê được các phương pháp dùng thuốc, nguyên tắc, các tai biến và cách xử trí.

1.5. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật lấy bệnh phẩm xét nghiệm, chườm nóng-chườm lạnh, thở dưỡng khí, hút đờm nhớt, các phương pháp dùng thuốc, truyền dịch và truyền máu.

2. Nội dung chương:

2.1. Chuẩn bị người bệnh làm xét nghiệm cận lâm sàng.

2.2.1. Đại cương, mục đích.

2.2.2. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.

2.2. Chườm nóng - chườm lạnh

2.2.1. Tác dụng.

2.2.2. Ảnh hưởng của các cơ quan với vùng chườm.

2.2.3. Nguyên tắc.

2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.

2.3. Oxy liệu pháp

2.2.1. Mục đích, chỉ định.

2.2.2. Nhận định người bệnh.

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.

2.4. Hút đờm nhớt

2.2.1. Mục đích, chỉ định.

2.2.2. Nhận định người bệnh.

2.2.3. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.

2.2.4. Kỹ thuật tiến hành.

2.5. Những nguyên tắc dùng thuốc, các phương pháp dùng thuốc, tiêm an toàn

2.2.1. Những yêu cầu cần thiết khi dùng thuốc

2.2.2. Các phương pháp dùng thuốc.

2.2.3. Mục đích, chỉ định.

- 2.2.4. Chống chỉ định.
- 2.2.5. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
- 2.2.6. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.6. Tiêm truyền dung dịch, truyền máu
 - 2.2.1. Những yêu cầu cần thiết khi truyền dịch, truyền máu
 - 2.2.2. Mục đích, chỉ định.
 - 2.2.3. Chống chỉ định.
 - 2.2.4. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
 - 2.2.5. Kỹ thuật tiến hành.

Sơ cấp cứu ban đầu

- 1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, xử trí và phòng ngừa các trường hợp: ngừng thở-ngừng tim, vết thương phần mềm, gãy xương.
 - 1.2. Mô tả và thực hiện được kỹ thuật sơ cứu đúng quy trình.
- 2. Nội dung chương:
 - 2.1. Tổ chức cấp cứu hàng loạt, phân loại chọn lọc nạn nhân
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Mục đích.
 - 2.2.3. Phân loại nạn nhân.
 - 2.2. Cấp cứu hô hấp tuần hoàn
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.
 - 2.3. Sơ cứu gãy xương
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.
 - 2.4. Sơ cứu vết thương
 - 2.2.1. Nguyên nhân, mục đích.
 - 2.2.2. Triệu chứng.
 - 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
 - 2.2.4. Những điểm lưu ý.
 - 2.5. Vận chuyển người bị nạn

- 2.2.1. Mục đích.
- 2.2.2. Chuẩn bị người bệnh, dụng cụ.
- 2.2.3. Kỹ thuật tiến hành.
- 2.2.4. Những điểm lưu ý.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Về kiến thức:

- Trình bày được nhu cầu cơ bản của con người
- Trình bày được mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật cấp cứu và chăm sóc người bệnh
- Trình bày được các tai biến và cách xử trí tai biến trong quá trình chăm sóc người bệnh

Về kỹ năng:

- Tiến hành được các kỹ thuật điều dưỡng trên mô hình giả định
- Vận dụng được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản vào việc thực hiện qui trình chăm sóc người bệnh cụ thể

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác và an toàn khi chăm sóc cho người bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.
- Thực hành: Tại phòng thực tập của nhà trường.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chú ý rèn luyện sinh viên xác định được vai trò, nhiệm vụ, chức năng của công tác điều dưỡng; lập kế hoạch chăm sóc người bệnh; thực hiện các qui trình kỹ thuật chăm sóc người bệnh; khám các biểu hiện hoạt động sống của con người và tham gia quản lý buồng bệnh, xử lý và bảo quản dụng cụ thường dùng trong chăm sóc người bệnh. Thực hiện các qui trình kỹ thuật điều dưỡng chăm sóc người bệnh.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế (2004) Quản lý điều dưỡng, NXB Y học
- Bộ Y tế (2003), Tài liệu Hướng dẫn Quy trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện, Tập 1, NXB Y học.
- Bộ Y tế (2002), Tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật bệnh viện tập 1, 2, NXB Y học
- Nursing Diagnosis and intervention, Print by Mosby- Year Book, 1997
- Giáo trình môn học Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

Tên môn học: KHÔNG CHẾ NHIỄM KHUẨN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành (Thảo luận): 29 giờ, kiểm tra 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** môn học thực hiện ở HK III.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

II. Mục tiêu môn học

- Kiến thức

1. Nêu được mục tiêu và giải pháp chương trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện.
2. Kể được một số vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp nhiễm khuẩn thường gặp.
3. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
4. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế
5. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

- Kỹ năng

1. Thực hiện được các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.
2. Áp dụng được các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn chuẩn trong bệnh viện.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.
2. Người học hiểu được vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan công tác	5	5		

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	chống nhiễm khuẩn bệnh viện.				
1.1	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	3	3		
1.2	Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa	2	2		
2	Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa	14	5	8	1
2.1	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện	6	2	4	
2.2	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	8	3	4	1
3	Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn	31	9	21	1
3.1	Các phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn	2	2		
3.2	Quản lý đồ vải	2	2		
3.3	Vệ sinh môi trường bệnh viện	7	1	5	1
3.4	Quản lý chất thải rắn y tế	10	2	8	
3.5	Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phổi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm	10	2	8	
Tổng cộng		50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện
2. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.
3. Liệt kê được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.

4. Mô tả được nội dung chính của chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở y tế.

5. Kể được các đường lây truyền vi sinh vật.

6. Trình bày được định nghĩa và những nội dung phòng ngừa chuẩn.

7. Trình bày được cách phòng ngừa lây truyền bệnh qua các đường: đường tiếp xúc, đường giọt bắn và đường không khí.

8. Mô tả được các kỹ thuật phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung

2. Nội dung

2.1. Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế

2.1.1. Tổng quan

2.1.2. Dịch tễ học kiểm soát nhiễm khuẩn

2.1.2.1. Tần suất nhiễm khuẩn bệnh viện

2.1.2.2. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

2.1.2.3. Tác nhân vi sinh vật

2.1.2.4. Đường lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện

2.1.2.5. Nguồn lây nhiễm bệnh viện

2.1.2.6. Nguyên nhân nhiễm khuẩn bệnh viện

2.1.3. Hậu quả nhiễm khuẩn bệnh viện

2.1.4. Chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và những giải pháp cụ thể

2.2. Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa.

2.2.1. Các đường lây truyền bệnh

2.2.2. Các biện pháp phòng ngừa

2.2.3. Kỹ thuật áp dụng trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung

2.2.3. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân

Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

1. Kể tên các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện cơ bản .

2. Lựa chọn phương pháp giám sát cho phù hợp và phân tích kết quả giám sát.

3. Mô tả và xác định được đúng ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

4. Mô tả được cách sử dụng bộ công cụ giám sát trong thực hành.

5. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.

6. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

7. Trình bày được nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.1. Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.2. Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.1.3. Giám sát ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường sử dụng.
 - 2.1.4. Quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 2.2. Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
 - 2.2.1. Mở đầu
 - 2.2.2. Nguyên nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.4. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2.2.5. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn

Thời gian: 31 giờ

1. Mục tiêu

- 1. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- 2. Mô tả được cách phân loại dụng cụ theo Spaulding.
- 3. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn.
- 4. Mô tả được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
- 5. Trình bày được nội dung kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn và bảo quản dụng cụ tiệt khuẩn.
- 6. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
- 7. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế
- 8. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
 - 2.1.1. Một số khái niệm.
 - 2.1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn.
 - 2.1.3. Phân loại dụng cụ.
 - 2.1.4. Nguyên tắc khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ.
 - 2.1.5. Các phương pháp tiệt khuẩn.
 - 2.1.6. Quy trình khử khuẩn, tiệt khuẩn trong các cơ sở khám, chữa bệnh.
- 2.2. Vệ sinh môi trường bệnh viện

2.2.1. Nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng

2.2.2. Thực hiện đúng quy trình vệ sinh tại đơn vị làm việc

2.3. Quản lý chất thải rắn y tế

2.3.1. Nguyên tắc phân loại chất thải rắn y tế

2.3.1. Quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

2.4. Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

2.4.1. Các biện pháp phòng ngừa lây nhiễm trong tiêm

2.4.2. Cách xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. **Phòng học:** Lý thuyết

2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi,...

3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện

2. Liệt kê được các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp

3. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp

4. Nêu các biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

5. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn

6. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn

- Kỹ năng:

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Áp dụng được các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn thích hợp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học rèn luyện được thái độ thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Phương pháp đánh giá:

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

3. Những trọng tâm cần chú ý: Kiến thức và phương pháp về phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện

4. Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Đức Mục (2012), Tài liệu kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ y tế cơ sở
2. Bộ Y tế (2003), Tài liệu hướng dẫn quy trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện, NXB Y học.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Khống chế nhiễm khuẩn của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2 TC, Học kỳ III, 40 giờ (LT: 39, Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.
- Tính chất: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nước và pháp luật, nắm được những nội dung chính của những quy định pháp luật về lĩnh vực y tế. Xây dựng được ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức :

- Trình bày được hệ thống tổ chức Ngành Y tế và Ngành Điều dưỡng Việt Nam.
- Trình bày được các quan điểm, đường lối của Đảng về công tác y tế, nhiệm vụ của Ngành Y tế trong giai đoạn hiện nay.
- Trình bày được cách tổ chức bệnh viện, quản lý y tế cơ sở.

Kỹ năng:

Vận dụng kiến thức môn vào thực tiễn về tổ chức và quản lý y tế cơ sở

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức, trách nhiệm người thầy thuốc khi thực hiện quản lý chuyên môn không vi phạm y đức đối với người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	Kiểm tra
1	<i>Chương I: Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế</i> - Khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế. - Sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế. - Khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng, nhiệm vụ, đối tượng và các nội dung cơ bản. - Các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương	6	6		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	Kiểm tra
	pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.				
2	<p><i>Chương II: Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam. - Mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam. - Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế. - Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020). 	6	6		
3	<p><i>Chương III: Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta. - Đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân - Phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế. 	4	4		
4	<p><i>Chương IV: Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái lược về cự hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện. - Định nghĩa bệnh viện - Vai trò của bệnh viện - Nhiệm vụ của bệnh viện. - Mô hình bệnh viện. - Quản lý bệnh viện. - Cơ chế pháp lý của bệnh viện. 	6	5		1
5	<p><i>Chương V: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về thông tin, chỉ số y tế. - Ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế. - Yêu cầu cơ bản đối với thông tin. - Các đặc tính của thông tin y tế. 	4	4		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	LT	TH	Kiểm tra
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại thông tin, chỉ số, chỉ tiêu y tế. - Cách tính và ý nghĩa của một số chỉ số quan trọng ở tuyến y tế cơ sở. - Hệ thống sổ sách, báo cáo của trạm y tế cơ sở. 				
6	<p><i>Chương VI: Lập kế hoạch y tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch. - Quy trình lập kế hoạch y tế công cộng. 	2	2		
7	<p><i>Chương VII: Giám sát hoạt động y tế.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại cương - Khái niệm về vai trò giám sát. - Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thái độ và hành vi của giám sát viên. - Phương pháp giám sát - Quy trình giám sát. 	4	4		
8	<p><i>Chương VIII: Quản lý nhân lực y tế</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về quản lý nhân lực. - Một số phương pháp về quản lý nhân lực. - Các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế cơ sở/phòng. - Khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc. 	4	4		
9	<p><i>Chương IX: Quản lý tài chính và vật tư y tế.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt vấn đề. - Các khái niệm. - Hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam. - Quản lý tài chính vật tư. 	4	4		
	Cộng	40	39	00	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I: Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế.
- Trình bày được sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế.
- Nêu được khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng , nhiệm vụ. đối tượng và các nội dung cơ bản.
- Nêu được các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.

2. Nội dung chương:

2.1. Đại cương về Tổ chức và Quản lý Y tế

2.1.1. Khái niệm: Y học xã hội, Y tế công cộng, Tổ chức Y tế.

2.1.2. Sự phát triển của Y xã hội học và Tổ chức Y tế.

2.1.3. Khoa học và Tổ Chức và Quản lý Y tế: Chức năng , nhiệm vụ. đối tượng và các nội dung cơ bản.

2.1.4. Các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thống kê, phương pháp thực nghiệm, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp đánh giá.

Chương II: Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam.
- Nêu được mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam.
- Nêu được tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế.
- Trình bày được Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020).

2. Nội dung chương:

2.1. Tổ chức và Quản lý hệ thống y tế Việt Nam.

2.1.1. Nguyên tắc cơ bản về tổ chức mạng lưới Y tế Việt nam.

2.1.2. Mô hình chung của Tổ chức Y tế Việt Nam.

2.1.3. Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ các tuyến y tế.

2.1.4. Chuẩn quốc gia về y tế xã (giai đoạn 2010 – 2020).

Chương III: Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.

1. Mục tiêu:

- Nêu được các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta.
- Trình bày được đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân
- Nêu được phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Những quan điểm, chiến lược và chính sách y tế Việt Nam.

2.1.1. Các quan điểm cơ bản trong lịch sử phát triển quan điểm y tế của Đảng ta.

2.1.2. Đặc điểm nhu cầu sức khỏe và chăm sóc sức khỏe nhân dân

2.1.3. Phân tích nội dung cơ bản của chiến lược bảo vệ sức khỏe và quan điểm về y tế.

Chương IV: Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái lược về cự hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện.

- Nêu được định nghĩa, vai trò, nhiệm vụ, mô hình, quản lý của bệnh viện.

- Trình bày được cơ chế pháp lý của bệnh viện.

2. Nội dung chương:

2.1. Tổ chức và Quản lý y tế Bệnh Viện

2.1.1. Khái lược về cự hình thành và phát triển của bệnh viện và quản lý bệnh viện.

2.1.2. Định nghĩa bệnh viện

2.1.3. Vai trò của bệnh viện

2.1.4. Nhiệm vụ của bệnh viện.

2.1.5. Mô hình bệnh viện.

2.1.6. Quản lý bệnh viện.

2.1.7. Cơ chế pháp lý của bệnh viện.

Chương V: Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm về thông tin, chỉ số y tế.

- Trình bày được ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế.

2. Nội dung chương:

2.1. Các chỉ số sức khỏe và quản lý thông tin y tế

2.1.1. Khái niệm về thông tin, chỉ số y tế.

2.1.2. Ý nghĩa và vai trò của thông tin y tế.

2.1.3. Yêu cầu cơ bản đối với thông tin.

2.1.4. Các đặc tính của thông tin y tế.

2.1.5. Phân loại thông tin, chỉ số, chỉ tiêu y tế.

2.1.6. Cách tính và ý nghĩa của một số chỉ số quan trọng ở tuyến y tế cơ sở.

2.1.7. Hệ thống sổ sách, báo cáo của trạm y tế cơ sở.

Chương VI: Lập kế hoạch y tế

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch.
- Trình bày được quy trình lập kế hoạch y tế công cộng.

2. Nội dung chương:

2.1. Lập kế hoạch y tế

2.1.1. Khái niệm về kế hoạch và lập kế hoạch.

2.1.2. Quy trình lập kế hoạch y tế công cộng.

Chương VII: Giám sát hoạt động y tế.

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm về vai trò giám sát.
- Trình bày được tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thái độ và hành vi của giám sát viên.

2. Nội dung chương:

2.1. Giám sát hoạt động y tế.

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Khái niệm về vai trò giám sát.

2.1.3. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, thái độ và hành vi của giám sát viên.

2.1.4. Phương pháp giám sát

2.1.5. Quy trình giám sát.

Chương VIII: Quản lý nhân lực y tế

1. Mục tiêu:

- Nêu được khái quát về quản lý nhân lực, một số phương pháp về quản lý nhân lực.
- Trình bày được các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế xã/phường.
- Nêu được khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc.

2. Nội dung chương:

2.1. Quản lý nhân lực y tế

2.1.1. Khái quát về quản lý nhân lực.

2.1.2. Một số phương pháp về quản lý nhân lực.

2.1.3. Các nội dung cơ bản về quản lý nhân lực tại tuyến y tế xã/phường.

2.1.4. Khái niệm về nhóm làm việc và vai trò của nhóm làm việc.

Chương IX: Quản lý tài chính và vật tư y tế.

1. Mục tiêu:

- Nêu được các khái niệm.
- Trình bày được hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam.

- Nêu được quản lý tài chính vật tư.

2. Nội dung chương:

2.1. Quản lý tài chính và vật tư y tế.

2.1.1. Đặt vấn đề.

2.1.2. Các khái niệm.

2.1.3. Hệ thống và cơ chế hoạt động hệ thống tài chính y tế Việt Nam.

2.1.4. Quản lý tài chính vật tư.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường, thực hành giảng dạy tại phòng thực hành ở trường.

2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy; Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra lý thuyết) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: Lý thuyết:Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Đại học Quốc gia Hà Nội - Giáo trình nhà nước và pháp luật đại cương - Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội - Tổ chức và Quản lý y tế. Nhà xuất Y học - 2007

- Quốc Hội - Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân Hà Nội. Nhà xuất bản Pháp lý, 1989.

- Bộ Y tế. Tổ chức y tế thế giới - Quản lý y tế. Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 2001.

- Bộ Y tế - Quy chế Bệnh viện. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội - 2001.

- Đại học Quốc gia Hà Nội - Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - 1999.

- Đại học Luật Hà Nội - Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật – 1994

- Giáo trình môn học Tổ chức và quản lý y tế của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

Tên môn học: NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 00 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện ở học kỳ III.

2. **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, phương pháp, phương tiện và các kỹ năng, các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

- Về Kiến thức

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.

2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.

3. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
4. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.
5. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
6. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
7. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
8. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.
9. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

- Về kỹ năng

1. Xác định được các nhu cầu của công tác nâng cao sức khỏe và các vấn đề ưu tiên.
2. Phân tích các yếu tố tác động đến thay đổi hành vi sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	Chương 1: Những nội dung cơ bản của nâng cao sức khỏe	7	7		
1.1	Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	1	1		
1.2	Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	2	2		
1.3	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	2	2		
1.4	Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	2	2		
2	Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe	8	7		1

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
2.1	Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
2.2	Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe	2	2		
2.3	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	2	2		
2.4	Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	2	1		1
3	Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng	5	5		
3.1	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	3	3		
3.2	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	2	2		
Tổng cộng		20	19		1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.
4. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
5. Mô tả được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe.
6. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu về nâng cao sức khỏe
 - 2.1.1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
 - 2.1.2. Các khái niệm giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe.
 - 2.1.3. Các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
- 2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
- 2.3. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi

- 2.3.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe.
- 2.3.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng.
- 2.3.3. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp.
- 2.4. Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe
- 2.4.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe
- 2.4.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

1. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
2. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
3. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
4. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.1.2. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
- 2.2. Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe
 - 2.2.1. Phương pháp truyền thông.
 - 2.2.2. Phương tiện truyền thông.
- 2.3. Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 2.3.1. Các khâu cơ bản và quá trình truyền thông
 - 2.3.2. Các yêu cầu làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả.
 - 2.3.3. Các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện
- 2.3. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe
 - 2.3.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu.
 - 2.3.2. Các tiêu chuẩn của mục tiêu.
 - 2.3.3. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

1. Nêu được khái niệm cộng đồng và phát triển cộng đồng.
2. Trình bày được cách tiếp cận phát triển cộng đồng.

3. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

2. Nội dung

2.1. Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Các quan điểm định hướng phát triển cộng đồng.

2.1.3. Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng.

2.1.4. Các dạng hoạt động trong phát triển cộng đồng.

2.2. Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở

2.2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học.

2.2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học: Lý thuyết.

2. Trang thiết bị: Máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- Kiến thức

+ Trình bày được các khái niệm, mục đích của sức khỏe và nâng cao sức khỏe.

+ Phân tích được các yếu tố quyết định sức khỏe.

+ Trình bày các mô hình nâng cao sức khỏe.

+ Nêu được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.

+ Trình bày được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe.

+ Các bước thay đổi hành vi sức khỏe.

- Kỹ năng

+ Liệt kê được các vấn sức khỏe.

+ Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên.

+ Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học xác định được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe; Vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

2. Phương pháp đánh giá

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập...

3. Những trọng tâm cần chú ý

Kiến thức về hành vi sức khỏe, phân tích các vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2005), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

2. Bộ Y tế (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

3. Bộ Y tế (1998), Nâng cao Sức khỏe - Hướng dẫn thực hành, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

4. Bộ Y tế (2013), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

5. Giáo trình môn học Nâng cao sức khỏe và hành vi con người của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 2TC, HK V, 50 giờ (LT: 19, TH: 29, KT: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ IV.

Tính chất:

Trang bị Cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

II. Mục tiêu môn học:

Kiến thức: Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng: Nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
1	Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	4	4	0	
	Chương 2: Các PP nghiên cứu và PP chọn mẫu.				
2	Các phương pháp nghiên cứu	10	2	7	1
3	Phương pháp chọn mẫu	11	6	5	
4	Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu	9	3	5	1
5	Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu	16	4	12	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH	Kiểm tra
	Tổng cộng	50	19	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được những đặc điểm chính của nghiên cứu và vai trò nghiên cứu điều dưỡng

1.2. Liệt kê được tám bước của quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu

2. Nội dung chương:

2.1. Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

2.1.2. Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu.

Chương 2: Các phương pháp nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phương pháp nghiên cứu áp dụng trong nghiên cứu khoa học.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu

1.3. Mô tả được phương pháp tính cỡ mẫu phù hợp và liệt kê được bốn phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Các thiết kế nghiên cứu

2.2. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.1. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.2. Phương pháp chọn và liệt kê các biến số nghiên cứu.

Chương 3: Trình bày và phiên giải số liệu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày một số khái niệm cơ bản về thống kê.

1.2. Mô tả được thống kê mô tả và thống kê suy luận

1.3. Phiên giải được các kết quả phân tích số liệu

2. Nội dung chương:

2.1. Trình bày và phiên giải số liệu

- 2.1.1. Phương pháp thống kê cơ bản
- 2.1.2. Kết quả nghiên cứu và phiên giải kết quả.

Chương 4: Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được khung viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học
- 1.2. Mô tả được các viết tổng quan tài liệu và viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

- 2.1.1. Viết tổng quan
- 2.1.2. Viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Quy trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích và phiên giải số liệu, đặc biệt là phải thực hiện được đề cương nghiên cứu.

4. Tài liệu tham khảo

- 4.1. Phạm Đức Mục (2007), Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản y học.
- 4.2. Đại học Y Dược TP. HCM (2005), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và xử lý số liệu với Stata 8. 0, NXB Y học.
- 4.3. Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê y tế công cộng, NXB Y học Hà Nội.
- 4.4. Giáo trình môn học Nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ CHUYÊN NGÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 30 giờ; Kiểm tra 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ nào IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ.
2. Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản bao gồm: tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học.
3. Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng được kiến thức giải phẫu sinh lý để tư vấn, thực hành hộ sinh hiệu quả và an toàn.
2. Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam giới tại nơi thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Nhắc lại Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ bình thường - Sinh lý phụ khoa: Hoạt động trực dưới đồi-tuyến yên	04	04		
2	Giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai, ứng dụng trong thăm khám.	08	03	04	01

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ và ứng dụng trong chăm sóc	04	04		
4	Giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám Sinh lý tiết sữa. Sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong chăm sóc	06	04	02	
5	Vô khuẩn trong sản phụ khoa	04	02	02	
6	Khám phụ khoa	04	02	02	
7	Chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục	08	04	03	01
8	Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm sinh dục	06	02	04	
9	Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục và u vú	06	04	02	
10	Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh	04	02	02	
11	Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm kế hoạch chăm sóc	04	02	02	
12	Vô sinh	04	02	02	
13	Chăm sóc phụ nữ sa sinh dục, rò bàng quang sinh dục và tiểu không tự chủ	04	02	02	
14	Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới	04	02	02	
Tổng cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Nhắc lại Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ bình thường – Sinh lý phụ khoa: Hoạt động trực dưới đòi-tuyển yên

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được giải phẫu bộ phận sinh dục nữ
- 1.2. Trình bày được sinh lý phụ khoa

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ

2.1.1. Âm hộ

2.1.2. Âm đạo

2.1.3. Tầng sinh môn

2.1.4. Tử cung

2.1.5. Buồng trứng

2.1.6. Ống dẫn trứng (vòi trứng)

2.2. Sinh lý phụ khoa, hoạt động trực dưới đồi – tuyến yên

2.2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng

2.2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng

2.2.3. Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt

Bài 2. Giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai, ứng dụng trong thăm khám.

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai

1.2. Ứng dụng giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai trong thăm khám

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Cấu tạo chung của khung chậu

2.2.1. Khung chậu được cấu tạo bởi 4 xương

2.2.2. Bốn xương của khung chậu khớp với nhau bởi 4 khớp bán động

2.2.3. Mặt trong xương chậu có đường vô danh chia khung chậu làm 2 phần

2.3. Đại khung

2.3.1. Cấu tạo

2.3.2. Vai trò

2.3.3. Các đường kính của đại khung

2.3.4. Trám michaelis

2.4. Tiểu khung

2.4.1. Cấu tạo

2.4.2. Eo trên

2.4.3. Eo giữa

- 2.4.4. Eo dưới
- 2.5. Xếp loại khung chậu
- 2.6. Cách khám khung chậu
 - 2.6.1. Khám đại khung
 - 2.6.2. Khám tiểu khung

Bài 3. Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ và ứng dụng trong chăm sóc.

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ
- 1.2. ứng dụng Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ trong chăm sóc

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thay đổi nội tiết sinh dục
 - 2.2.1. Hcg (human chorionique gonadotropin)
 - 2.2.2. Các hormon steroid
- 2.3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh dục
 - 2.3.1. Tại tử cung
 - 2.3.2. Thay đổi ở cổ tử cung
 - 2.3.3. Thay đổi ở âm hộ, âm đạo
 - 2.3.4. Thay đổi ở buồng trứng và vòi trứng
 - 2.3.5. Thay đổi ở vú
 - 2.3.6. Tuần hoàn
 - 2.3.7. Hô hấp
 - 2.3.8. Tiêu hoá
 - 2.3.9. Thay đổi tiết niệu
 - 2.3.10. Thay đổi thần kinh
 - 2.3.11. Một số thay đổi khác
- 2.4. Áp dụng

Bài 4. Giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám. Sinh lý tiết sữa. Sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong chăm sóc.

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám

1.2. Trình bày được sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong chăm sóc

2. Nội dung

2.1. Giải phẫu vú

2.1.1. Những thành phần chính của vú

2.1.2. Chức năng của vú

2.2. Thăm khám vú

2.3. Sinh lý tiết sữa

2.3.1. Sự điều khiển của hoóc môn đối với việc tạo sữa và phun sữa.

2.3.2. Những dấu hiệu và cảm giác của phản xạ oxytocin tích cực.

2.4. Ứng dụng trong chăm sóc

2.4.1. Chất ức chế trong sữa mẹ

2.4.2. Kiểm tra sản xuất sữa trong vú

Bài 5. Vô khuẩn trong sản khoa

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

1.1. Nêu được đối tượng cách lựa chọn không chế nhiễm khuẩn

1.1. Trình bày được nguyên tắc vô khuẩn trong sản khoa

2. Nội dung

2.1. Các thuật ngữ dùng trong vô khuẩn sản khoa

2.1.1. Vô khuẩn

2.1.2. Sát khuẩn

2.1.3. Khử nhiễm

2.1.4. Làm sạch

2.1.5. Khử khuẩn cao

2.1.6. Tiệt khuẩn

2.2. Đối tượng cần không chế nhiễm khuẩn trong sản khoa

2.2.1. Dụng cụ

2.2.2. Thầy thuốc

2.2.3. Sản phụ

2.2.4. Môi trường

2.3. Lựa chọn cách không chế nhiễm khuẩn đối với dụng cụ

2.3.1. Đối với dụng cụ kim loại

2.3.2. Với đồ vải

2.3.3. Với đồ nhựa

- 2.3.4. Thủy tinh
- 2.3.5. Với đồ cao su
- 2.4. Các nguyên tắc vô khuẩn đối với CBYT
- 2.5. Các nguyên tắc vô khuẩn đối với phòng đẻ
- 2.6. Tiêu chuẩn phòng đẻ sạch
 - 2.6.1. Cấu trúc
 - 2.6.2. Bảo quản

Bài 6. Khám phụ khoa

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được cách chuẩn bị dụng cụ và bệnh nhân
- 1.2. Trình bày được nội dung hỏi bệnh và cách khám phụ khoa

2. Nội dung

- 2.1. Chuẩn bị dụng cụ và bệnh nhân
- 2.2. Nội dung hỏi bệnh
- 2.3. Khám phụ khoa
 - 2.3.1. Tư thế
 - 2.3.2. Quan sát
 - 2.3.3. Khám bộ phận sinh dục ngoài
 - 2.3.4. Khám bằng mỏ vịt
 - 2.3.5. Khám âm đạo bằng tay

Bài 7. Chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được sinh lý kinh nguyệt.
- 1.2. Phân biệt được chu kỳ kinh nguyệt bình thường và bất thường.
- 1.3. Trình bày các nguyên nhân gây ra máu âm đạo bất thường.
- 1.4. Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường.
- 1.5. Trình bày các bước cơ bản trong điều trị ra máu âm đạo bất thường.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Sinh lý kinh nguyệt
- 2.3. Định nghĩa những bất thường chu kỳ kinh nguyệt
- 2.4. Nguyên nhân

- 2.4.1. Rong kinh, rong huyết, kinh ít, kinh nhiều, băng kinh, vô kinh thứ phát... cơ năng
- 2.4.2. Các tổn thương thực thể ở cơ quan sinh dục
- 2.4.3. Các biến chứng liên quan với thai nghén
- 2.4.4. Bệnh toàn thân
- 2.4.5. Các yếu tố do thuốc
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
- 2.5.1. Khai thác tiền sử và bệnh sử
- 2.5.2. Khám lâm sàng
- 2.5.3. Các xét nghiệm cận lâm sàng
- 2.6. Điều trị
- 2.6.1. Nguyên tắc điều trị
- 2.6.2. Điều trị nguyên nhân

Bài 8. Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm sinh dục

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được các hình thái viêm nhiễm sinh dục thông thường ở phụ nữ.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục.
- 1.3. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Các hình thái viêm nhiễm đường sinh dục
 - 2.2.1. Viêm âm hộ
 - 2.2.2. Viêm hay áp xe tuyến Bartholin
 - 2.2.3. Viêm âm đạo, cổ tử cung
 - 2.2.4. Viêm tử cung
 - 2.2.5. Viêm phần phụ
- 2.3. Kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục
 - 2.3.1. Nhận định
 - 2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng
 - 2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc
 - 2.3.5. Đánh giá chăm sóc

Bài 9. Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục và u vú

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Đặc điểm lâm sàng một số khối u buồng trứng
- 1.2. Mô tả một số bệnh lý lành tính của tuyến vú
- 1.3. Cách chẩn đoán và xử trí UXTC. Chẩn đoán u buồng trứng/ Cách tiếp cận-Chẩn đoán bệnh lý tuyến vú
- 1.4. Lập KHCS UXTC, UBT

2. Nội dung

- 2.1. Khối u sinh dục và u vú
 - 2.1.1. Đặt vấn đề
 - 2.1.2. Giải phẫu học tuyến vú
 - 2.1.3. Sinh lý học tuyến vú
 - 2.1.4. Chẩn đoán
 - 2.1.5. Khối u lành tính ở vú
 - 2.1.6. Kết luận
- 2.2. U nang buồng trứng
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Dịch tế học của u tế bào mầm và u mô đệm sinh dục
 - 2.2.3. Mô bệnh học u mô đệm thừng giới của buồng trứng
 - 2.2.4. Mô bệnh học các khối u tế bào mầm buồng trứng
 - 2.2.5. Những u di căn đến buồng trứng
 - 2.2.6. Kết luận
- 2.3. U xơ tử cung
 - 2.3.1. Mở đầu
 - 2.3.2. Yếu tố nguy cơ
 - 2.3.3. Diễn biến UXTC
 - 2.3.4. Chẩn đoán
 - 2.3.5. Điều trị

Bài 10. Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Mô tả 6 thay đổi về thể chất ở người phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.2. Phân tích được những biến cố hay gặp ở phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.3. Kể 4 loại bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.4. Tư vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Tuổi mãn kinh
- 2.3. Những biến cố hay gặp ở tuổi mãn kinh
- 2.4. Tư vấn, CS người phụ nữ tuổi mãn kinh
- 2.5. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mãn kinh

Bài 11. Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm kế hoạch chăm sóc

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày tầm quan trọng của khai thác bệnh sử trong y khoa
- 1.2. Phân tích cách khai thác bệnh sử
- 1.3. Vận dụng kiến thức đã học để khai thác bệnh sử trong sản phụ khoa
- 1.4. Cách lập kế hoạch chăm sóc

2. Nội dung

- 2.1. Khai thác bệnh sử
 - 2.1.1. Hỏi, nhìn, sờ, gõ, nghe
- 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc

Bài 12. Vô sinh

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu định nghĩa vô sinh
- 1.2. Cách chẩn đoán và xử trí vô sinh.
- 1.3. Lập KHCS một trường hợp vô sinh

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Sơ lược sinh sản nam
- 2.3. Cơ quan sinh dục nữ
- 2.4. Sinh lý thụ thai
- 2.5. Nguyên nhân vô sinh

Bài 13. Chăm sóc phụ nữ sa sinh dục, rò bàng quang sinh dục và tiểu không tự chủ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu định nghĩa, nguyên nhân, chẩn đoán, cách điều trị rò BQ-AD
- 1.2. Nêu định nghĩa, nguyên nhân tiểu không tự chủ
- 1.3. Trình bày triệu chứng tiểu không tự chủ, hướng xử trí

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa rò BQ-AD
- 2.2. Nguyên nhân rò BQ-AM
- 2.3. Chẩn đoán và điều trị rò BQ-AD
- 2.4. Định nghĩa tiểu không tự chủ
- 2.5. Nguyên nhân tiểu không tự chủ
- 2.6. Triệu chứng và hướng xử trí tiểu không tự chủ

Bài 14. Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày cách tiếp cận suy sinh dục nam.
- 1.2. Nêu cách chăm sóc một trường hợp suy sinh dục nam
- 1.3. Phân tích nguyên nhân và cách tiếp cận một trường hợp rối loạn cương dương.
- 1.4. Nêu cách CS một trường hợp rối loạn cương dương.

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu học dương vật
- 2.2. Mãn dục nam giới
 - 2.2.1. Nguyên nhân
 - 2.2.2. Chẩn đoán
 - 2.2.3. Điều trị
- 2.3. Suy sinh dục nam
 - 2.3.1. Nguyên nhân
 - 2.3.2. Chẩn đoán
 - 2.3.3. Điều trị
- 2.4. Vô sinh nam
 - 2.4.1. Nguyên nhân
 - 2.4.2. Chẩn đoán
 - 2.4.3. Điều trị
- 2.5. Rối loạn cương dương
 - 2.5.1. Nguyên nhân
 - 2.5.2. Chẩn đoán
 - 2.5.3. Điều trị
- 2.6. Xơ cứng vật hang
 - 2.6.1. Nguyên nhân
 - 2.6.2. Chẩn đoán
 - 2.6.3. Điều trị

2.7. Tình dục đồng giới

2.7.1. Nguyên nhân

2.7.2. Chẩn đoán

2.7.3. Điều trị

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, mô hình giải phẫu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ.

+ Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản bao gồm: tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học.

+ Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được kiến thức giải phẫu sinh lý để tư vấn, thực hành hộ sinh hiệu quả và an toàn.

+ Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam giới tại nơi thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Giảng lý thuyết lớp lớn kết hợp dạy học truyền thống và dạy học tích cực.

- Thực hành tại trường: Hướng dẫn tự học, thảo luận, các bài tập tình huống: nhóm nhỏ (20-25 sinh viên). Học sinh thảo luận, làm các chủ đề:

Các chủ đề: Sự thay đổi của pH trong chu kỳ kinh nguyệt. Ứng dụng pH âm đạo trong chăm sóc phụ khoa. Rối loạn kinh nguyệt tuổi tiền mãn kinh và mãn kinh. Vô sinh nữ và ứng dụng. Vô sinh nam và ứng dụng.

Sản phẩm: Các nhóm trình bày: Bài luận trên file word. Bài trình bày Power point.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần chú ý cung cấp các kiến thức chuyên sâu về sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyên dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ, kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản bao gồm tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học; Trang bị các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình do bộ môn sản phụ khoa biên soạn

- Bộ Y tế, Vụ khoa học Đào tạo (2005), Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, NXB Y học, 2005.

- Alat giải phẫu người, NXB Y học 2009.

- Bộ Y tế, vụ khoa học đào tạo (2005) "Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén", NXB Y học 2005

- Bộ môn Sản - Đại học y Hà nội (2004) "Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành", NXB Y học

- Bộ Y tế - Ủy ban dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002) "Chăm sóc sức khỏe sinh sản", NXB Y học

- Trường Đại học Y Hà Nội: Bài giảng Sinh lý, 2003.

- Trường đại học Y Dược TP.HCM, Bài giảng Giải phẫu tập I-II, 2004.

- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.

- Bộ Y tế, 2009, chương II: Làm mẹ an toàn. Chương 8: Nam học, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, NXB Y học, 2005.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
 - Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
 - Trường Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sinh lý, 2003.
 - Trường đại học Y – Dược thành phố Hồ Chí Minh: Bài giảng Giải phẫu tập I-II, 2004.
 - Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009
 - Giáo trình môn học Giải phẫu sinh lý chuyên ngành – chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

Tên môn học: CHĂM SÓC THAI NGHÉN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.
 - + Trình bày được tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.
- Về kỹ năng:
 - + Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
 - + Người học có khả năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Tổng quan về quá trình mang thai và các xét nghiệm thực hiện trong thai kỳ.	12	12		
1	Tổng quan về quá trình mang thai và một số thuật ngữ.	04	04		
2	Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.	04	04		
3	Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai. Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.	04	04		
	Chương 2. Khám thai, quản lý và chăm sóc thai nghén.	28	27		01

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
4	Khám thai và quản lý thai nghén.	04	04		
5	Thai nghén có nguy cơ cao.	04	04		
6	Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.	02	01		01
7	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.	06	06		
8	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.	06	06		
9	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.	06	06		
	Tổng	40	39		01

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Tổng quan về quá trình mang thai và các xét nghiệm thực hiện trong thai kỳ

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.
- 1.2. Trình bày các xét nghiệm cơ bản và các xét nghiệm giúp sàng lọc phát hiện thai dị tật.
- 1.3. Ứng dụng được vào công tác chăm sóc, quản lý thai.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Tổng quan về quá trình mang thai và một số thuật ngữ.
 - 2.1.1. Tổng quan về quá trình mang thai.
 - 2.1.2. Một số thuật ngữ dùng trong chuyên ngành sản phụ khoa.
- 2.2. Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.
 - 2.2.1. Định nghĩa các hiện tượng thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
 - 2.2.2. Mô tả các hiện tượng thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
 - 2.2.3. Các yếu tố sinh lý và bệnh lý ảnh hưởng đến quá trình thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
 - 2.2.4. Ứng dụng kiến thức đã học vào công tác chăm sóc và quản lý thai nghén.
- 2.3. Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai – Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.
 - 2.3.1. Các xét nghiệm cơ bản cần thực hiện khi mang thai.

2.3.2. Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sanh.

Chương 2. Khám thai, quản lý và chăm sóc thai nghén.

Thời gian: 28 giờ

1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được cách khám thai và quản lý thai nghén. Thai nghén có nguy cơ
- 1.2. Trình bày cách tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.
- 1.3. Biết cách chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu, 3 tháng giữa và 3 tháng cuối.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Khám thai và quản lý thai nghén
 - 2.1.1. Lịch khám thai.
 - 2.1.2. Mục đích và nội dung khám thai 3 tháng đầu, ba tháng giữa, ba tháng cuối.
- 2.2. Thai nghén nguy cơ cao
 - 2.2.1. Thai nghén nguy cơ cao.
 - 2.2.2. Quản lý và xử trí thai nghén nguy cơ cao.
- 2.3. Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai
 - 2.3.1. Tư vấn: chế độ làm việc, nghỉ ngơi, sinh hoạt, thể dục, dinh dưỡng, tăng cân.
 - 2.3.2. Vệ sinh thai nghén.
 - 2.3.3. Tiêm ngừa.
 - 2.3.4. Tự theo dõi và chăm sóc thai kỳ.
- 2.4. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.
 - 2.4.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng đầu thai kỳ.
 - 2.4.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng đầu thai kỳ.
 - 2.4.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng đầu thai kỳ.
- 2.5. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.
 - 2.5.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng giữa thai kỳ.
 - 2.5.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng giữa thai kỳ.
 - 2.5.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng giữa thai kỳ.
- 2.6. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.
 - 2.6.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng cuối thai kỳ.
 - 2.6.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng cuối thai kỳ.
 - 2.6.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng cuối thai kỳ.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành, phòng khám và khoa sản, bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.

+ Trình bày được tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học có khả năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Hướng dẫn tự học, làm việc nhóm nhỏ, thảo luận, các bài tập tình huống 18 tiết: nhóm nhỏ (20-25 sinh viên). Học sinh thảo luận, làm các chủ đề

Các chủ đề: Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.

Sản phẩm:

Bài luận trên file word. Bài trình bày Power point

Các nhóm trình bày

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sinh viên phải học xong các học phần: Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành; Giao tiếp, giáo dục sức khoẻ; Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và nam học.

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và sự phát triển của thai nhi. Đồng thời học phần cung cấp kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong kỳ thai nghén, NXB Y học, 2005.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, 2009.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.

- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.

- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009

- Giáo trình môn học Chăm sóc thai nghén của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC THAI NGHÉN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (THBV: 90).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.

2. Sự tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

2. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

3. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến mang thai và chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ mang thai.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai.	8			4
2	Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.	16			8
3	Khám thai và quản lý thai nghén.	16	1		8
4	Thai nghén có nguy cơ cao.	4			2

5	Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.	8	1		4
6	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.	12			6
7	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.	12			6
8	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.	12			6
	Tổng số	88	2		44

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho xét nghiệm, khám và quản lý thai nghén.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Về kiến thức:
 1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.
 2. Sự tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.
 - Về kỹ năng:
 1. Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.
 2. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .
 3. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai là sự kiện cuộc sống bình thường.
 2. Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến mang thai và chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ mang thai.
2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện chăm sóc thai nghén. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong suốt quá trình mang thai.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

Tên môn học: CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẼ THƯỜNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng sản khoa và đỡ đẻ thường.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Chuyển dạ - chăm sóc mẹ và thai trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ.	64	37	26	01
1	Đại cương chuyển dạ	03	03		
2	Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ	04	04		
3	Cơ chế đẻ	05	03	02	
4	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I	05	04		01
	Biểu đồ chuyển dạ	07	03	04	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chăm sóc chuyên dạ giai đoạn II	05	03	02	
	Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường	04	02	02	
	Đỡ đẻ thường	08	04	04	
6	Chăm sóc chuyên dạ giai đoạn III	07	03	04	
	Đỡ rau và kiểm tra rau	05	03	02	
	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	04	02	02	
	Chăm sóc sản phụ sau đẻ 6 giờ đầu	07	03	04	
	Chương 2. Chăm sóc chuyên dạ ngoài cơ sở y tế.	06	02	03	01
7	Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế	06	02	03	01
Tổng cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Chuyển dạ - chăm sóc mẹ và thai trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ.

Thời gian: 64 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cuộc chuyển dạ.
- 1.2. Trình bày những nội dung cần thực hiện để có thể chăm sóc và theo dõi được cuộc chuyển dạ cho an toàn.
- 1.3. Tiến hành theo dõi và chăm sóc được cho mẹ, thai nhi và trẻ sơ sinh trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ và trong 6 giờ đầu sau sanh.
- 1.4. Rèn luyện tác phong ân cần, thận trọng, chính xác, thể hiện thái độ cảm thông với bà mẹ trong cuộc chuyển dạ.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đại cương chuyển dạ
- 2.2. Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ.
 - 2.2.1. Các dấu hiệu chuyển dạ.
 - 2.2.2. Theo dõi chuyển dạ.
 - 2.2.3. Các trường hợp chuyển dạ bất thường

2.3. Cơ chế đẻ

2.3.1. Nhắc lại giải phẫu khung chậu về phương diện sản khoa.

2.3.2. Cơ chế đẻ ngôi chỏm.

2.4. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I – Biểu đồ chuyển dạ.

2.4.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I.

2.4.2. Biểu đồ chuyển dạ.

2.4. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II – Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường – Đỡ đẻ thường

2.4.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II.

2.4.2. Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường.

2.4.3. Đỡ đẻ thường ngôi chỏm sỏ kiểu chỏm vệ.

2.5. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III

2.5.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III.

2.5.2. Đỡ nhau và kiểm tra nhau.

2.5.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

2.5.4. Chăm sóc sản phụ sau đẻ 6 giờ đầu

Chương 2. Chăm sóc chuyển dạ ngoài cơ sở y tế.

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cuộc chuyển dạ.

1.2. Trình bày những nội dung cần thực hiện để có thể chăm sóc và theo dõi được cuộc chuyển dạ cho an toàn.

1.3. Tiến hành theo dõi và chăm sóc được cho mẹ, thai nhi và trẻ sơ sinh trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ và trong 6 giờ đầu sau sanh.

1.4. Rèn luyện tác phong ân cần, thận trọng, chính xác, thể hiện thái độ cảm thông với bà mẹ trong cuộc chuyển dạ.

2. Nội dung chương:

2.1. Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế

2.1.1. Những điểm cần lý u khi đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

2.1.2. Gói đỡ đẻ sạch.

2.1.3. Chuẩn bị và thực hiện đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

2.1.4. Chăm sóc mẹ và con sau khi đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành, phòng khám và khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

+ Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng sản khoa và đỡ đẻ thường.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Lý thuyết*: Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực

- *Thực hành tại trường*: Học các kỹ thuật làm mẹ an toàn, giảng viên hướng dẫn, phân tích tình huống, thực hành trên lab.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên phải học xong các học phần Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành; Giao tiếp, giáo dục sức khỏe; Chăm sóc thai nghén.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường; Tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ. Đồng thời, học phần cung

cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyên dạ đẻ bình thường.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Chăm sóc trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ Y tế, chương 3, Tài liệu hộ sinh 3 năm.
- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Chăm sóc chuyên dạ đẻ thường của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 30

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ THƯỜNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (THBV: 90).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

2. Sự tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc sản khoa và đỡ đẻ thường.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh đẻ là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ khi thực hiện đỡ đẻ thường.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ	12	1		6
2	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I	8			4
3	Biểu đồ chuyển dạ	8			4
4	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II	8			4
5	Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường	8			4
6	Đỡ đẻ thường	8	1		4

7	Chăm sóc chuyên dạ giai đoạn III	8			4
8	Đỡ rau và kiểm tra rau	8			4
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	8			4
10	Chăm sóc sản phụ sau đẻ 6 giờ đầu	8			4
11	Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế	4		2	0
	Tổng số	88	2	2	42

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh

2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho đỡ đẻ thường.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

2. Sự tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc sản khoa và đỡ đẻ thường.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh đẻ là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ khi thực hiện đỡ đẻ thường.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện đỡ đẻ thường. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong cuộc đẻ. Chăm sóc tức thì trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 31

Tên môn học: DƯỢC LÝ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.

- Tính chất: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về thuốc, phân phối, chuyển hóa, thải trừ thuốc trong cơ thể; trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học; đọc, viết đúng tên cũng như nhận biết được hình dạng của một số thuốc thông dụng; vận dụng được những kiến thức đã học vào trong thực tế hoạt động nghề nghiệp để sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh; hình thành và rèn luyện được thái độ nghiêm túc, thận trọng trong sử dụng thuốc khi chăm sóc người bệnh.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;

2. Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

1. Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.

2. Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.	02	02	00	00
2	Vitamin và các chất vô cơ	04	02	02	00
3	Vaccin phòng bệnh	03	01	02	00
4	Thuốc kháng sinh	04	01	02	01

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
5	Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm	04	01	03	00
6	Thuốc ngủ, an thần, chống co giật	03	01	02	00
7	Thuốc nội tiết	03	01	02	00
8	Thuốc điều trị các bệnh tim mạch	05	02	03	00
9	Thuốc lợi tiểu	03	01	02	00
10	Thuốc điều trị ho và hen phế quản	04	02	02	00
11	Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa	05	02	03	00
12	Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu	03	01	02	00
13	Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base	03	01	02	00
14	Thuốc chống dị ứng	04	01	02	01
	Tổng cộng	50	19	29	02

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương: Dược lý học, dược động học, tác dụng của thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về thuốc và quan niệm về dùng thuốc trong điều trị.
- 1.2. Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc.
- 1.3. Trình bày được các cách tác dụng của thuốc, tai biến do thuốc và tương tác thuốc.
- 1.4. Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

nồng độ, hàm lượng; các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; sự biến đổi và các đường thải trừ của thuốc.

2. Nội dung chương:

2.1. Dược lý học

2.1.1. Khái niệm về thuốc.

2.1.2. Quan niệm về dùng thuốc.

- 2.2. Dược động học.
 - 2.2.1. Hấp thu.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.3. Chuyển hóa thuốc trong cơ thể.
 - 2.2.4. Thải trừ thuốc.
- 2.3. Tác dụng của thuốc.
 - 2.3.1. Các cách tác dụng của thuốc.
 - 2.3.2. Tai biến do thuốc hay tác dụng không mong muốn.
- 2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
 - 2.4.1. Các yếu tố thuộc về thuốc.
 - 2.4.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh
 - 2.4.3. Ảnh hưởng của thức ăn, nước uống tới tác dụng của thuốc.
 - 2.4.4. Thời điểm dùng thuốc.

Bài 2: Vitamin và các chất vô cơ

Thời gian: 04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Kể được vai trò, tác dụng, cách phân loại, nguyên tắc sử dụng vitamin.
- 1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều dùng, bảo quản các vitamin và các chất vô cơ đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về vitamin
 - 2.1.1. Vai trò của vitamin đối với cơ thể.
 - 2.1.2. Phân loại vitamin.
 - 2.1.3. Nguyên tắc sử dụng vitamin.
 - 2.1.4. Chống chỉ định dùng vitamin.
- 2.2. Một số vitamin thông dụng
- 2.3. Một số chất vô cơ thông dụng

Bài 3: Vaccin phòng bệnh

03 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại và kỹ thuật bảo quản vaccin.
- 1.2. Trình bày được tính chất, chỉ định, cách dùng, bảo quản các vaccin phòng bệnh trong nội dung bài.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm về vaccin.

- 2.1.2. Phân loại các vaccin.
- 2.1.3. Bảo quản vaccin.
- 2.1.4. Chú ý khi sử dụng vaccine
- 2.2. Một số vaccine phòng bệnh thông dụng.

Bài 4: Thuốc kháng sinh
04 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại kháng sinh và các đặc điểm của các họ kháng sinh.
- 1.2. Trình bày được nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh.
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc kháng sinh đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Phân loại kháng sinh.
- 2.3. Nhóm kháng sinh kháng khuẩn.
 - 2.3.1. Nhóm Beta – lactam.
 - 2.3.2. Nhóm Aminoglycosid.
 - 2.3.3. Nhóm phenicol.
 - 2.3.4. Nhóm Tetracyclin.
 - 2.3.5. Nhóm Macrolid.
 - 2.3.6. Nhóm Quinolon.
- 2.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng kháng sinh
- 2.5. Một số kháng sinh thông dụng.

Bài 5: Thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm
04 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm, cách phân loại, cơ chế tác dụng, nguyên tắc sử dụng thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng, bảo quản các thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm được giới thiệu trong bài học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm.
 - 2.1.2. Phân loại.
 - 2.1.3. Tác dụng và cơ chế tác dụng.

- 2.1.4. Nguyên tắc chung trong sử dụng thuốc chống viêm không steroid.
- 2.2. Các thuốc hạ sốt, giảm đau, chống viêm thông dụng.
- 2.3. Hướng dẫn được cho cộng đồng sử dụng thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp hợp lý, an toàn.

Bài 6: Thuốc ngủ, an thần, chống co giật
03 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được khái niệm về thuốc ngủ, an thần, chống co giật và đặc điểm của các thuốc thuộc dẫn xuất barbituric, benzodiazepine.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc ngủ, an thần, chống co giật.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm.
 - 2.1.1. Thuốc ngủ.
 - 2.1.2. Thuốc an thần.
 - 2.1.3. Thuốc chống co giật.
- 2.2. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất Barbituric.
 - 2.2.1. Đặc điểm về cấu trúc.
 - 2.2.2. Một số dẫn xuất của Barbituric.
- 2.3. Thuốc ngủ thuộc dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.1. Bảng so sánh tác dụng của một số dẫn xuất của Benzodiazepin.
 - 2.3.2. Chuyển hóa của các dẫn chất benzodiazepine.
- 2.4. Một số thuốc ngủ, an thần, chống co giật thông dụng.

Bài 7: Thuốc nội tiết
03 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được định nghĩa, vai trò, đặc điểm, phân loại hormon.
- 1.2. Nêu được tác dụng chung, chỉ định và nguyên tắc sử dụng glucocorticoid.
- 1.3. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các hormon và các dẫn chất tổng hợp dùng làm thuốc được giới thiệu trong bài.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về thuốc nội tiết
 - 2.1.1. Định nghĩa nội tiết tố.
 - 2.1.2. Vai trò của thuốc nội tiết.
 - 2.1.3. Đặc điểm của thuốc nội tiết.
 - 2.1.4. Phân loại thuốc nội tiết.

2.2. Các thuốc nội tiết thông dụng

2.2. Trình bày được công dụng, cách dùng, liều dùng của các loại thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm.

2.3. Vận dụng được để hướng dẫn cho người bệnh và cộng đồng sử dụng thuốc hạ sốt - giảm đau – kháng viêm hợp lý, an toàn, hiệu quả.

Bài 8: Thuốc điều trị các bệnh tim mạch

Thời gian:

05 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được cách phân loại, đặc điểm, tác dụng các thuốc điều trị bệnh tim mạch.

1.2. Nêu được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản một số thuốc điều trị bệnh tim mạch.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm.

2.1.2. Phân loại.

2.2. Các thuốc chữa bệnh tim mạch thông dụng

Bài 9. Thuốc lợi tiểu

Thời gian:

03 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm, phân loại, tính chất, tác dụng, cơ chế tác dụng của các thuốc lợi tiểu.

1.2. Nêu được chỉ định, chống chỉ định, bảo quản các thuốc có tác dụng lợi tiểu.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại thuốc lợi tiểu.

2.1.1. Nhóm sulfamid lợi tiểu.

2.1.2. Các thuốc lợi tiểu khác.

2.2. Các thuốc lợi tiểu thông dụng.

Bài 10. Thuốc điều trị ho và hen phế quản

Thời gian:

04 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được cách phân loại thuốc chữa ho, hen theo cơ chế tác dụng.

1.2. Trình bày được nguồn gốc, tính chất, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản các thuốc chữa ho và hen phế quản.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương.

2.2. Phân loại thuốc ho và hen phế quản.

- 2.2.1. Thuốc chữa ho.
- 2.2. Thuốc chữa hen phế quản
- 2.3. Các thuốc chữa ho và hen phế quản thông dụng

Bài 11. Thuốc điều trị các bệnh tiêu hóa
05 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa viêm loét dạ dày tá tràng.
- 1.2. Trình bày được cơ chế tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
- 1.3. Nêu được các phân loại thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ.
- 1.4. Trình bày được cách phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc trị giun sán.
- 1.5. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc chữa viêm loét dạ dày – tá tràng, thuốc nhuận tràng, lợi mật, thuốc chữa bệnh tiêu chảy, bệnh lỵ, thuốc trị giun sán.

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc chống viêm loét dạ dày – tá tràng
 - 2.1.1. Đại cương
 - 2.1.2. Các thuốc chữa loét dạ dày – tá tràng thông dụng
- 2.2. Thuốc nhuận tràng, lợi mật
 - 2.2.1. Đại cương
 - 2.2.2. Các thuốc nhuận tràng, lợi mật thông dụng.
- 2.3. Thuốc chữa tiêu chảy, lỵ.
 - 2.3.1 Đại cương.
 - 2.3.2. Các thuốc chữa tiêu chảy, lỵ thông dụng
- 2.4. Thuốc trị giun sán
 - 2.4.1. Đại cương
 - 2.4.2. Một số thuốc trị giun sán thông dụng

Bài 12. Thuốc điều trị các bệnh tai, mũi, họng; mắt; da liễu
03 giờ

Thời gian:

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách phân loại thuốc chữa bệnh tai mũi họng.
- 1.2. Trình bày được cách phân loại và nguyên tắc khi sử dụng thuốc chữa bệnh về mắt.
- 1.3. Trình bày được phân loại và sử dụng thuốc chữa bệnh ngoài da.
tác dụng của nhóm thuốc nhuận tràng, lợi mật.
- 1.4. Nêu được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các thuốc dùng cho mắt,

2. Nội dung:

- 2.1. Thuốc chữa bệnh tai, mũi, họng
- 2.2. Thuốc dùng cho mắt.
 - 2.2.1. Phân loại thuốc chữa bệnh về mắt.
 - 2.2.2. Các thuốc dùng cho mắt thông dụng.
- 2.3. Thuốc ngoài da
 - 2.3.1. Phân loại.
 - 2.3.2. Các thuốc thông dụng.

Bài 13. Thuốc điều chỉnh nước, điện giải và cân bằng acid - base

Thời gian:

03 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Nêu được vai trò của nước và các chất điện giải trong cơ thể, cách phân loại các thuốc tiêm truyền.
- 1.2. Trình bày được tính chất, tác dụng, tác dụng phụ, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản các dung dịch tiêm truyền đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Vai trò của nước và các chất điện giải đối với cơ thể.
 - 2.1.1. Vai trò của nước trong cơ thể.
 - 2.1.2. Vai trò của một số chất điện giải trong cơ thể
- 2.2. Phân loại các thuốc tiêm truyền
- 2.3. Một số thuốc và chế phẩm thông dụng.

Bài 14. Thuốc chống dị ứng

Thời gian:

04 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm, cơ chế tác dụng và nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng tổng hợp.
- 1.2. Nêu được tính chất, tác dụng, chỉ định, cách dùng, liều lượng và bảo quản của các thuốc chống dị ứng tổng hợp đã học.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương.
 - 2.1.1. Vài nét về dị ứng và thuốc chống dị ứng.
 - 2.1.2. Công thức chung của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.3. Cơ chế tác dụng của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.4. Tác dụng không mong muốn của thuốc kháng histamin.
 - 2.1.5. Chỉ định chung của thuốc kháng histamin tổng hợp.
 - 2.1.6. Nguyên tắc sử dụng thuốc chống dị ứng.

2.2. Các thuốc chống dị ứng thông dụng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức

- + Trình bày được khái niệm cơ bản về thuốc;
- + Trình bày được những tính chất điển hình, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, cách dùng, bảo quản của các thuốc đã học.

- Về kỹ năng

- + Đọc và viết đúng một số tên thuốc thông dụng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Cần có tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác khi dùng thuốc cho người bệnh.
- + Hướng dẫn sử dụng thuốc thiết yếu hợp lý, an toàn.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Kiểm tra:

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 02 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX₁, KTTX₂);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 02 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK₁, KTĐK₂);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thực hành.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức: $TBKT = [\text{ĐKTTX}_1 + \text{ĐKTTX}_2 + (\text{ĐKTĐK}_1 + \text{ĐKTĐK}_2) \times 2] / 6$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

- Thi kết thúc môn học:

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và 100% thời gian học thực hành;
- TBKT $\geq 5,0$ (theo thang điểm 10).

+ Lý thuyết:

- 01 điểm thi lý thuyết (TLT);
- Thời gian: từ 60 đến 120 phút.
- Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

+ Thực hành:

- 01 điểm thi thực hành (TTH);
- Hình thức: thực hành chạy trạm;
- Số trạm: lớn hơn hoặc bằng 5 trạm.

+ Điểm thi kết thúc môn học (TKTMH):

- Công thức: $TKTMH = (TLT + TTH)/2$

- Điểm môn học (MH):

+ Công thức: $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu: $MH \geq 4,0$ (theo thang điểm 10).

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học Dược lý được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực
- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

- Dược lý học - Trường Đại học Y Hà Nội.
- Hóa dược – Dược lý (2006), Bộ Y tế, Nhà xuất bản Y học.
- Giáo trình môn học Dược lý của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: Không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 32

Tên môn học: CHĂM SÓC SAU ĐẼ - CHĂM SÓC SƠ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: LT: 40 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và những diễn biến bất thường sau đẻ.
2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ trong quá trình sau đẻ.
3. Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.
4. Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.
5. Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.
6. Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.
3. Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Chăm sóc sau đẻ	22	22	

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ	3	3	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	4	4	
3	Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú	3	3	
4	Nhiễm khuẩn sau đẻ	4	4	
5	Rối loạn tâm thần sau đẻ	2	2	
6	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ	2	2	
7	Kế hoạch hóa gia đình sau đẻ	2	2	
8	Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ	2	2	
	Chương 2. Chăm sóc sơ sinh	18	17	
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	2	2	
10	Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân	2	1	1
11	Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh	1	1	
12	Bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ	4	4	
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rôm	2	2	
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da	2	2	
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi	2	2	
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não	2	2	
17	Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy	1	1	
Tổng cộng		40	39	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Chăm sóc sau đẻ Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ sinh lý và bệnh lý.
 - 1.2. Trình bày được hướng xử trí và chăm sóc cho bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.
 - 1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã được học vào công tác chăm sóc cho bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.
 - 1.4. Rèn luyện thái độ ân cần, tỉ mỉ, cảm thông với bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.
2. Nội dung chương:
 - 2.1. Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ
 - 2.1.1. Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ.
 - 2.1.2. Các biến cố lâm sàng thường gặp trong thời kỳ sau đẻ.
 - 2.2. Chăm sóc bà mẹ sau đẻ
 - 2.2.1. Chăm sóc bà mẹ trong 24 giờ đầu sau đẻ.
 - 2.2.2. Chăm sóc bà mẹ trong những ngày đầu sau đẻ.
 - 2.2.3. Chăm sóc bà mẹ trong tuần đầu sau đẻ.
 - 2.3. Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú
 - 2.3.1. Viêm tắc tia sữa.
 - 2.3.2. Nứt nẻ đầu vú.
 - 2.3.3. Absces vú.
 4. Nhiễm khuẩn sau đẻ
 - 2.4.1. Các hình thái lâm sàng của nhiễm khuẩn sau đẻ.
 - 2.4.2. Hướng xử trí và chăm sóc sản phụ bị nhiễm khuẩn sau đẻ.
 - 2.5. Rối loạn tâm thần sau đẻ
 - 2.5.1. Biểu hiện của tình trạng rối loạn tâm thần sau đẻ.
 - 2.5.2. Cách xử trí và chăm sóc sản phụ rối loạn tâm thần sau đẻ.
 - 2.6. Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ
 - 2.6.1. Cách tự chăm sóc cho mẹ trong thời kỳ sau đẻ.
 - 2.6.2. Chăm sóc trẻ trong thời kỳ sơ sinh.
 - 2.7. Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ
 - 2.7.1. Đại cương về các chỉ số y tế.
 - 2.7.2. Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ.

Chương 2. Chăm sóc sơ sinh

Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu:
 - 1.1. Trình bày được cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng hay non tháng, nhẹ cân.
 - 1.2. Trình bày được cách phát hiện và chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật.

1.3. Trình bày được lợi ích của viện nuôi con bằng sữa mẹ, hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách.

1.4. Trình bày được cách chăm sóc trẻ sơ sinh có bệnh lý.

1.5. Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Nội dung chương:

2.1. Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng.

2.1.1. Đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng.

2.1.2. Chăm sóc trẻ khỏe mạnh ngay sau đẻ.

2.1.3. Cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng

2.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân

2.2.1. Đặc điểm của trẻ sơ sinh thiếu tháng.

2.2.2. Chăm sóc trẻ thiếu tháng ngay sau đẻ.

2.2.3. Cách chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng

2.3. Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh

2.3.1. Phát hiện trẻ sơ sinh dị tật.

2.3.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật.

2.3.3. Bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ

2.3.4. Lợi ích của sữa mẹ.

2.3.5. Cho trẻ bú đúng cách.

2.3.6. Đánh giá bữa bú.

2.3.7. Hướng dẫn bà mẹ việc thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.

2.4. Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn

2.4.1. Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn rốn.

2.4.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da.

2.5. Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da.

2.5.1. Vàng da sinh lý.

2.5.2. Vàng da bệnh lý.

2.5.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da.

2.6. Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi.

2.6.1. Dấu hiệu bệnh nặng ở trẻ sơ sinh.

2.6.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi.

2.7. Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não.

2.7.1. Vai trò của Vitamin K.

2.7.2. Triệu chứng xuất huyết não – màng não do thiếu vitamin K ở trẻ sơ sinh.

2.7.3. Chăm sóc trẻ xuất huyết não – màng não.

2.8. Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy.

2.8.1. Dấu hiệu mất nước.

2.8.2. Dấu hiệu bệnh nặng.

2.8.3. Xử trí và chăm sóc.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: Giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ học tập, dụng cụ cần cho thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và những diễn biến bất thường sau đẻ.

+ Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ trong quá trình sau đẻ.

+ Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

+ Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khoẻ mạnh và sơ sinh non tháng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm (giảng lớp lớn).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và bất thường;

Tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ trong quá trình sau đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.

Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh, trẻ sơ sinh non tháng, bệnh lý; Chăm sóc trẻ sơ sinh (cả hồi sức sơ sinh), phát hiện và xử trí các bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sau đẻ, 2009.

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sơ sinh, 2009.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, - 2003.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ, NXB Y học, 2005.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.

- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.

- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.

- Bộ Y tế: *Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 0 – 2 tháng*, Văn phòng Kỹ thuật IMCI 2009.

- Trường Đại học Y khoa Hà Nội: Nhi khoa tập I, NXB Y học 2003.

- Giáo trình môn học Chăm sóc sơ sinh – chăm sóc sau đẻ của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 33

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC SAU ĐẸ - CHĂM SÓC SƠ SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (THBV: 90 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Hệ thống kiến thức về các đặc điểm thay đổi thời kỳ sau đẻ của bà mẹ, đặc điểm trẻ sơ sinh và các nguyên tắc tư vấn, chăm sóc bà mẹ sau đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ, trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại nhà.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

+ Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bà mẹ, chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	Chương 1. Chăm sóc sau đẻ	41			
1	Nhận định các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ	8			4
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	8			4
3	Nhận định các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú	8			4
4	Đánh giá nhiễm khuẩn sau đẻ	7	1		4

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
5	Nhận định các tình trạng rối loạn tâm thần sau đẻ	2			1
6	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ	4			2
7	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình sau đẻ	4			2
	Chương 2. Chăm sóc sơ sinh	47			
8	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	8			4
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân	4			2
10	Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh	4			2
11	Tư vấn bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ	7	1		4
12	Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn	6			3
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da	6			3
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi	4			2
15	Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não	4			2
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy	4			2
Tổng cộng		88	2		45

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho cuộc sanh, cấp cứu trẻ ngay sau đẻ, giảm đau trong đẻ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sổ ghi, trang phục bệnh viện, ..
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Hệ thống kiến thức về các đặc điểm thay đổi thời kỳ sau đẻ của bà mẹ, đặc điểm trẻ sơ sinh và các nguyên tắc tư vấn, chăm sóc bà mẹ sau đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh.

- Về kỹ năng:

Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ, trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại nhà.

Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bà mẹ, chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: làm bệnh án+ vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên Bệnh viện. Giáo viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 4 lần theo 4 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giáo viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện chăm sóc sau đẻ, chăm sóc sơ sinh. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ.

1. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sau đẻ, 2009.

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sơ sinh, 2009.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, - 2003.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
 - Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ, NXB Y học, 2005.
 - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
 - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
 - Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
 - Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
 - Bộ Y tế: Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 0 – 2 tháng, Văn phòng Kỹ thuật IMCI 2009.
 - Trường Đại học Y khoa Hà Nội: Nhi khoa tập I, NXB Y học 2003.
5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 34

Tên môn học: CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (LT: 20 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 - + Trình bày được giới hạn, đặc điểm sinh lý, bệnh lý và các biện pháp phòng bệnh ở các thời kỳ phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.
 - + Trình bày được sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ dưới 5 tuổi.
 - + Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi.
 - + Trình bày được chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi.
- Về kỹ năng:
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi bình thường khỏe mạnh và trẻ mắc bệnh.
 - + Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ dưới 5 tuổi trong quá trình chăm sóc.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
 - + Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn cho trẻ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Các vấn đề về dinh dưỡng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.	9	9	
1	Các thời kỳ phát triển của trẻ em dưới 5 tuổi	1	1	
2	Sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi	1	1	
3	Sự phát triển tinh thần, vận động của	2	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	trẻ dưới 5 tuổi			
4	Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi	2	2	
5	Chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	2	2	
6	Theo dõi biểu đồ tăng trưởng	2	1	1
	Chương 2. Tiêm chủng mở rộng – Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	10	10	
7	Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	2	2	
8	Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ	8	8	
Tổng cộng		20	19	

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Các vấn đề về dinh dưỡng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các thời kỳ tuổi và liên quan.

1.2. Thực hiện được công tác theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ trong các thời phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng.

2. Nội dung:

2.1. Các thời kỳ phát triển của trẻ em dưới 5 tuổi

2.1.1. Thời kỳ phôi thai.

2.1.3. Thời kỳ thai nhi.

2.1.4. Thời kỳ sơ sinh.

2.1.5. Thời kỳ nhũ nhi.

2.1.6. Thời kỳ răng sữa.

2.1.7. Thời kỳ thiếu nhi, nhi đồng.

2.1.8. Thời kỳ thiếu niên.

2.1.9. Thời kỳ dậy thì.

2.2. Sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi

2.2.1. Sự phát triển thể chất trẻ dưới 5 tuổi.

- 2.2.2. Các yếu tố liên quan đến sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi.
- 2.3. Sự phát triển tinh thần, vận động của trẻ dưới 5 tuổi
 - 2.3.1. Sự phát triển tinh thần của trẻ dưới 5 tuổi.
 - 2.3.2. Sự phát triển vận động của trẻ dưới 5 tuổi.
- 2.4. Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi
 - 2.4.1. Đặc điểm giải phẫu của trẻ dưới 5 tuổi.
 - 2.4.2. Đặc điểm sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi.
- 2.5. Chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi
 - 2.5.1. Thành phần dinh dưỡng cần thiết cho trẻ dưới 5 tuổi.
 - 2.5.2. Chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi.
- 2.6. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng
 - 2.6.1. Biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi.
 - 2.6.2. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ dưới 5 tuổi.

Chương 2. Tiêm chủng mở rộng – Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em

**Thời gian: 8
giờ**

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày rõ ràng chương trình tiêm chủng mở rộng đang áp dụng tại Việt Nam.
- 1.2. Thực hiện tổ chức được một buổi tiêm chủng mở rộng.
- 1.3. Xử trí lồng ghép được trẻ bệnh.

2. Nội dung:

- 2.1. Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em.
 - 2.1.1. Các bệnh được tiêm chủng mở rộng tại Việt Nam.
 - 2.1.2. Thực hiện được tiêm chủng mở cho trẻ em.
- 2.2. Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em.
 - 2.2.1. Các bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi.
 - 2.2.2. Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa, phòng thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em, khoa nhi bệnh viện tỉnh.
- 2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Trình bày được giới hạn, đặc điểm sinh lý, bệnh lý và các biện pháp phòng bệnh ở các thời kỳ phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.

Trình bày được sự phát triển thể chất, tinh thần và vận động của trẻ dưới 5 tuổi.

Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi.

Trình bày được chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi.

- Về kỹ năng:

Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi bình thường khỏe mạnh và trẻ mắc bệnh.

Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ dưới 5 tuổi trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: trắc nghiệm MCQ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng hộ sinh trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ bản về sự phát triển và trưởng thành của trẻ bình thường, các mốc phát triển và các nguyên nhân thường gặp dẫn đến thay đổi bất thường và vai trò của hộ sinh trong hướng dẫn bà mẹ theo dõi, chăm sóc trẻ; Tham gia quá trình điều trị và chăm sóc những trẻ có bệnh lý hoặc bất thường trong quá trình phát triển.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2009.

- Bộ Y tế, Điều dưỡng nhi khoa, 2007.

- Bộ Y tế, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi, Văn phòng Kỹ thuật IMCI, 2009.
 - Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I- II, NXB Y học, 2003.
 - Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Điều dưỡng Nhi khoa.
 - Viện Bảo vệ sức khỏe trẻ em, Cẩm nang Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.
 - Giáo trình môn học Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 35

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (THBV: 45 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống kiến thức về đặc điểm giải phẫu sinh lý, sự phát triển và chế độ nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi

- Về kỹ năng:

Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ dưới 5 bình thường và trẻ bệnh

Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ dưới 5 tuổi trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn cho trẻ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	Chương 1. Các vấn đề về dinh dưỡng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.	28			
1	Nhận định các thời kỳ phát triển của trẻ em dưới 5 tuổi	4			4
2	Đánh giá sự phát triển thể chất của trẻ dưới 5 tuổi	4			4
3	Đánh giá sự phát triển tinh thần, vận động của trẻ dưới 5 tuổi	4			4
4	Nhận định đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ dưới 5 tuổi	4			4

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
5	Tư vấn chế độ dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	6			4
6	Theo dõi biểu đồ tăng trưởng	6	1		5
	Chương 2. Tiêm chủng mở rộng – Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em	16			
7	Xác định tình trạng tiêm chủng và tư vấn lịch tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	8			8
8	Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ	8		8	
Tổng cộng		44	1	8	36

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho việc đánh giá thể chất của trẻ và xử trí lồng ghép trẻ bệnh.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sổ ghi, trang phục bệnh viện, ..
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Hệ thống kiến thức về đặc điểm giải phẫu sinh lý, sự phát triển và chế độ nuôi dưỡng trẻ dưới 5 tuổi

- Về kỹ năng:

Lập được kế hoạch chăm sóc trẻ dưới 5 bình thường và trẻ bệnh

Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ dưới 5 tuổi trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn cho trẻ.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: làm bệnh án+ vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng hộ sinh trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thực hành bệnh viện: giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức cơ bản về sự phát triển và trưởng thành của trẻ bình thường, các mốc phát triển và các nguyên nhân thường gặp dẫn đến thay đổi bất thường và vai trò của hộ sinh trong hướng dẫn bà mẹ theo dõi, chăm sóc trẻ; Tham gia quá trình điều trị và chăm sóc những trẻ có bệnh lý hoặc bất thường trong quá trình phát triển.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2009.

- Bộ Y tế, Điều dưỡng nhi khoa, 2007.

- Bộ Y tế, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 2 tháng đến 5 tuổi, Văn phòng Kỹ thuật IMCI, 2009.

- Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I- II, NXB Y học, 2003.

- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Điều dưỡng Nhi khoa.

- Viện Bảo vệ sức khỏe trẻ em, Cẩm nang Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 36

Tên môn học: CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ KHÓ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ,; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.

2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cẩn thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Đẻ khó	15	15		
1	Đẻ khó do thai và ngôi bất thường (thai già tháng, thai non tháng, thai to, đa thai và ngôi bất thường...)	04	04		
2	Đẻ khó do mẹ (khung chậu, phần mềm và u tiền đạo..)	04	04		
3	Đẻ khó do con co tử cung	03	03		
4	Đẻ khó do phần phụ (đa ối, thiếu ối, ối vỡ non, ối vỡ sớm, tắc mạch ối, sa dây rau...)	04	04		
	Chương 2. Các biến cố xảy ra trong cuộc đẻ,	25	24		01

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	sau đẻ và cách khắc phục				
5	Các biến cố trong cuộc đẻ (thai suy, thai ngạt, chảy máu sau đẻ, chuyển dạ kéo dài, chuyển dạ đình trệ, dọa vỡ và vỡ tử cung, sang chấn trong cuộc đẻ)	12	12		
6	Chăm sóc chảy máu sau đẻ	02	02		
7	Cắt- Khâu tầng sinh môn	02	02		
8	Hồi sức sơ sinh	02	02		
9	Bấm ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo	03	03		
10	Sanh thủ thuật, sanh kiềm, sanh hút, sanh mổ	04	03		01
Tổng cộng		40	39		01

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Đẻ khó

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đặc điểm lâm sàng của từng nguyên nhân gây đẻ khó.
- 1.2. Mô tả cách xử trí và chăm sóc cho từng loại đẻ khó.

2. Nội dung chương:

- 2.1. Đẻ khó do thai và ngôi bất thường.
 - 2.1.1. Thai già tháng.
 - 2.1.2. Thai non tháng.
 - 2.1.3. Thai to.
 - 2.1.4. Đa thai.
 - 2.1.5. Ngôi bất thường.
- 2.2. Đẻ khó do mẹ.
 - 2.2.1. Đẻ khó do khung chậu.
 - 2.2.2. Đẻ khó do phần mềm của mẹ.
 - 2.2.3. Đẻ khó do u tiền đạo.
- 2.3. Đẻ khó do cơ co tử cung.
 - 2.3.1. Đẻ khó do cơ co tử cung tăng.

2.3.2. Đẻ khó do cơn co tử cung giảm

2.4. Đẻ khó do phần phụ.

2.4.1. Đa ối.

2.4.2. Thiếu ối.

2.4.3. Ới vỡ non, ối vỡ sớm.

2.4.4. Tắc mạch ối.

2.4.5. Sa dây rốn.

Chương 2. Các biến cố xảy ra trong cuộc đẻ, sau đẻ và cách khắc phục

Thời gian 25 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày các biến cố có thể xảy ra cho mẹ và thai trong cuộc chuyển dạ, ngay sau đẻ.

1.2. Mô tả các thủ thuật sản khoa hỗ trợ cho cuộc chuyển dạ.

1.3. Trình bày cách hồi sức sơ sinh.

2. Nội dung chương:

2.1. Các biến cố trong cuộc đẻ.

2.1.1. Thai suy.

2.1.2. Chảy máu sau đẻ.

2.1.3. Chuyển dạ kéo dài, chuyển dạ đình trệ.

2.1.4. Dọa vỡ và vỡ tử cung.

2.1.5. Sang chấn trong cuộc đẻ)

2.2. Chăm sóc chảy máu sau đẻ

2.2.1. Định nghĩa băng huyết sau sanh.

2.2.2. Các yếu tố nguy cơ của BHSS.

2.2.3. Cách xử trí và chăm sóc một sản phụ bị BHSS.

2.3. Cắt- Khâu tầng sinh môn

2.3.1. Nhắc lại giải phẫu học vùng tầng sinh môn.

2.3.2. Chỉ định cắt tầng sinh môn.

2.3.3. Kỹ thuật khâu tầng sinh môn.

2.4. Hồi sức sơ sinh

2.4.1. Đánh giá trẻ ngay sau đẻ bằng bảng chỉ số Apgar.

2.4.2. Hồi sức trẻ ngạt nhẹ.

2.4.3. Hồi sức trẻ ngạt nặng.

2.5. Bấm ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo

2.5.1. Bấm ối: kỹ thuật bấm ối, mục đích của việc bấm ối.

2.5.2. Chỉ định kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo.

2.5.3. Kỹ thuật kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo

2.6. Sanh thủ thuật, sanh kèm, sanh hút, sanh mổ.

2.6.1. Sanh thủ thuật: nội xoay thai, đại kéo thai, đỡ đầu hậu trong ngôi mông.

2.6.2. Thủ thuật giúp sanh: sanh kèm, sanh giác hút.

2.6.3. Sanh mổ: chỉ định, chuẩn bị cho một cuộc mổ, tai biến có thể xảy ra cho mẹ và thai, theo dõi sau sanh mổ.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: học lý thuyết trên giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: để giảng dạy lý thuyết, thực hành?

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính);

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức: đánh giá kiến thức của sinh viên về các nguyên nhân gây đẻ khó và sự tác động của nó đến mẹ và thai trong cuộc sanh.

- Về kỹ năng: đánh giá việc thăm khám, chẩn đoán, chăm sóc các cuộc chuyển dạ đẻ khó và giải quyết hậu quả của nó lên mẹ và thai (băng huyết sau sanh, hồi sức trẻ ngạt,...).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: học tập với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần chia sẻ và cảm thông với sản phụ và gia đình của họ.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng ngành hộ sinh trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng dạy lớp lớn).

- Giảng viên hướng dẫn: tự học, thảo luận và làm bài tập nhóm nhỏ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần cung cấp những kiến thức cơ bản về những vấn đề khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi... trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ; Tác động của quá

trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó, 2009.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số Quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Chăm sóc chuyên đẻ khó của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 37

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ KHÓ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (THBV: 45).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.

2. Thực hiện được quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học cần thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Phụ đẻ khó do thai và ngôi bất thường	4		1	1
2	Phụ đẻ khó do mẹ	4		1	1
3	Phụ đẻ khó do cơ co tử cung	4		1	1
4	Phụ đẻ khó do phần phụ	4		1	1
5	Các biến cố trong cuộc đẻ	4			2
6	Chăm sóc chảy máu sau đẻ	8	1		4
7	Cắt- Khâu tầng sinh môn	8			4
8	Hồi sức sơ sinh	4			2

9	Bấm ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo	2		1	1
10	Phụ sanh thủ thuật, sanh kèm, sanh hút, sanh mổ	2		1	1
	Tổng số	44	1	6	16

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho đỡ đẻ khó.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Về kiến thức:
 1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.
 2. Thực hiện được quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.
 - Về kỹ năng:
 1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.
 2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

Người học cần thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.
2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

 - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện đỡ đẻ khó. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong cuộc đẻ. Khó. Chăm sóc tức thì trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 38

Tên môn học: DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH - THỰC HÀNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ, Thực hành: 29 giờ, Kiểm tra: 02 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc thuộc kiến thức khối ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được tình hình phát triển dân số của Việt Nam hiện nay và những biện pháp làm giảm tỷ lệ phát triển dân số.

2. Trình bày được ưu, nhược điểm và cách sử dụng các biện pháp tránh thai.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được truyền thông, tư vấn và cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình, thực hiện thành công công tác tư vấn với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần, thông cảm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản ở Việt Nam.	32	19	12	01
1	Đại cương dân số và các vấn đề phát triển dân số ở Việt Nam	05	05		
2	Tổng quan về sức khỏe sinh sản	05	05		
3	Các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ BMTE – DS – KHHGD	10	05	04	01
4	Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD	12	04	08	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 2. Các biện pháp phá thai	38	20	17	01
5	Các biện pháp tránh thai tự nhiên	04	04		
6	Các biện pháp tránh thai hiện đại phi lâm sàng	15	07	08	
7	Các biện pháp tránh thai có can thiệp lâm sàng	09	05	04	
8	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	10	04	05	01
Tổng cộng		70	39	29	02

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Vấn đề dân số và sức khỏe sinh sản ở Việt Nam

Thời gian: 32 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày các vấn đề dân số ở Việt Nam.
- 1.2. Lập và thực hiện được các mục tiêu về DS – KHHGD
- 1.3. Trình bày cơ chế tác dụng, ưu nhược điểm của các biện pháp tránh thai.
- 1.4. Tư vấn phụ nữ thực hiện một biện pháp tránh thai thích hợp cho từng người.

2. Nội dung chương

- 2.1. Đại cương dân số và các vấn đề phát triển dân số ở Việt Nam
 - 2.1.1. Đại cương về dân số.
 - 2.1.2. Các vấn đề phát triển dân số ở Việt Nam.
- 2.2. Tổng quan về sức khỏe sinh sản
 - 2.2.1. Tổng quan về sức khỏe sinh sản.
 - 2.2.2. Các nội dung của sức khỏe sinh sản.
- 2.3. Các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ BMTE – DS – KHHGD
 - 2.3.1. Chỉ số y tế.
 - 2.3.2. Các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ BMTE – DS – KHHGD
- 2.4. Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD
 - 2.4.1. Khảo sát, đánh giá, xây dựng các mục tiêu về DS – KHHGD
 - 2.4.2. Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD

Chương 2. Các biện pháp phá thai

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày cơ chế, ưu nhược điểm, chỉ định, chống chỉ định của từng biện pháp tránh thai.

1.2. Hướng chị em phụ nữ áp dụng thành công một biện pháp ngừa thai phù hợp.

2. Nội dung chương:

2.1. Các biện pháp tránh thai tự nhiên

2.1.1. Biện pháp tránh ngày phóng noãn.

2.1.2. Xuất tinh ngoài âm đạo.

2.1.3. Cho bú vô kinh.

2.2. Các biện pháp tránh thai hiện đại phi lâm sàng

2.2.1. Uống thuốc tránh thai.

2.2.2. Thuốc tiêm tránh thai.

2.2.3. Viên ngừa thai khẩn cấp.

2.2.4. Bao cao su nam, nữ.

2.2.5. Màng ngăn âm đạo.

2.2.6. Thuốc diệt tinh trùng.

2.3. Các biện pháp tránh thai có can thiệp lâm sàng

2.3.1. Que cấy tránh thai.

2.3.2. Dụng cụ tử cung.

2.3.3. Triệt sản nam, nữ.

2.3.4. Tư vấn kế hoạch hóa gia đình

2.3.5. Quy trình tư vấn kế hoạch hóa gia đình.

2.3.4. Thực hiện tư vấn KHHGD.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: giảng đường, phòng thực hành sức khỏe sinh sản tại trường.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá kiến thức của sinh viên về các biện pháp tránh thai lâm sàng, phi lâm sàng, các chỉ số về chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Kỹ năng: đánh giá hiệu quả tư vấn kế hoạch hóa gia đình của sinh viên, việc lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình, thực hiện thành công công tác tư vấn với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần, thông cảm.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: dùng để giảng dạy sinh viên cao đẳng ngành hộ sinh trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Thực hành tại trường: thực hành trên lab, giảng viên hướng dẫn, tự học, thảo luận và làm bài tập nhóm nhỏ.

Các chủ đề thảo luận:

Biện pháp tránh thai bao cao su

Biện pháp tránh thai bằng thuốc

Biện pháp tránh thai dụng cụ tử cung

Biện pháp tránh thai phi lâm sàng

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cung cấp cho sinh viên kiến thức về Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, trên cơ sở đó sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng giáo dục, truyền thông, tư vấn, cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao sức khoẻ sinh sản cho tất cả các lứa tuổi trong cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Dân số - kế hoạch hóa gia đình, 2009.

- Bộ Y tế - Dự án hỗ trợ y tế Quốc gia, Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học 1999.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.

- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.

- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.

- Giáo trình môn học Dân số kế hoạch hóa gia đình của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 39

Tên môn học: TTBV DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH - THỰC HÀNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (THBV: 45 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc thuộc kiến thức khối ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại các kiến thức về dân số, biện pháp làm giảm tỷ lệ phát triển dân số và ưu nhược điểm, cách sử dụng các biện pháp tránh thai.

- Về kỹ năng:

Thực hiện được truyền thông, tư vấn và cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình, thực hiện thành công công tác tư vấn với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần, thông cảm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các chỉ số về chăm sóc, bảo vệ BMTE – DS – KHHGD	2			1
2	Lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu về DS – KHHGD	2			1
3	Các biện pháp tránh thai tự nhiên	4	1		2
4	Các biện pháp tránh thai hiện đại phi lâm sàng	12			6
5	Các biện pháp tránh thai có can thiệp lâm sàng	12			6
6	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình	12			6

	Tổng số	44	1		22
--	----------------	-----------	----------	--	-----------

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho cuộc sanh, cấp cứu trẻ ngay sau đẻ, giảm đau trong đẻ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

Hệ thống lại các kiến thức về dân số, biện pháp làm giảm tỷ lệ phát triển dân số và ưu nhược điểm, cách sử dụng các biện pháp tránh thai.

- Về kỹ năng:

Thực hiện được truyền thông, tư vấn và cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả.

- Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Lập được kế hoạch thực hiện các mục tiêu về dân số kế hoạch hóa gia đình, thực hiện thành công công tác tư vấn với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần, thông cảm.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: dùng để giảng dạy sinh viên cao đẳng ngành hộ sinh trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Thực hành bệnh viện: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cung cấp cho sinh viên kiến thức về Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, trên cơ sở đó sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng giáo dục, truyền thông, tư

vấn, cung cấp các phương tiện tránh thai cho khách hàng an toàn, hiệu quả nhằm nâng cao sức khỏe sinh sản cho tất cả các lứa tuổi trong cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Dân số - kế hoạch hóa gia đình, 2009.
- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.
- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 40

Tên môn học: THỰC HÀNH SẢN PHỤ - LIỆU PHÁP GIẢM ĐAU TRONG SINH ĐẼ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (THBV: 90).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.

- Tính chất: môn học đặc thù của nghề, thuộc nhóm kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ đẻ và những đặc điểm của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

- Về kỹ năng

1. Chăm sóc được sản phụ và thai nhi trong các giai đoạn của cuộc chuyển dạ.

2. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ đẻ.

3. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong chuyển dạ đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh con là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến sinh con và chăm sóc bà mẹ trong quá trình chuyển dạ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Khám chẩn đoán giai đoạn I chuyển dạ và lập KHCS.	10			5
2	Khám chẩn đoán giai đoạn II chuyển dạ, lập KHCS, chăm sóc và đỡ đẻ.	10			5
3	Khám chẩn đoán giai đoạn III chuyển dạ lập KHCS và chăm sóc.	10			5
4	Khám chẩn đoán giai đoạn IV chuyển dạ	10			5

	lập KHCS và chăm sóc.				
6	Theo dõi để có truyền oxytocin.	4			2
7	Phụ, chuẩn bị đỡ đẻ thủ thuật (sinh giúp, sinh mổ).	4			2
8	Đỡ đẻ thường, chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.	9	1		4
9	Theo dõi và chăm sóc hậu sản 6 giờ đầu.	6			3
10	Hỗ trợ bà mẹ cho trẻ bú sớm.	4			2
11	Chăm sóc bà mẹ sau sinh ngã âm đạo, sau sinh mổ.	10			5
12	Giảm đau trong chuyển dạ đẻ đường dưới không dùng thuốc và có dùng thuốc	4		2	2
13	Các phương pháp trừ đau trong mổ đẻ	2		2	
14	Tư vấn các sản phụ và gia đình lựa chọn các biện pháp giảm đau	5	1	2	2
	Tổng số	88	2	6	42

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng trang thiết bị cần cho cuộc sanh, cấp cứu trẻ ngay sau đẻ, giảm đau trong đẻ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức

Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ đẻ và những đặc điểm của trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

- Về kỹ năng

Chăm sóc được sản phụ và thai nhi trong các giai đoạn của cuộc chuyển dạ.

Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong chuyển dạ đẻ.

Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong chuyển dạ đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh con là sự kiện cuộc sống bình thường.

Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến sinh con và chăm sóc bà mẹ trong quá trình chuyển dạ.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: làm bệnh án+ vấn đáp

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên Bệnh viện. Giáo viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giáo viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện chăm sóc sản phụ trong đẻ. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong suốt các giai đoạn của cuộc chuyển dạ. Chăm sóc tức thì trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

Học phần này còn cung cấp các kiến thức và kỹ năng về: Nguyên lý đau trong chuyển dạ; Các phương pháp giảm đau bằng thuốc; Các phương pháp giảm đau không bằng thuốc. Trên cơ sở đó sinh viên tư vấn cho sản phụ lựa chọn phương pháp giảm đau thích hợp và thực hành một số phương pháp giảm đau cho sản phụ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình chăm sóc chuyển dạ đẻ thường, chăm sóc chuyển dạ đẻ khó, chăm sóc sơ sinh, chăm sóc sau đẻ, giảm đau trong đẻ do giảng viên nhà trường biên soạn.

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 41

Tên môn học: CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.

2. Trình bày được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết âm đạo bất thường trong thời kỳ thai nghén	06	06		
1	Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa đầu thời kỳ thai nghén.	03	03		
2	Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa sau thời kỳ thai nghén.	03	03		
	Chương 2. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội,	34	33		01

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, huyết học.				
3	Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa(Bệnh tim, bệnh thận).	04	04		
4	Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa(Viêm ruột thừa, tắc ruột, chấn thương).	04	04		
5	Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết.	04	04		
6	Chăm sóc thai phụ xuất huyết giảm tiểu cầu.	04	04		
7	Sử dụng và lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.	04	04		01
8	Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.	03	03		
9	Chăm sóc thai phụ tiểu đường.	03	03		
10	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật	04	04		
11	Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng	03	03		
Tổng cộng		40	39		01

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết âm đạo bất thường trong thời kỳ thai nghén

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lý gây chảy máu âm đạo ở ba tháng đầu và ba tháng cuối thai kỳ.

1.2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc thai phụ bị xuất huyết âm đạo bất thường ở ba tháng đầu và ba tháng cuối thai kỳ.

2. Nội dung chương:

2.1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa đầu thời kỳ thai nghén.

2.1.1. Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai – sảy thai.

2.1.2. Chăm sóc thai phụ bị thai ngoài tử cung.

2.1.3. Chăm sóc thai phụ bị thai trứng.

2.1.4. Chăm sóc thai phụ bị thai ngưng tiến triển.

2.2. Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa sau thời kỳ thai nghén.

- 2.2.1. Chăm sóc thai phụ dọa sanh non – sanh non.
- 2.2.2. Chăm sóc thai phụ bị nhau tiền đạo.
- 2.2.3. Chăm sóc thai phụ bị nhau bong non.
- 2.2.4. Chăm sóc thai phụ bị thai chết lýu.
- 2.2.5. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ tử cung – vỡ tử cung.

Chương 2. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, huyết học

Thời gian: 34 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, truyền nhiễm, huyết học, nội tiết thường gặp trong thai kỳ.

1.2. Trình bày cách xử trí và chăm sóc sản phụ mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, truyền nhiễm, huyết học, nội tiết thường gặp trong thai kỳ.

1.3. Mô tả cách sử dụng và tránh lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.

2. Nội dung chương:

2.1. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa (Bệnh tim, bệnh thận).

2.1.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.1.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh nội khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.2. Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa (Viêm ruột thừa, tắc ruột, chấn thương).

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.2.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh ngoại khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.3. Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết.

2.3.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh sốt xuất huyết trong thai kỳ.

2.3.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh sốt xuất huyết trong thai kỳ.

2.4. Chăm sóc thai phụ xuất huyết giảm tiểu cầu.

2.4.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu trong thai kỳ.

2.4.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu trong thai kỳ.

2.5. Sử dụng và lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.

2.5.1. Vấn đề sử dụng và lạm dụng thuốc trong thai kỳ.

2.5.2. Sử dụng thuốc đúng trong thai kỳ.

2.6. Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.

2.6.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp trong thai kỳ.

2.6.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp trong thai kỳ.

2.7. Chăm sóc thai phụ tiểu đường.

2.7.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh tiểu đường trong thai kỳ.

2.7.2. Ảnh hưởng của tiểu đường đối với thai kỳ.

2.7.3. Test phát hiện sớm tiểu đường và thai kỳ.

2.7.4. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh tiểu đường trong thai kỳ.

2.8. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật

2.8.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tiền sản giật – sản giật trong thai kỳ.

2.8.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh tiền sản giật – sản giật trong thai kỳ.

2.9. Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng

2.9.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nôn nặng trong thai kỳ.

2.9.2. Chăm sóc thai phụ bị nôn nặng trong thai kỳ.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa phụ sản bệnh viện đa khoa tỉnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

Các chủ đề thảo luận:

Quản lý thai nghén phát hiện những thai phụ mắc các bệnh nội khoa đi kèm.

Các xét nghiệm giúp chẩn đoán các bệnh nội khoa.

Chăm sóc các thai phụ mắc các bệnh nội khoa.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tập trung vào một số bệnh thường gặp có thể ảnh hưởng đến thai nghén, sinh đẻ và cách chăm sóc những phụ nữ bị bệnh này trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ. Giới thiệu những kiến thức và các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng đánh giá, phương thức điều trị, dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Hộ sinh nâng cao, 2009.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003
- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Giáo trình môn học Chăm sóc hộ sinh nâng cao của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 42

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (THBV: 45).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ V.
- Tính chất: môn học bắt buộc thuộc kiến thức khối ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại các nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.

2. Thực hiện được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa đầu và nửa sau thời kỳ thai nghén.	4			2
2	Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa	4			2
3	Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa	2	1		1
4	Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết, xuất huyết giảm tiểu cầu.	2			1

5	Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.	8			4
6	Chăm sóc thai phụ tiểu đường.	8			4
7	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật	8			4
8	Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng	8			4
	Tổng số	44	1		22

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc hộ sinh nâng cao.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Về kiến thức:
 1. Hệ thống lại các nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.
 2. Thực hiện được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
 - Về kỹ năng:
 1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
 2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
 3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.
2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

 - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về chăm sóc hộ sinh nâng cao. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 43

Tên môn học: CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (LT: 20 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: môn học đặc thù của ngành, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Trình bày được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Các bệnh LTQĐTD với SKSS	14	14	
1	Đại cương các bệnh LTQĐTD với SKSS.	2	2	
2	Các bệnh LTQĐTD với phụ nữ mang thai.	4	4	
3	HIV với thai nghén và sinh đẻ.	4	4	
4	Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.	4	4	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 2. Các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh – Công tác tư vấn cho phụ nữ mang thai về các BLTQĐTD	6	5	
5	Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQĐTD.	4	3	1
6	Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.	2	2	
Tổng cộng		20	19	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Các bệnh LTQĐTD với SKSS

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

1.2. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, cách xử trí và chăm sóc cho các thai phụ và sản phụ mắc các các BLTQĐTD.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương các bệnh LTQĐTD với SKSS.

2.1.1. Đại cương về các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

2.1.2. Một số bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp.

2.2. Các bệnh LTQĐTD với phụ nữ mang thai.

2.2.1. Hội chứng loét sinh dục và sung hạch bẹn: giang mai, Herpes sinh dục, hạ cam mềm, mồng gà.

2.2.2. Viêm âm đạo do Trichomonas.

2.2.3. Viêm cổ tử cung do lậu và Chlamydia.

2.3. HIV với thai nghén và sinh đẻ.

2.3.1. Nhiễm HIV.

2.3.2. Nhiễm HIV ở phụ nữ mang thai.

2.3.3. Dự phòng lây truyền mẹ - con.

2.4. Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.

2.4.1. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm gan siêu vi B.

2.4.2. Lây truyền mẹ - con.

2.4.3. Dự phòng lây truyền mẹ - con.

Chương 2. Các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh – Công tác tư vấn cho phụ nữ mang thai về các BLTQĐTD **Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày ảnh hưởng của các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh.

1.2. Tư vấn được cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng khi mắc các BLTQĐTD.

2. Nội dung:

2.1. Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQĐTD.

2.1.1. Ảnh hưởng của các BLTQĐTD đối với thai nhi.

2.1.2. Ảnh hưởng của các BLTQĐTD đối với thai nhi.

2.1.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh của các bà mẹ bị BLTQĐTD.

2.2. Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.

2.2.1. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách tự phát hiện các bệnh LTQĐTD.

2.2.2. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách dự phòng khi mắc các bệnh LTQĐTD.

2.2.3. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.

Thực hành bệnh viện

Thời gian: 90 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa phụ sản bệnh viện đa khoa tỉnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh, trung tâm da liễu tỉnh

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức

1. Trình bày được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: trắc nghiệm MCQ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Các chủ đề thảo luận:

Quản lý thai nghén phát hiện những thai phụ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Dự phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục cho phụ nữ trước và trong khi mang thai.

Các xét nghiệm giúp chẩn đoán các bệnh lây truyền qua đường tình dục trong thai nghén.

Chăm sóc các thai phụ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Thực hành bệnh viện: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần chú ý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ, quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con. Trên cơ sở đó sinh viên lập kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản ở những đối tượng này và tư vấn các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn

- Bộ Y tế, Tài liệu phòng chống HIV/AIDS, năm 2008.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Giáo trình môn học Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 44

Tên môn học: TTBV CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (THBV: 45).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: môn học đặc thù của ngành, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Hệ thống được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng khi tiếp xúc chăm sóc và tư vấn cho người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		TTBV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các bệnh LTQDĐT với phụ nữ mang thai.	8			4
2	HIV với thai nghén và sinh đẻ.	8			2
3	Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.	8			4
4	Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQDĐT.	8		2	4
5	Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi	12	1		6

	mắc các bệnh LTQĐTD.				
	Tổng số	44	1	2	20

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc người bệnh lây truyền qua đường tình dục và thai nghén.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Về kiến thức
 1. Hệ thống được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .
 2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.
 - Về kỹ năng
 1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.
 2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.
 - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
- Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng khi tiếp xúc chăm sóc và tư vấn cho người bệnh.
2. Phương pháp:
 - Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.
 - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
 - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về bệnh lây truyền qua đường tình dục và thai nghén.. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc và tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 45

Tên môn học: TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 20 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.

- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.

2. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.	2	2	
2	Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.	2	2	
3	Tư vấn chăm sóc trẻ sốt.	2	2	
4	Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương	2	2	
5	Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.	2	2	
6	Tư vấn cho bà mẹ về hăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.	2	1	1

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
7	Tư vấn chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh.	1	1	
8	Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp	2	2	
9	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.	1	1	
10	Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.	2	2	
11	Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.	1	1	
12	Kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ.	1	1	
Tổng cộng		20	19	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của nhiễm khuẩn hô hấp cấp.

- Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp trẻ em
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 2: Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của trẻ tiêu chảy.

- Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng tiêu chảy
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 3: Tư vấn chăm sóc trẻ sốt. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của trẻ sốt.
 - Trình bày được cách xử trí trẻ sốt
 - Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý
2. Nội dung:
 - Khái niệm
 - Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
 - Triệu chứng lâm sàng
 - Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
 - Tư vấn cho bà mẹ

Bài 4: Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương.
 - Trình bày được cách xử trí trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương.
 - Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý
2. Nội dung:
 - Khái niệm
 - Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
 - Triệu chứng lâm sàng
 - Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
 - Tư vấn cho bà mẹ

Bài 5: Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn. Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.
 - Trình bày được cách xử trí trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.
 - Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý
2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 6: Tư vấn cho bà mẹ về hăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, biểu hiện, biến chứng của trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.
- Trình bày được cách xử trí trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 7: Tư vấn chăm sóc trẻ tim bẩm sinh. Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ tim bẩm sinh.
- Trình bày được cách xử trí trẻ tim bẩm sinh.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 8: Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp.
- Trình bày được cách xử trí trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 9: Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Trình bày được cách xử trí trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 10: Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ co giật.
- Trình bày được cách xử trí trẻ co giật.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 11: Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ viêm tai.
- Trình bày được cách xử trí trẻ viêm tai.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

Bài 12: Kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ.

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm và mục đích của tư vấn.
- Trình bày được tiến trình tư vấn và rèn luyện kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ

2. Nội dung:

- Khái niệm tư vấn
- Đặc điểm, mục đích tư vấn
- Tiến trình tư vấn

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa nhi bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.
- Về kỹ năng: Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: trắc nghiệm MCQ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: thuyết trình kết hợp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm (giảng lớp lớn).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng và cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.

- Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, năm 2008.

- Bộ Y tế, Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học năm 2006.

- Bộ Y tế - Văn phòng Kỹ thuật IMCI, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, 2009.

- Bệnh viện Nhi Trung Ương, Cẩm nang điều trị Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.

- Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I, II, NXB Y học, 2003.

- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2005.

- Giáo trình môn học Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 46

Tên môn học: TTBV TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH HÀNH CHĂM SÓC TRẺ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (THBV: 45 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại kiến thức về nguyên nhân, đường lây, triệu chứng và nguyên tắc xử trí, phòng bệnh của các bệnh lý theo các hệ cơ quan của trẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.	4			4
2	Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.	4			4
3	Tư vấn chăm sóc trẻ sốt.	4			4
4	Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương	4	1		4
5	Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.	4			4
6	Tư vấn cho bà mẹ về hăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.	4			4

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
7	Tư vấn chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh.	4			4
8	Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp	4			4
9	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.	4			4
10	Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.	4			4
11	Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.	4			4
Tổng cộng		44	1		44

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa nhi bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sổ ghi, trang phục bệnh viện.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.

- Về kỹ năng: Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: làm bệnh án, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: làm bệnh án + Vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thực hành bệnh viện: giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng và cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.
- Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, năm 2008.
- Bộ Y tế, Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học năm 2006.
- Bộ Y tế - Văn phòng Kỹ thuật IMCI, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, 2009.
- Bệnh viện Nhi Trung Ương, Cẩm nang điều trị Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.
- Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I, II, NXB Y học, 2003.
- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2005.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 47

Tên môn học: GIỚI THIỆU NGÀNH HỘ SINH VÀ QUÁ TRÌNH SINH ĐẼ - HỘ SINH QUỐC TẾ

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (LT: 40 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: Môn học tự chọn, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Mô tả được vai trò của người hộ sinh trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.
2. Thảo luận được vai trò của người hộ sinh trong bối cảnh Việt Nam, về đỡ đẻ như một chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu, về tác động của các MDGs về hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.
3. Giải thích được cho bà mẹ việc sinh con tác động đến đời sống của họ như thế nào.
4. Mô tả các quy chế hành nghề hộ sinh ở Việt Nam và so sánh với các nước khác trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương.
5. Tổng quan về vai trò của các tổ chức quốc tế về việc cung cấp chăm sóc hộ sinh ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

1. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc bà mẹ mang thai.
2. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với bà mẹ mang thai.

3. Giải thích thống kê cơ bản về bà mẹ và chu sinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ	22	21	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Năng lực người hộ sinh, hành nghề hộ sinh ở Việt Nam	4	4	
2	Vai trò của người hộ sinh và phạm vi hành nghề hộ sinh.	2	2	
3	Tác động của việc sinh con đến người phụ nữ và gia đình của họ.	2	2	
4	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc hộ sinh.	4	4	
5	Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề hộ sinh.	3	3	
6	Chăm sóc hộ sinh dựa trên bằng chứng.	4	4	
7	Chăm sóc lấy người phụ nữ làm trung tâm.	3	2	1
	Chương 2. Hộ sinh quốc tế	18	18	
8	Quy chế các nhóm nghề nghiệp và các quy chế nghề Hộ sinh quốc tế	2	2	
9	Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ. Phân tích và xu hướng	4	4	
10	Các chỉ số về sức khỏe sinh sản	4	4	
11	Bối cảnh quốc tế về mối quan hệ giữa Hộ sinh và bà mẹ	2	2	
12	Các năng lực hộ sinh quốc tế	4	4	
13	Vai trò của hộ sinh quốc tế	2	2	
Tổng cộng		40	39	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ.

Thời gian: 22 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được năng lực, vai trò, kỹ năng và phạm vi hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.

1.2. Thực hiện được các kỹ năng hành nghề hộ sinh.

1.3. Thực hiện được việc thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung chương

2.1. Năng lực người hộ sinh, hành nghề hộ sinh ở Việt Nam

2.2. Vai trò của người hộ sinh và phạm vi hành nghề hộ sinh.

2.3. Tác động của việc sinh con đến người phụ nữ và gia đình của họ.

2.4. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc hộ sinh.

2.5. Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề hộ sinh.

2.6. Chăm sóc hộ sinh dựa trên bằng chứng.

2.7. Chăm sóc lấy người phụ nữ làm trung tâm.

Chương 2. Hộ sinh quốc tế

Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các nhóm qui chế nghề nghiệp và qui chế nghề hộ sinh.

1.2. Trình bày được các năng lực và vai trò của hộ sinh quốc tế.

1.3. Thực hiện được cách tính các chỉ số sức khỏe sinh sản, việc thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ, phân tích và xu hướng.

2. Nội dung chương

2.1. Quy chế các nhóm nghề nghiệp và các quy chế nghề Hộ sinh quốc tế

2.2. Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ. Phân tích và xu hướng

2.3. Các chỉ số về sức khỏe sinh sản

2.4. Bối cảnh quốc tế về mối quan hệ giữa Hộ sinh và bà mẹ

2.5. Các năng lực hộ sinh quốc tế

2.6. Vai trò của hộ sinh quốc tế

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học: giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Mô tả được vai trò của người hộ sinh trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

+ Thảo luận được vai trò của người hộ sinh trong bối cảnh Việt Nam, về đỡ đẻ như một chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu, về tác động của các MDGs về hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.

+ Giải thích được cho bà mẹ việc sinh con tác động đến đời sống của họ như thế nào.

Mô tả các quy chế hành nghề hộ sinh ở Việt Nam và so sánh với các nước khác trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

+ Tổng quan về vai trò của các tổ chức quốc tế về việc cung cấp chăm sóc hộ sinh ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

+ Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc bà mẹ mang thai.

+ Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với bà mẹ mang thai.

Giải thích thông kê cơ bản về bà mẹ và chu sinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: trắc nghiệm MCQ.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hộ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Giảng lý thuyết theo nhóm nhỏ, thảo luận.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giới thiệu cho sinh viên các chủ đề chương trình học, triết học hộ sinh và bối cảnh của thực hành hộ sinh, bối cảnh nghề hộ sinh trên thế giới và trong khu vực, quy chế của các nhóm nghề, thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ, phân tích và xu hướng; Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) và hành nghề hộ sinh; Một số cơ quan quốc tế khác - UNFPA và UNICEF; Liên đoàn quốc tế về hộ sinh (ICM) và hành nghề hộ sinh tại Việt Nam.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Harris P Nagy S Vardaxis N (eds) Mosby's Dictionary of Medicine, Nursing and Health Professions, Australian and New Zealand Edition, Sydney, Mosby Elsevier, 2006.
- Pairman S Pincombe J, Thorogood C, Tracy S K (Eds) Midwifery: Preparation for Practice (2006) Elsevier Science, Sydney Australia
- WHO, World Health Report 2005, Geneva, World Health Organization, 2005.
- Các năng lực thiết yếu đối với hành nghề hộ sinh cơ bản tại website:
[http://www.internationalmidwives.org/Portals/5/Documentation/EssentialCompse
nglish2002-JF_2000FINAL.pdf](http://www.internationalmidwives.org/Portals/5/Documentation/EssentialCompse
nglish2002-JF_2000FINAL.pdf).
- Báo cáo các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ 2010 (Liên hiệp quốc) tại website:
<http://www.un.org/millenniumgoals/pdf/MDGReportEn-low202010060-.pdf>.
- Giáo trình môn học Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 47

Tên môn học: QUẢN LÝ HỘ SINH - THỰC HÀNH HỘ SINH DỰA VÀO BẰNG CHỨNG & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý, khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của người hộ sinh trong thực hành hộ sinh

2. Trình bày được khái niệm, lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc người mẹ và trẻ em.

3. Trình bày được phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học hộ sinh và nâng cao chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Về kỹ năng:

1. Thể hiện được vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Có khả năng nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

3. Có khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu hộ sinh một cách khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và trung thực trong quản lý hộ sinh, trong nghiên cứu khoa học và thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Quản lý hộ sinh	16	16		
1	Khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh	04	04		
2	Quản lý khoa phòng, Quản lý các nguồn lực và quản lý các nguy cơ	04	04		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Quản lý thời gian, Phân công công việc và giám sát	04	04		
4	Đôi phó với các xung đột và giải quyết xung đột	04	04		
	Chương 2. Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học	24	23		01
5	Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng	05	05		
6	Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng và tìm kiếm thông tin	06	06		
7	Cách tiếp cận và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ thực hành hộ sinh	08	07		01
8	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học	05	05		
Tổng cộng		40	39		01

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Quản lý hộ sinh

Thời gian: 16 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đặc điểm quản lý hộ sinh.
- 1.2. Thực hiện được quản lý khoa phòng, nhân sự.
- 1.3. Giải quyết được các xung đột xảy ra tại khoa phòng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh
 - 2.1.1. Khái niệm về quản lý hộ sinh.
 - 2.1.2. Các phương pháp quản lý hộ sinh.
- 2.2. Quản lý khoa phòng, Quản lý các nguồn lực và quản lý các nguy cơ
 - 2.2.1. Quản lý khoa phòng.
 - 2.2.2. Quản lý các nguồn lực.
 - 2.2.3. Quản lý các nguy cơ.

2.3. Quản lý thời gian, Phân công công việc và giám sát

2.3.1. Quản lý thời gian.

2.3.2. Phân công việc và giám sát.

2.4. Đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột

2.4.1. Đối phó với các xung đột.

2.4.2. Giải quyết xung đột.

Chương 2. Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học

Thời gian: 24 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày những điểm mấu chốt trong việc chăm sóc hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

1.2. Thực hiện được các công việc cụ thể trong việc chăm sóc hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng

2.1.1. Khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng.

2.1.2. Ích lợi của việc chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng.

2.2. Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng và tìm kiếm thông tin

2.2.1. Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng.

2.2.2. Cách tìm kiếm thông tin.

2.3. Cách tiếp cận và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ thực hành hộ sinh

2.3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu khoa học.

2.3.2. Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học.

2.4. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2.4.1. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2.4.2. Thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa ở trường và khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: quản lý hộ sinh, quản lý khoa phòng, chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng: đánh giá khả năng quản lý khoa phòng, giải quyết các mối quan hệ của sinh viên khi làm việc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thái độ làm việc và học tập của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng thuộc ngành hộ sinh trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (thảo luận nhóm nhỏ, giải quyết tình huống, bài tập, đóng vai).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên chú ý cung cấp cách xây dựng các khối kiến thức về hộ sinh, giúp sinh viên hiểu cách tiếp cận "bằng chứng" trong việc thực hành hộ sinh dựa trên bằng chứng thông qua các hiểu biết về chuyên ngành, các khái niệm và lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc người mẹ và trẻ em. Sinh viên hiểu được bản chất của công việc hộ sinh, bản chất của kiến thức, các cách nghiên cứu các vấn đề trên cơ sở thực hành.

Đồng thời cần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học hộ sinh, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu hộ sinh và nâng cao chăm sóc sức khỏe sinh sản; Biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học. Học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu hộ sinh một cách khoa học.

Bên cạnh đó, giảng viên nên cung cấp cho sinh viên khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh, quản lý khoa phòng, quản lý nguồn lực, các yếu tố nguy cơ, thời gian. Phân công và giám sát công việc, đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình quản lý hộ sinh, 2009.

- Bộ Y tế, Giáo trình Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học, 2009.

- Bộ Y tế - Dự án Hỗ trợ y tế Quốc gia, Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học, 1999.
 - Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003.
 - Bộ Y tế, Vụ khoa học và đào tạo (2005), “Chăm sóc bà mẹ trong đẻ”, NXB Y học, 2005
 - Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2002) “Bài giảng Sản phụ khoa”, tập 1, 2, NXB Y học
 - Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2004), “Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành”, NXB Y học.
 - Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002), “Chăm sóc sức khỏe sinh sản”, NXB Y học.
 - Trường Đại học y khoa Hà Nội: Các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong y học, 2003.
 - Giáo trình môn học Quản lý hộ sinh – thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 48

Tên môn học: PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (LT: 20 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 1. Trình bày được sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
 2. Trình bày được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
 3. Trình bày được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
 4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.
- Về kỹ năng:
 1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
 2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
 3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
 1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	Chương 1. Phá thai an toàn và toàn diện	9	9	
1	Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn và nguyên lý của các phương pháp phá thai.	2	2	

2	Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.	2	2	
3	Phá thai bệnh lý.	1	1	
4	Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.	2	2	
5	Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai.	2	2	
	Chương 2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên	11	10	
6	Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.	3	2	1
7	Tình dục tuổi VTN.	2	2	
8	Vấn đề thai nghén tuổi VTN.	3	3	
9	Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.	3	3	
Tổng cộng		20	19	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Phá thai an toàn và toàn diện Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những khái niệm cơ bản về phá thai an toàn, các nguyên lý của các phương pháp phá thai.

1.2. Tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương pháp phá thai an toàn và phù hợp.

1.3. Thực hiện chăm sóc khách hàng trước, trong và sau khi phá thai.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn và nguyên lý của các phương pháp phá thai.

2.1.2. Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn.

2.1.3. Nguyên lý của các phương pháp phá thai

2.2. Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.

2.2.1. Phá thai nhỏ dưới 8 tuần.

2.2.2. Phá thai trên 8 tuần.

2.3. Phá thai bệnh lý.

2.3.1. Các bệnh lý của thai trong ba tháng đầu.

2.3.2. Các bệnh của thai ở ba tháng giữa.

- 2.3.3. Các phương pháp phá thai phù hợp.
- 2.4. Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.
 - 2.4.1. Các bước của một buổi tư vấn.
 - 2.4.2. Tư vấn khách hàng lựa chọn một biện pháp phá thai phù hợp.
- 2.5. Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai.
 - 2.5.1. Tư vấn chăm sóc khách hàng trước khi phá thai.
 - 2.5.2. Tư vấn chăm sóc khách hàng trong khi phá thai.
 - 2.5.3. Tư vấn chăm sóc khách hàng sau khi phá thai.

Chương 2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày những đặc điểm tâm sinh lý của vị thành niên.
- 1.2. Trình bày vấn đề tình dục, thai nghén, nguy cơ thai nghén ở độ tuổi vị thành niên.
- 1.3. Tư vấn cho vị thành niên các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản và thai nghén.

2. Nội dung:

- 2.1. Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.
 - 2.1.1. Đặc điểm tâm lý tuổi vị thành niên.
 - 2.1.2. Đặc điểm sinh lý tuổi vị thành niên.
- 2.2. Tình dục tuổi VTN.
 - 2.2.1. Nhu cầu tình dục ở tuổi vị thành niên.
 - 2.2.2. Giáo dục tình dục cho tuổi vị thành niên.
 - 2.2.3. Nguy cơ tình dục ở tuổi vị thành niên.
- 2.3. Vấn đề thai nghén tuổi VTN.
 - 2.3.1. Đặc điểm thai nghén ở tuổi vị thành niên.
 - 2.3.2. Nguy cơ thai nghén ở độ tuổi vị thành niên.
- 2.4. Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.
 - 2.4.1. Các nguy cơ tình dục không an toàn.
 - 2.4.2. Nguy cơ bị xâm phạm tình dục.
 - 2.4.3. Nguy cơ mang thai và sinh đẻ.
- 2.5. Tư vấn cho VTN các vấn đề liên quan đến SKSS VTN.
 - 2.5.1. Đặc điểm tư vấn cho vị thành niên.
 - 2.5.2. Tư vấn cho VTN về các vấn đề liên quan đến SKSS. VTN.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, phòng thực hành sức khỏe sinh sản, khoa phụ sản bệnh viện tỉnh, trung tâm chăm sóc khỏe bà mẹ và trẻ em tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ .

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên. Trình bày được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên. Trình bày được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng giảng dạy cho sinh viên cao đẳng hộ sinh trong toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn)

- Thực hành tại trường: thực hành trên lab, giảng viên hướng dẫn, đóng vai, cemina, thảo luận.

- Thực hành bệnh viện: giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên bệnh viện và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức và kỹ năng về: các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất, cách chăm sóc an toàn và hiệu quả nhất, cung cấp dịch vụ sau phá thai cho khách hàng.

Huấn luyện sinh viên thành thực công tác tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất, thực hiện các biện pháp phá thai và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các biến cố gần cũng như các biến chứng xa cho khách hàng, tư vấn và cung cấp dịch vụ sau phá thai cho khách hàng.

Học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về: sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên, các nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.
- Bộ Y tế, Giáo trình Phá thai an toàn và toàn diện, 2009.
- Bộ Y tế - Dự án hỗ trợ y tế Quốc gia, Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học, 1999.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Bộ Y tế, Giải phẫu – sinh lý chuyên ngành, 2009.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Phá thai an toàn và toàn diện, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 49

Tên môn học: TTBV PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (THBV: 45).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
 1. Hệ thống lại sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
 2. Biết được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và thực hiện được kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
 3. Hệ thống được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
 4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.
- Về kỹ năng:
 1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
 2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
 3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.	4		2	

2	Phá thai bệnh lý.	4		2	
3	Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai. Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.	12			6
4	Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.	5			4
5	Vấn đề thai nghén tuổi VTN, tình dục tuổi VTN.	4			2
6	Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.	8			4
7	Tư vấn cho VTN các vấn đề liên quan đến SKSS VTN.	8			4
	Tổng số	45		4	20

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc người bệnh phá thai, trẻ vị thành niên.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
 - Về kiến thức:
 1. Hệ thống lại sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
 2. Biết được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và thực hiện được kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
 3. Hệ thống được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
 4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.
 - Về kỹ năng:
 1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
 2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.

3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về phá thai an toàn và toàn diện, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc và tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 50

Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm, nội dung và vai trò của Hộ sinh trong chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng.

2. Trình bày được cách xác định tình trạng sức khoẻ cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khoẻ tại cộng đồng.

- Về kỹ năng:

1. Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng.

2. Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khoẻ, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khoẻ sinh sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thông cảm và tôn trọng cộng đồng, Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khoẻ, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khoẻ sinh sản

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Chương 1. Đại cương về chăm sóc sức khoẻ sinh sản cộng đồng	08	08		
1	Đại cương về chăm sóc sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng.	02	02		
2	Chẩn đoán cộng đồng	03	03		
3	Xác định nhu cầu chăm sóc sức khoẻ sinh sản cộng đồng	03	03		
	Chương 2. Các quy trình chăm sóc	12	11		01

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	sức khỏe sinh sản cộng đồng.				
4	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng	03	03		
5	Quy trình chăm sóc hộ sinh tại cộng đồng	03	03		01
6	Thăm và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại hộ gia đình	03	03		
7	Quản lý công tác hộ sinh tại cộng đồng	02	02		
Tổng cộng		20	19		01

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Đại cương về chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được khái niệm về chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- 1.2. Thực hiện được chẩn đoán cộng đồng và xác định được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.
- 2.2. Chẩn đoán cộng đồng
- 2.3. Xác định nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng

Chương 2. Các quy trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- 1.1. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.
- 1.2. Thực hiện được quy trình chăm sóc hộ sinh tại cộng đồng, tại hộ gia đình.

2. Nội dung:

- 2.1. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng
- 2.2. Quy trình chăm sóc hộ sinh tại cộng đồng
- 2.3. Thăm và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại hộ gia đình
- 2.4. Quản lý công tác hộ sinh tại cộng đồng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, phối hợp với các trạm y tế trong địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
2. Trang thiết bị máy móc: Laptop, projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về Kiến thức: Trình bày được khái niệm, nội dung và vai trò của Hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Trình bày được cách xác định tình trạng sức khỏe cộng đồng, các yếu tố tác động tới sức khỏe tại cộng đồng.
- Về kỹ năng: Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thông cảm và tôn trọng cộng đồng, Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản

2. phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.
- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng được sử dụng để giảng dạy hộ sinh trình độ cao đẳng trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: áp dụng phương pháp dạy học tích cực theo hướng hình thành năng lực cho người học, làm cho sinh viên chủ động, tích cực học tập nhằm đạt được mục đích của môn học.
- Đối với người học: cần chủ động, tích cực, phát huy tính thần tự học, rèn luyện tác phong làm việc tập thể, tinh thần tương thân tương ái với đồng nghiệp; khả năng giải quyết tình huống; rèn luyện tác phong thận trọng chính xác trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Điểm cốt lõi của học phần là giáo dục và hình thành cho người cử nhân hộ sinh có thể chẩn đoán được vấn đề sức khỏe cộng đồng và khả năng giải quyết vấn đề sức khỏe đó.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

Bộ Y tế, Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, 2009.

Bộ Y tế - Dự án hỗ trợ Y tế Quốc gia: Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học 1999

Bộ Y tế: Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo (2005), “Chăm sóc bà mẹ trong đẻ”, NXB Y học, 2005

Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2002) “Bài giảng Sản phụ khoa”, tập 1, 2, NXB Y học

Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2004), “Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành”, NXB Y học

Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002), “Chăm sóc sức khỏe sinh sản”, NXB Y học.

Trường Đại học Y tế Cộng đồng: Y tế cộng đồng, NXB Y học năm 2000.

Giáo trình môn học Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 51

Tên môn học: TH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (THCĐ: 45).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ VI.
- Tính chất: là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về Kiến thức:

Hệ thống kiến thức về nội dung, vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng và cách xác định tình trạng sức khỏe, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng.

- Về kỹ năng:

1. Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

2. Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thông cảm và tôn trọng cộng đồng, cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Tổng số	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	Chương 1. Đại cương về chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	13			
1	Đại cương về chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.	0			
2	Chẩn đoán cộng đồng	5		5	
3	Xác định nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	8		4	4
	Chương 2. Các quy trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng.	31			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Tổng số	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
4	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng	7	1	3	4
5	Quy trình chăm sóc hộ sinh tại cộng đồng	8		4	4
6	Thăm và chăm sóc sức khỏe sinh sản tại hộ gia đình	8		4	4
7	Quản lý công tác hộ sinh tại cộng đồng	8		4	4
Tổng cộng		44	1	24	20

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Trạm y tế xã, phường
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho việc lập kế hoạch và quy trình chăm sóc hộ sinh, quản lý công tác hộ sinh tại cộng đồng.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sổ ghi, trang phục bệnh viện, ..
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về Kiến thức:

Hệ thống kiến thức về nội dung, vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng và cách xác định tình trạng sức khỏe, các yếu tố tác động tới sức khỏe cộng đồng.

- Về kỹ năng:

1. Lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

2. Cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thông cảm và tôn trọng cộng đồng, cung cấp được các dịch vụ chăm sóc, quản lý sức khỏe, bệnh tật, thay đổi các tập quán sống không có lợi cho sức khỏe sinh sản

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi báo cáo+ vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng được sử dụng để giảng dạy hộ sinh trình độ cao đẳng trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thực hành cộng đồng: nhà trường kết hợp với cán bộ bệnh viện. Mỗi trường trạm quản lý 1 nhóm 2-3 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, trường trạm và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Điểm cốt lõi của học phần là giáo dục và hình thành cho người cử nhân hộ sinh có thể chẩn đoán được vấn đề sức khỏe cộng đồng và khả năng giải quyết vấn đề sức khỏe đó.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Chăm sóc sức khỏe cộng đồng, 2009.

- Bộ Y tế - Dự án hỗ trợ Y tế Quốc gia: Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học 1999

- Bộ Y tế: Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo (2005), “Chăm sóc bà mẹ trong đẻ”, NXB Y học, 2005

- Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2002) “Bài giảng Sản phụ khoa”, tập 1, 2, NXB Y học

- Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2004), “Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành”, NXB Y học

- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002), “Chăm sóc sức khỏe sinh sản”, NXB Y học.

- Trường Đại học Y tế Cộng đồng: Y tế cộng đồng, NXB Y học năm 2000.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 52

Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (Thực tế ngành)

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ (THBV)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là học phần được phân bố vào cuối khóa học, sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần được qui định trong chương trình.

- Tính chất: thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại toàn bộ kiến thức về:

1. Chăm sóc thai nghén
2. Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường và đẻ khó
3. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
4. Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh
5. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ
6. Chăm sóc hộ sinh nâng cao
7. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén
8. Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ
9. Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên

- Về kỹ năng:

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.
2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Chăm sóc thai nghén	16			8

TT	Tên chương, mục	Thời gian (Giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
2	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường và đẻ khó	16			8
3	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	16			8
4	Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	16			8
5	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	16			8
6	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	12			6
7	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	16			8
8	Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ	12			6
9	Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	15			7
Tổng cộng		135	135		67

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện huyện/ tỉnh, phối hợp với trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị tại khoa phụ sản
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ thực hành tại khoa phụ sản, sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ các bảng kiểm, qui trình đã được học, sổ tay lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: đã hoàn tất tất cả các học phần được qui định trong chương trình.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại toàn bộ kiến thức về:

1. Chăm sóc thai nghén
2. Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường và đẻ khó
3. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
4. Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh
5. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ

6. Chăm sóc hộ sinh nâng cao
7. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén
8. Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ
9. Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên

- Về kỹ năng:

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức đánh giá: chấm bài báo cáo.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học thực tập tốt nghiệp được sử dụng để giảng dạy hộ sinh trình độ cao đẳng trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: áp dụng phương pháp dạy học tích cực theo hướng hình thành năng lực cho người học, làm cho sinh viên chủ động, tích cực học tập nhằm đạt được mục đích của môn học.

- Đối với người học: cần chủ động, tích cực, phát huy tính thần tự học, rèn luyện tác phong làm việc tập thể, tinh thần tương thân tương ái với đồng nghiệp; khả năng giải quyết tình huống; rèn luyện tác phong thận trọng chính xác trong công tác quản lý khoa phòng và chăm sóc người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đợt thực tập thực hành nghề nghiệp được thực hiện vào thời điểm cuối khoá học, trước khi thi tốt nghiệp, giảng viên phải chú ý giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể; Đảm bảo sinh viên có thể quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, đánh giá được qui trình không chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng,

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 53

Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 135 giờ

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là học phần được phân bố vào cuối khóa học, sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần được qui định trong chương trình và sau thực tập nghề nghiệp.

- Tính chất: thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được các mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện.

2. Mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở.

3. Mô tả quy trình quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.

4. Mô tả được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng.

- Về kỹ năng:

Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Phân bổ thời gian (Giờ)
1	Đánh giá mô hình tổ chức, quản lý tại y tế cơ sở thực tập	7
2	Chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng	12
3	Qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại cơ sở thực tập	16
4	Mô tả việc thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản.	40
5	Nhận xét về tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh	40
6	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối	20

TT	Tên chương, mục	Phân bố thời gian (Giờ)
	tượng cụ thể.	
Tổng cộng		135

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện huyện/ tỉnh, phối hợp với trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị tại khoa phụ sản
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ thực hành tại khoa phụ sản, sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ các bảng kiểm, qui trình đã được học, sổ tay lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: đã hoàn tất tất cả các học phần được qui định trong chương trình.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được các mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện. Mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở. Mô tả quy trình quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng. Mô tả được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng.

- Về kỹ năng: Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

2. Phương pháp:

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm thi kết thúc học phần:

+ 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.

+ Đánh giá dựa vào trình bày báo cáo và vấn đáp.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho tất cả đối tượng hộ sinh trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên chủ động, tích cực học tập nhằm đạt được mục đích của môn học.

- Đối với người học: cần chủ động, tích cực, phát huy tính thân tự học, rèn luyện kỹ năng nhận định, trình bày các thông tin thu thập được một cách chính xác và khoa học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Báo cáo tốt nghiệp được thực hiện sau khi kết thúc đợt thực tập nghề nghiệp được, giảng viên phải chú ý giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể; Đảm bảo sinh viên có thể quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, đánh giá được quy trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ	12
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN	21
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT	36
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH	44
Tên môn học: HÓA HỌC	59
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN	64
Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH	69
Tên môn học: TIN HỌC	74
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC	86
Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH	92
Tên môn học: VI SINH VẬT – KÝ SINH TRÙNG	97
Tên môn học: GIẢI PHẪU - SINH LÝ	103
Tên môn học: HÓA SINH	111
Tên môn học: SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG VÀ VỆ SINH	115
Tên môn học: DINH DƯỠNG - TIẾT CHẾ	121
Tên môn học: PHÁP LUẬT	126
Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y – DƯỢC	133
Tên môn học: SINH LÝ BỆNH	138
Tên môn học: DỊCH TỄ HỌC VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM	150
Tên môn học: GIAO TIẾP VÀ GIÁO DỤC SỨC KHỎE	157
Tên môn học: ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN, CẤP CỨU BAN ĐẦU	161
Tên môn học: KHÔNG CHẾ NHIỄM KHUẨN	170
Tên môn học: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ	176
Tên môn học: NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI	183
Tên môn học: NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	189
Tên môn học: GIẢI PHẪU SINH LÝ CHUYÊN NGÀNH CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC	193
Tên môn học: CHĂM SÓC THAI NGHÉN	206
Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC THAI NGHÉN	211
Tên môn học: CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ THƯỜNG	214
Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ THƯỜNG	219
Tên môn học: DƯỢC LÝ	222
Tên môn học: CHĂM SÓC SAU ĐẸ - CHĂM SÓC SƠ SINH	232

Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC SAU ĐẼ - CHĂM SÓC SƠ SINH	239
Tên môn học: CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI.....	243
Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC TRẺ DƯỚI 5 TUỔI.....	248
Tên môn học: CHĂM SÓC CHUYỂN DẠ ĐẼ KHÓ	251
Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC CHUYỂN DẠ ĐẼ KHÓ.....	256
Tên môn học: DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH - THỰC HÀNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH	259
Tên môn học: TTBV DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH - THỰC HÀNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH	264
Tên môn học: THỰC HÀNH SẢN PHỤ - LIỆU PHÁP GIẢM ĐAU TRONG SINH ĐẼ	267
Tên môn học: CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO.....	270
Tên môn học: TTBV CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO	275
Tên môn học: CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN	278
Tên môn học: TTBV CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN	283
Tên môn học: TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ	286
Tên môn học: TTBV TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ.....	293
Tên môn học: GIỚI THIỆU NGÀNH HỘ SINH VÀ QUÁ TRÌNH SINH ĐẼ - HỘ SINH QUỐC TẾ.....	296
Tên môn học: QUẢN LÝ HỘ SINH - THỰC HÀNH HỘ SINH DỰA VÀO BẢNG CHỨNG & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	301
Tên môn học: PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN.....	306
Tên môn học: TTBV PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN.....	311
Tên môn học: CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG	314
Tên môn học: TH CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN CỘNG ĐỒNG	318
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (Thực tế ngành).....	321
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP	325

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

